

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỒ SƠ MỜI THẦU**

- Gói thầu** : Cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ chính và thiết bị phụ trợ
- Dự án** : Nhà máy chế biến bột silica công suất 55.000 tấn/năm (điều chỉnh) tại xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
- Địa điểm:** : Xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa

## HỒ SƠ MỜI THẦU

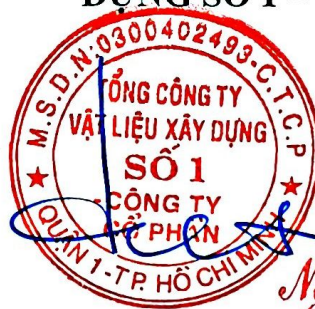
- Số hiệu gói thầu : Gói thầu số 2
- Gói thầu : Cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ chính và thiết bị phụ trợ
- Dự án : Nhà máy chế biến bột silica công suất 55.000 tấn/năm (điều chỉnh) tại xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
- Phát hành ngày : 17/09/2020
- Ban hành kèm theo Quyết định : Số 134/QĐ-HĐQT ngày 11/09/2020

TƯ VẤN LẬP HỒ SƠ MỜI THẦU  
CÔNG TY CP KHẢO SÁT  
THIẾT KẾ VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Tăng

BÊN MỜI THẦU  
TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY  
DỰNG SỐ 1 - CTCP



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Hằng

## MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT .....	3
TỪ NGỮ VIẾT TẮT .....	4
<b>Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU .....</b>	<b>5</b>
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU .....	5
Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU.....	26
Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT .....	30
Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU.....	48
<b>Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP .....</b>	<b>81</b>
Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP .....	81
<b>Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG .....</b>	<b>138</b>
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG .....	138
Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG.....	145
Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....	149

# MÔ TẢ TÓM TẮT

## Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

### Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

### Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự thầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu.

### Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

### Chương V. Phạm vi cung cấp

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan mà nhà thầu phải thực hiện; yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa.

## Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

### Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho hợp đồng của gói thầu.

### Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm sửa đổi, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của hợp đồng.

### Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu, bao gồm hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính
HSDXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật
HSDXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	đồng Việt Nam
USD	đô la Mỹ
EUR	đồng tiền chung Châu Âu

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<b>1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng</b>	<p>1.1. Bên mời thầu quy định tại <b>BDL</b> phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.</p> <p>1.2. Tên gói thầu; số lượng, số hiệu các phần (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) thuộc gói thầu quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>1.3. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>2. Nguồn vốn</b>	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>3. Hành vi bị cấm</b>	<p>3.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>3.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.</p> <p>3.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;</p> <p>b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSMT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;</p> <p>c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.</p> <p>3.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;</p> <p>b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSMT làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>3.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.</p> <p>3.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn</p>

nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;

h) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSMT;

i) Chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

3.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 73, khoản 12 Điều 74, điểm i khoản 1 Điều 75, khoản 7 Điều 76, khoản 7 Điều 78, điểm d khoản 2 Điều 92 của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13:

a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật.

3.8. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết;

b) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của nhà thầu, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng.

3.9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác

	định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu.
<b>4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b>	<p>4.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>4.2. Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>4.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;</p> <p>4.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>4.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>4.6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>5. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan</b>	<p>5.1. Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.</p> <p>5.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư dùng cho các cơ sở .</p> <p>Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.</p> <p>Thuật ngữ “các dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ ...</p> <p>5.3. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 5.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ xuất xứ của hàng hóa, ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>6. Nội dung của HSMT</b>	<p>6.1. HSMT gồm có các Phần 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 8 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.</li> </ul> <p>Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Phạm vi cung cấp.</li> </ul> <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul> <p>6.2. Thư mời thầu/thông báo mời thầu do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSMT.</p>



	<p>6.3. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 8 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. Các tài liệu do nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do Bên mời thầu phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.</p> <p>6.4. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị lập HSDT của mình bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSMT.</p>
<b>7. Làm rõ HSMT</b>	<p>7.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có). Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMT của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu một số ngày theo quy định tại <b>BDL</b>, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời tất cả các yêu cầu làm rõ HSMT. Bên mời thầu sẽ gửi văn bản làm rõ HSMT cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ HSMT và tất cả nhà thầu khác đã nhận HSMT từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 8 và Mục 22.2 CDNT.</p> <p>7.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT, gửi cho tất cả nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT từ Bên mời thầu. Trong trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ phát hành văn bản sửa đổi HSMT như quy định tại Mục 8 CDNT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà thầu.</p>
<b>8. Sửa đổi HSMT</b>	<p>8.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMT.</p> <p>8.2. Văn bản sửa đổi HSMT được coi là một phần của HSMT và phải được thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu.</p> <p>8.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT đến các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu theo thời gian quy định tại <b>BDL</b>. Nhằm giúp các nhà thầu có đủ thời gian hợp lý để sửa đổi HSDT, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22.2 CDNT. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu là đã nhận được tài liệu sửa đổi đó bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p>
<b>9. Chi phí dự thầu</b>	Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
<b>10. Ngôn ngữ của HSDT</b>	HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại <b>BDL</b> .

<p><b>11. Thành phần của HSDT</b></p>	<p>HSDT bao gồm HSDXKT và HSDXTC, trong đó:</p> <p>11.1. HSDXKT phải bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đơn dự thầu thuộc HSDXKT theo quy định tại Mục 12 CDNT;</li> <li>b) Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;</li> <li>c) Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 19 CDNT;</li> <li>d) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT;</li> <li>đ) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 20.3 CDNT;</li> <li>e) Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 17 CDNT;</li> <li>g) Đề xuất về kỹ thuật và tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 16 CDNT.</li> </ul> <p>11.2. HSDXTC phải bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đơn dự thầu thuộc HSDXTC theo quy định tại Mục 12 CDNT;</li> <li>b) Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 12 và Mục 14 CDNT.</li> </ul> <p>11.3. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 13 CDNT, kèm theo đề xuất về tài chính liên quan đến phương án kỹ thuật thay thế (nếu có);</p> <p>11.4. Các nội dung khác theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>12. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b></p>	<p>Đơn dự thầu thuộc HSDXKT, đơn dự thầu thuộc HSDXTC và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.</p>
<p><b>13. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT</b></p>	<p>13.1. Trường hợp HSMT có quy định tại <b>BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>13.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p>
<p><b>14. Giá dự thầu và giảm giá</b></p>	<p>14.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.</p> <p>14.2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc được mô tả trong Mục 1.1 CDNT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo các mẫu</p>

	<p>tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.</p> <p>Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hàng hóa, dịch vụ này vào các hàng hóa, dịch vụ khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong mỗi bảng giá, nhà thầu phải chào theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>14.3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDXTC hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp riêng thì thực hiện như quy định tại Mục 21.2 và Mục 21.3 CDNT. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDXTC của nhà thầu.</p> <p>14.4. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu của HSMT, trường hợp nhà thầu có đơn giá bất thường, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó của nhà thầu theo quy định tại Mục 26 CDNT.</p> <p>Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>14.5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần như quy định tại <b>BDL</b> thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá, phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cụ thể cho từng phần theo Mục 14.3 CDNT.</p> <p>14.6. Trường hợp nhà thầu phát hiện khối lượng của các hạng mục công việc nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” chưa chính xác so với thiết kế hoặc yêu cầu nêu tại Mục 1 Phần 2 - Yêu cầu phạm vi cung cấp, nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai khác này để Bên mời thầu xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.</p>
<p><b>15. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>16. Tài liệu</b></p>	<p>16.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của</p>

<p><b>chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</b></p>	<p>HSDT để chứng minh rằng hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp.</p> <p>16.2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với yêu cầu của HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp.</p> <p>16.3. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng... cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại <b>BDL</b> sau khi hàng hóa được đưa vào sử dụng.</p> <p>16.4. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue do Bên mời thầu quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp.</p>
<p><b>17. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p>	<p>17.1. Nhà thầu phải ghi thông tin cần thiết vào các mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, khi nộp HSDT nếu nhà thầu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển đã được đánh giá thì nhà thầu phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình; trường hợp năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu không có sự thay đổi thì nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.</p> <p>17.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>18. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</b></p>	<p>18.1. HSDT bao gồm HSDXKT và HSDXTC phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại <b>BDL</b>. HSDXKT hoặc HSDXTC nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT (gia hạn hiệu lực của cả HSDXKT và HSDXTC), đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>
<p><b>19. Bảo đảm dự</b></p>	<p>19.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ</p>

**thầu**

chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc (đối với trường hợp đặt cọc) như quy định tại Mục 19.2 CDNT. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh đó phải theo Mẫu số 04 (a) hoặc Mẫu số 04 (b) Chương IV- Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 18.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 19.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 19.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 19.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 19.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả.

19.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL**.

19.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 19.2 CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

19.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại **BDL**, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

19.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDT (bao gồm HSĐXKT hoặc HSĐXTC) sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b) Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 41.1 CDNT;

c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 43 CDNT;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng

	<p>trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.</p>
<b>20. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT</b>	<p>20.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 1 bản gốc HSDXKT, 1 bản gốc HSDXTC theo quy định tại Mục 11 CDNT và một số bản chụp HSDXKT, HSDXTC theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDXKT”, “BẢN GỐC HSDXTC”, “BẢN CHỤP HSDXKT”, “BẢN CHỤP HSDXTC”.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDXKT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDXKT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDXTC SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDXTC SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDXKT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDXKT THAY THẾ”, “BẢN GỐC HSDXTC THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDXTC THAY THẾ”.</p> <p>Trường hợp có phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 13 CDNT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”.</p> <p>20.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.</p> <p>20.3. Bản gốc của HSDXKT, HSDXTC phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.</p> <p>20.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.</p>
<b>21. Niêm</b>	<p>21.1. Túi đựng HSDXKT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDXKT, bên</p>

<p><b>phong và ghi bên ngoài HSDT</b></p>	<p>ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT". Túi đựng HSDXTC bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDXTC, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH".</p> <p>Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDXKT và túi đựng HSDXTC, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT THAY THẾ", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ".</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDXKT và túi đựng HSDXTC, bên ngoài phải ghi rõ "ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ".</p> <p>Các túi đựng: HSDXKT, HSDXTC; HSDXKT sửa đổi, HSDXKT thay thế, HSDXTC sửa đổi, HSDXTC thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p> <p>21.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:</p> <p>a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;</p> <p>b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại Mục 22.1 CDNT;</p> <p>c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT;</p> <p>d) Ghi dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở HSDXKT" theo quy định tại Mục 32.1 CDNT đối với túi đựng HSDXKT và túi đựng HSDXKT sửa đổi, HSDXKT thay thế (nếu có); "không được mở trước thời điểm mở HSDXTC" đối với túi đựng HSDXTC và túi đựng HSDXTC sửa đổi, HSDXTC thay thế (nếu có).</p> <p>21.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại Mục 21.1 và Mục 21.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p>
<p><b>22. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>22.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại <b>BDL</b>. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho Bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT trước khi HSDT được tiếp nhận.</p> <p>22.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMT theo Mục 8 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p><b>23. HSDT</b></p>	<p>Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm</p>

<b>nộp muợn</b>	đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muợn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.
<b>24. Rút, thay thế và sửa đổi HSDT</b>	<p>24.1. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDXKT” hoặc “SỬA ĐỔI HSDXTC” hoặc “THAY THẾ HSDXKT” hoặc “THAY THẾ HSDXTC” hoặc “RÚT HSDT”;</p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22 CDNT.</p> <p>24.2. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 24.1 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>24.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.</p>
<b>25. Bảo mật</b>	<p>25.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDXKT, HSDXTC.</p> <p>25.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 26 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở HSDXKT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<b>26. Làm rõ HSDT</b>	<p>26.1. Sau khi mở HSDXKT, HSDXTC, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDXKT, HSDXTC theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp HSDXKT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm (trong đó bao gồm cả giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, nếu HSMT có quy định) thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDXKT và HSDXTC của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDT bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>26.2. Việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện</p>



	<p>thông qua văn bản.</p> <p>26.3. Trong khoảng thời gian theo quy định tại <b>BDL</b>, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDT của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm (trong đó bao gồm cả giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, nếu HSMT có quy định) thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>26.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>26.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm rõ HSDT. Nội dung làm rõ HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.</p>
<p><b>27. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:</p> <p>27.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>27.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>27.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
<p><b>28. Xác định tính đáp ứng của HSDT</b></p>	<p>28.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT.</p> <p>28.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSMT.</p> <p>28.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 16 và Mục 17 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu của Phần II - Yêu cầu về phạm vi cung cấp đã được đáp ứng và HSDT</p>

	<p>không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>28.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<b>29. Sai sót không nghiêm trọng</b>	<p>29.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung trong HSDT.</p> <p>29.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu. Nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSDT của nhà thầu có thể sẽ bị loại.</p> <p>29.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>
<b>30. Nhà thầu phụ</b>	<p>30.1. Nhà thầu chính được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ kê khai theo Mẫu số 15 (a) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính (trừ trường hợp HSMT quy định được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt). Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí năng lực (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>Trường hợp trong HSDT, nếu nhà thầu chính không đề xuất sử dụng nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng nhà thầu phụ thì được hiểu là nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát hiện việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu chính sẽ được coi là vi phạm hành vi “chuyển nhượng thầu” theo quy định tại Mục 3 CDNT.</p> <p>30.2. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ, ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT mà chưa được Chủ đầu tư chấp thuận được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p> <p>30.3. Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu chính sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt theo quy định tại <b>BDL</b>. Trong trường hợp này, nhà thầu chính phải kê</p>

	<p>khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 15 (b) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Bên mời thầu sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của HSMT và nhà thầu chính có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì HSDT của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của HSMT.</p>
<p><b>31. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>31.1. Nguyên tắc ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.</p> <p>31.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh, xếp hạng HSDT: Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá hàng hóa. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây: <math>D (\%) = G^*/G (\%)</math> Trong đó: - G*: Là chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có); - G: Là giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế; - D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. <math>D \geq 25\%</math> thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục này.</p> <p>31.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>31.4. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p>
<p><b>32. Mở HSDXKT</b></p>	<p>32.1. Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Mục 23 và Mục 24 CDNT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin theo quy định tại Mục 32.3 CDNT của tất cả HSDXKT thuộc HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSDXKT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại <b>BDL</b> trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSDXKT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>32.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDT thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDT”, túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT và vẫn mở HSDXKT tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDT” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu.</p> <p>Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn</p>

	<p>bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDXKT”; HSDXKT sẽ được thay bằng HSDXKT thay thế tương ứng; túi đựng HSDXKT ban đầu sẽ được giữ nguyên niêm phong và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. HSDXKT sẽ không được thay thế nếu văn bản thông báo thay thế HSDXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu.</p> <p>Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDXKT” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDXKT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDXKT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDXKT được mở và đọc tại buổi mở HSDXKT mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>32.3. Việc mở HSDXKT được thực hiện đối với từng HSDXKT hoặc HSDXKT thay thế (nếu có) theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Kiểm tra niêm phong sau đó mở các túi hồ sơ bên ngoài đề "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT", “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT SỬA ĐỔI” (nếu có) hoặc “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT THAY THẾ” (nếu có);</p> <p>b) Mở bản gốc HSDXKT, HSDXKT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDXKT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDXKT, thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong đơn dự thầu thuộc HSDXKT, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết;</p> <p>c) Đọc to, rõ số lượng bản chụp HSDXKT và các thông tin có liên quan khác, bao gồm cả thông tin liên quan đến đề xuất phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu (nếu có);</p> <p>d) Đại diện của Bên mời thầu tham dự lễ mở thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu thuộc HSDXKT, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thoả thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 23 CDNT;</p> <p>đ) Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự mở HSDXKT thống nhất cách niêm phong túi hồ sơ bên ngoài đề "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH", “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ”; cách niêm phong do Bên mời thầu và các nhà thầu thống nhất. Sau khi niêm phong, Bên mời thầu có trách nhiệm bảo quản các túi hồ sơ nêu trên theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi mở HSDXTC theo quy định tại Mục 34 CDNT.</p> <p>32.4. Bên mời thầu phải lập biên bản mở HSDXKT trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 32.3 CDNT. Biên bản mở HSDXKT phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDXKT sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu.</p>
<p><b>33. Đánh giá</b></p>	<p>33.1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>BDL</b> để đánh giá các HSDXKT.</p>

<b>HSDXKT</b>	<p>Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.</p> <p>33.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT:</p> <p>a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu có HSDXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.</p> <p>33.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:</p> <p>a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.</p> <p>33.4. Đánh giá về kỹ thuật:</p> <p>a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được tiếp tục xem xét, đánh giá HSDXTC theo quy định tại Mục 4 và Mục 5 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>33.5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần theo quy định tại Mục 14.5 CDNT thì việc đánh giá HSDXKT thực hiện theo quy định tại Mục 7 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT tương ứng với phần tham dự thầu của nhà thầu.</p> <p>33.6. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được phê duyệt bằng văn bản. Bên mời thầu sẽ thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu, trong đó mời các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến mở HSDXTC, kèm theo thời gian, địa điểm mở HSDXTC.</p>
<b>34. Mở HSDXTC</b>	<p>34.1. Việc mở HSDXTC được tiến hành công khai theo thời gian và tại địa điểm nêu trong văn bản thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSDXTC không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.</p> <p>34.2. Tại lễ mở HSDXTC, Bên mời thầu công khai văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, sau đó tiến hành kiểm tra niêm phong của túi hồ sơ bên ngoài đề "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI" hoặc "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ".</p> <p>34.3. Trường hợp nhà thầu có đề nghị thay thế HSDXTC, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin của túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ "THAY THẾ HSDXTC"; HSDXTC sẽ được thay bằng HSDXTC thay thế tương ứng; túi đựng HSDXTC ban đầu sẽ được giữ nguyên niêm phong và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. HSDXTC sẽ không được thay thế nếu văn bản thông báo thay thế HSDXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu.</p> <p>Đối với các túi đựng văn bản thông báo "SỬA ĐỔI HSDXTC" thì văn bản</p>

	<p>thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDXTC sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDXTC nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDXTC được mở và đọc tại buổi mở HSDXTC mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>34.4. Việc mở HSDXTC được thực hiện đối với từng HSDXTC theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Mở bản gốc HSDXTC, HSDXTC sửa đổi (nếu có) hoặc HSDXTC thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDXTC, giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc HSDXTC, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDXTC và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá dự thầu và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về đề nghị giảm giá được đọc trong lễ mở HSDXTC mới được xem xét và đánh giá;</p> <p>b) Đọc to, rõ số lượng bản chụp HSDXTC và các thông tin có liên quan khác;</p> <p>c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc HSDXTC, thư giảm giá (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDXTC nào của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi mở HSDXTC.</p> <p>34.5. Bên mời thầu phải lập biên bản mở HSDXTC trong đó bao gồm các thông tin quy định tại các Mục 34.2, 34.3 và 34.4 CDNT. Biên bản mở HSDXTC phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC. Việc thiếu chữ ký nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDXTC sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.</p>
<p><b>35. Đánh giá HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</b></p>	<p>35.1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>BDL</b> để đánh giá các HSDXTC. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.</p> <p>35.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC:</p> <p>a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC được thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu có HSDXTC hợp lệ được xem xét, đánh giá chi tiết HSDXTC và xếp hạng nhà thầu.</p> <p>35.3. Đánh giá chi tiết HSDXTC và xếp hạng nhà thầu:</p> <p>a) Việc đánh giá chi tiết HSDXTC thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Sau khi đánh giá chi tiết HSDXTC, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>35.4. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép</p>

	<p>dự thầu theo từng phần theo quy định tại Mục 14.5 CDNT thì việc đánh giá HSDXTC thực hiện theo quy định tại Mục 7 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT tương ứng với phân tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p><b>36. Thương thảo hợp đồng</b></p>	<p>36.1. Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá HSDT; b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) HSMT.</p> <p>36.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT; b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Chương V - Phạm vi cung cấp thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDXTC chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu; c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDXTC của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDXTC của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.</p> <p>36.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDXKT, HSDXTC; giữa các nội dung khác nhau trong HSDXKT, HSDXTC có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDXTC (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế; c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; d) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 CDNT; đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p>

	<p>36.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp.</p> <p>36.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 41.1 CDNT.</p>
<b>37. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>37.1. Có HSDT hợp lệ;</p> <p>37.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>37.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>37.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>37.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>37.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<b>38. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b>	<p>38.1. Trong thời hạn quy định tại <b>BDL</b>, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo Đấu thầu theo quy định. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Tên gói thầu, số hiệu gói thầu;</li> <li>b) Tên nhà thầu trúng thầu;</li> <li>c) Địa chỉ giao dịch hiện tại của nhà thầu trúng thầu;</li> <li>d) Giá trúng thầu;</li> <li>đ) Loại hợp đồng;</li> <li>e) Thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>g) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</li> </ol> <p>38.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 41.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>38.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 38.1 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 5 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.</p>
<b>39. Thay đổi khối lượng hàng hóa</b>	<p>Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương V - Phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>BDL</b> và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và</p>



<b>và dịch vụ</b>	HSMT.
<b>40. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</b>	<p>Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 19 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu với điều kiện nhà thầu đã được xác minh là đủ năng lực để thực hiện tốt hợp đồng. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm đ Mục 19.5 CDNT.</p>
<b>41. Hủy thầu</b>	<p>41.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</li> <li>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT;</li> <li>c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;</li> <li>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</li> </ul> <p>41.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 41.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>41.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 41.1 CDNT, trong thời hạn 5 ngày làm việc Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d Mục 41.1 CDNT.</p>
<b>42. Điều kiện ký kết hợp đồng</b>	<p>42.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>42.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>42.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<b>43. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>43.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc với nội dung và yêu cầu như quy định tại Mục 6 ĐKCT. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử</p>

	<p>dụng Mẫu số 21 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>43.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
<b>44. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 và Mục 2 Chương XII Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</p>
<b>45. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

<b>CDNT 1.1</b>	Tên Bên mời thầu: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP
<b>CDNT 1.2</b>	Tên gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ chính và thiết bị phụ trợ Dự án: Nhà máy chế biến bột silica công suất 55.000 tấn/năm (điều chỉnh) tại xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa Số lượng và số hiệu các phần thuộc gói thầu: Gói thầu không chia phần.
<b>CDNT 1.3</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.
<b>CDNT 2</b>	Nguồn vốn: Vốn huy động, vốn tự có
<b>CDNT 4.4</b>	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: + Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT: Công ty Cổ Phần Khảo Sát Thiết Kế Và Tư Vấn Đầu Tư; + Tư vấn thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Kiểm Định Và Xây Dựng Một Tám Chín; Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP, địa chỉ: Tầng 15 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh .
<b>CDNT 4.6</b>	Nhà thầu tham dự thầu phải có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Có áp dụng.
<b>CDNT 5.3</b>	Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa: a) Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa theo Mẫu số 15 (c) Chương IV phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương V b) Tài liệu về mặt kỹ thuật: Cung cấp đầy đủ theo yêu cầu mục 2, chương V của HSMT này.
<b>CDNT 7.1</b>	Bên mời thầu phải nhận được yêu cầu giải thích làm rõ HSMT không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>CDNT 8.3</b>	Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 10 ngày. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.
<b>CDNT 10</b>	HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.
<b>CDNT 11.4</b>	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu

<b>CDNT 13.1</b>	Nhà thầu được được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế
<b>CDNT 14.2</b>	<p>Trong bảng giá, nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau: Đối với các hàng hóa được sản xuất, gia công trong nước hoặc hàng hóa được sản xuất, gia công ở ngoài nước nhưng được chào bán tại Việt Nam (giá tại nhà máy hay giá được vận chuyển đến chân công trình) thì nhà thầu chào giá của hàng hóa đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 17 (a) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.</p> <p>Nếu hàng hóa có dịch vụ liên quan kèm theo thì nhà thầu chào các chi phí cho các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu và đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 17 (b) Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.</p>
<b>CDNT 15</b>	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
<b>CDNT 16.3</b>	<p>Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng...): Dây chuyên thiết bị do Nhà thầu cung cấp đảm bảo hoạt động ổn định, lâu dài;</p> <p>Riêng đối với vật tư, hàng hóa phục vụ công tác bảo trì, thay thế thường xuyên nhà thầu phải có cam kết cung cấp dự phòng để ổn định sản xuất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu dây chuyên thiết bị (trùng ứng với thời gian bảo hành dây chuyên thiết bị).</p>
<b>CDNT 17.2</b>	<p>Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng bao gồm:</p> <p><b>1. Yêu cầu về giấy phép bán hàng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu nhà thầu không phải là nhà sản xuất hàng hóa dự thầu, Nhà thầu phải có: Giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương đối với các hàng hóa dự thầu (chỉ yêu cầu đối với máy chính, không yêu cầu đối với phụ kiện).</li> <li>- Nhà thầu tự cam kết cung cấp hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) đối với hàng hóa nhập khẩu; Chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) hoặc các tài liệu có liên quan khác theo quy định pháp luật trước khi đưa vào lắp đặt.</li> </ul> <p><b>2. Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu phải cam kết có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Theo yêu cầu tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương V – Phạm vi cung cấp.</li> </ul> <p><b>3. Nhà thầu phải đủ điều kiện kinh doanh theo qui định hiện hành.</b></p>
<b>CDNT 18.1</b>	Thời hạn hiệu lực của HSDT (HSDXKT và HSDXTC) là: $\geq 120$ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>CDNT 19.2</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng)</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: <math>\geq 150</math> ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. (Thời hạn hiệu lực của HSDT cộng thêm 30 ngày).</li> </ul>

<b>CDNT 19.4</b>	Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.
<b>CDNT 20.1</b>	Số lượng bản chụp: + HSDXKT là: <b>05 bản</b> . + HSDXTC là: <b>05 bản</b> . Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDXKT, HSDXTC.
<b>CDNT 22.1</b>	Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT): Nơi nhận: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP - Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM Thời điểm đóng thầu là: <b>09 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 10 năm 2020 (theo thời điểm trong thông báo mời thầu).</b>
<b>CDNT 26.3</b>	Thời gian nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDT đến Bên mời thầu trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>CDNT 30.3</b>	Nhà thầu phụ đặc biệt: không được sử dụng.
<b>CDNT 31.3</b>	Trường hợp áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được cộng điểm ưu đãi vào điểm tổng hợp theo công thức sau đây: $\text{Điểm ưu đãi} = 0,075 \times (\text{giá hàng hóa ưu đãi} / \text{giá gói thầu}) \times \text{điểm tổng hợp}.$ Trong đó: Giá hàng hóa ưu đãi là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.
<b>CDNT 32.1</b>	Việc mở HSDXKT sẽ được tiến hành công khai vào <b>lúc 09 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 10 năm 2020 (theo thời điểm trong thông báo mời thầu)</b> , tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP, Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
<b>CDNT 33.1</b>	Phương pháp đánh giá HSDXKT là: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt; b) Đánh giá về kỹ thuật: Bên mời thầu áp dụng phương pháp chấm điểm.
<b>CDNT 35.1</b>	Phương pháp đánh giá về tài chính: phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.
<b>CDNT 35.3 (b)</b>	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.
<b>CDNT 37.5</b>	Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất.

<b>CDNT 38.1</b>	Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu là $\leq 05$ ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
<b>CDNT 39</b>	- Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%; - Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%.
<b>CDNT 44</b>	- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP, Địa chỉ: Tầng 15 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh. - Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP, Địa chỉ: Tầng 15 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh. - Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Ban QLDA Nhà máy chế biến bột silica của Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP, Địa chỉ: Tầng 15 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.
<b>CDNT 45</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP, Địa chỉ: Tầng 15 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

## **Chương III**

### **TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT**

#### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT**

##### **1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDXKT:**

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDXKT;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDXKT, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc HSDXKT, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật và các thành phần khác thuộc HSDXKT theo quy định tại Mục 11.1 CDNT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDXKT.

##### **2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT:**

HSDXKT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDXKT;
  - b) Có đơn dự thầu thuộc HSDXKT được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
  - c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMT;
  - d) Thời hạn hiệu lực của HSDXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18.1 CDNT;
  - đ) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 19.2 CDNT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 19.2 CDNT;
  - e) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDXKT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;
  - g) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;
  - h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.
  - i) Nhà thầu phải cung cấp trong HSDXKT đầy đủ các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa theo quy định tại mục 5 Chương I Chỉ dẫn nhà thầu.
- Nhà thầu có HSDXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng

năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDXKT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định dưới đây, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.



## 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh		Tối thiểu một thành viên liên danh
1	Lịch sử hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành <sup>(1)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 06
2	Kiện đang giải quyết	Trường hợp nhà thầu có kiện đang giải quyết thì vụ kiện sẽ được coi là có kết quả giải quyết theo hướng bất lợi cho nhà thầu và các khoản chi phí liên quan đến các kiện tụng này không được vượt quá 100% giá trị tài sản ròng của nhà thầu. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 07
3	Năng lực tài chính						
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính 03 năm 2017-2018-2019 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm 2019 phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09 và các tài liệu theo yêu cầu tại Mẫu số 09
3.2	Doanh thu	- Doanh thu bình quân hàng năm đối với nhà thầu tham dự gói thầu: $\geq 26$ tỷ đồng, trong	Phải thỏa	Phải thỏa	Phải thỏa mãn	Không áp dụng	Mẫu số

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
	bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	vòng 03 năm 2017-2018-2019.	mãi yêu cầu này	mãi yêu cầu này	yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	09	
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao <sup>(2)</sup> hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là $\geq 5,0$ tỷ đồng.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Các Mẫu số 10, 11
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	Số lượng tối thiểu các Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn <sup>(3)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ <sup>(4)</sup> từ 01/01/2017 trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): Số lượng hợp đồng là 02, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng lắp đặt dây chuyền công nghệ	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 08 và các tài liệu theo yêu cầu tại Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
		<p>nghiên Silica hoặc vật liệu khác tương tự có giá trị tối thiểu là 12,0 tỷ đồng, 01 hợp đồng còn lại có liên quan tới lắp đặt dây chuyền công nghệ nghiên cứu vật liệu xây dựng khác có giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng.</p> <p>Trường hợp nhà thầu chỉ có 01 hợp đồng thì hợp đồng này phải là hợp đồng lắp đặt dây chuyền công nghệ nghiên cứu Silica hoặc vật liệu khác tương tự và có giá trị tối thiểu là 18 tỷ đồng.</p>					
5	<p>Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng</p>	<p>Nhà thầu phải cam kết có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác theo yêu cầu tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương V – Phạm vi cung cấp.</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)</p>	<p>Không áp dụng</p>	<p>Nhà thầu tự soạn cam kết của nhà thầu</p>

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh		Tối thiểu một thành viên liên danh
6	Khả năng cung cấp hàng hóa	- Nếu nhà thầu không phải là nhà sản xuất hàng hóa dự thầu, Nhà thầu phải có: Giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương đối với các hàng hóa dự thầu (chỉ yêu cầu đối với máy chính, không yêu cầu đối với phụ kiện).  Yêu cầu bản gốc hoặc bản sao có chứng thực còn hiệu lực.  - Nhà thầu tự cam kết cung cấp hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) đối với hàng hóa nhập khẩu; Chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/O) hoặc các tài liệu có liên quan khác theo quy định pháp luật trước khi đưa vào lắp đặt.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	
	khác						

**\* Ghi chú:**

(1) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Hợp

đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán để bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(3) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(4) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;
- Tương tự về quy mô: có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 12 tỷ đồng.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Stt	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm <sup>(1)</sup>	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(2)</sup>	Trình độ chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng: số lượng $\geq$ 01 người.	Tối thiểu đủ 10 năm kinh nghiệm	Tối thiểu đủ 05 năm kinh nghiệm trong công tác cung cấp lắp đặt thiết bị.	Tốt nghiệp Đại học trở lên, thuộc một trong các ngành: Điện - Điện tử; Cơ khí, Vật liệu xây dựng hoặc chuyên ngành kỹ thuật có liên quan. (Có tài liệu chứng minh đã từng làm dự án có tính chất tương tự)
2	Chỉ huy phó: số lượng $\geq$ 01 người.	Tối thiểu đủ 07 năm kinh nghiệm	Tối thiểu đủ 05 năm kinh nghiệm trong công tác cung cấp lắp đặt thiết bị.	Tốt nghiệp Đại học trở lên, thuộc một trong các ngành: Điện - Điện tử; Cơ khí, Vật liệu xây dựng hoặc chuyên ngành kỹ thuật có liên quan. (Có tài liệu chứng minh đã từng làm dự án có tính chất tương tự)
3	Nhân sự kỹ thuật $\geq$ 02 người	Tối thiểu đủ 05 năm kinh nghiệm	Tối thiểu đủ 05 năm kinh nghiệm trong công tác cung cấp lắp đặt thiết bị .	Tốt nghiệp đại học trở lên, thuộc một trong các chuyên ngành: Điện - Điện tử; Cơ khí, Vật liệu xây dựng hoặc chuyên ngành kỹ thuật có liên quan. (Có tài liệu chứng minh đã từng làm dự án có tính chất tương tự). Hoặc cán bộ kỹ thuật có giấy xác nhận được đào tạo huấn luyện bởi hãng sản xuất.
4	Nhân sự an toàn vệ sinh lao động: 01 người.	Tối thiểu đủ 05 năm kinh nghiệm	Tối thiểu đủ 05 năm kinh nghiệm trong công tác cung cấp lắp đặt thiết bị.	Tốt nghiệp đại học trở lên, thuộc một trong các chuyên ngành: Điện - Điện tử; Cơ khí, Vật liệu xây dựng hoặc chuyên ngành kỹ thuật có liên quan. Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.

**Tài liệu đính kèm:**

a. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 12, 13 và 14 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

b. Bản sao y chứng thực của cơ quan thẩm quyền gồm: Bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận hoặc các bằng cấp khác tương đương.

Ghi chú:

(1) Tổng số năm kinh nghiệm là số năm tối thiểu được tính đủ năm (1 năm = 12 tháng hoặc 365 ngày) kể từ ngày/tháng mà nhân sự được cấp bằng đại học đến thời điểm đóng thầu.

(2) Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: Là số năm tối thiểu được tính đủ năm (1 năm = 12 tháng hoặc 365 ngày) kể từ ngày/tháng mà nhân sự bắt đầu tham gia cung cấp trang thiết bị đến thời điểm đóng thầu và được xác định theo Bảng kinh nghiệm chuyên môn theo mẫu 14 Chương IV do nhà thầu kê khai

**2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): không được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.**

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (Sử dụng tiêu chí chấm điểm):

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSĐT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm (1.000 điểm), bao gồm các nội dung sau đây:

#### Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp chấm điểm (thang điểm 1000)

STT	Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu (70%)
<b>A</b>	<b>Hồ sơ thiết kế sơ bộ nộp cùng HSĐT</b>		<b>150</b>	<b>105</b>
1	Sơ đồ công nghệ các công đoạn sản xuất chính và các thiết bị phụ trợ (khí nén, nước và xử lý nước...)	Đáp ứng yêu cầu của HSMT	20	
		Có trình bày nhưng chưa hoàn thiện theo yêu cầu của HSMT	15	
		Không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc không trình bày	0	
2	Sơ đồ nguyên lý hệ thống cấp điện động lực, đo lường và điều khiển	Đáp ứng yêu cầu của HSMT	20	
		Có trình bày nhưng chưa hoàn thiện theo yêu cầu của HSMT	15	
		Không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc không trình bày	0	
3	Bố trí các thiết bị công nghệ chính và phụ trợ (mặt bằng, mặt cắt, cao độ nhà xưởng....)	Đáp ứng yêu cầu của HSMT	40	
		Có trình bày nhưng chưa hoàn thiện theo yêu cầu của HSMT	30	
		Không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc không trình bày	0	
4	Mặt bằng bố trí móng máy các thiết bị chính và các yêu cầu về xây dựng	Đáp ứng yêu cầu của HSMT	20	
		Có trình bày nhưng chưa hoàn thiện theo yêu cầu của HSMT	15	
		Không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc không trình bày	0	
5	Tính đồng bộ của toàn bộ hệ thống thiết bị	Có đầy đủ hồ sơ chứng minh tính đồng bộ của toàn bộ hệ thống	50	
		Có trình bày nhưng chưa đầy đủ hồ sơ chứng minh tính đồng bộ của toàn bộ hệ thống	30	



STT	Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu (70%)
		Không trình bày	0	
<b>B</b>	<b>Cung cấp thiết bị công nghệ chính và thiết bị phụ trợ</b>		<b>700</b>	<b>490</b>
<b>B.1</b>	<b>Hệ thống thiết bị sấy</b>		<b>100</b>	<b>70</b>
1	Mức độ hoàn thiện và sự phù hợp của hệ thống về: chủng loại, số lượng thiết bị, các tính năng kỹ thuật,...	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	40	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
2	Năng suất của hệ thống	$\geq 10$ tấn/ giờ	20	
		$< 10$ tấn/ giờ	0	
3	Độ ẩm nguyên liệu sau sấy	$\leq 1\%$	20	
		$> 1\%$	0	
4	Điện năng tiêu thụ và lượng tiêu hao vật liệu đốt	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	10	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
5	Vật liệu đốt (lò đốt)	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT và đáp ứng các thông số chất thải, khí thải ra môi trường theo quy định	10	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT và không đáp ứng các thông số chất thải, khí thải ra môi trường theo quy định	0	
<b>B.2</b>	<b>Hệ thống thiết bị máy Nghiền – Phân ly</b>		<b>300</b>	<b>210</b>
1	Mức độ hoàn thiện và sự phù hợp của hệ thống về: chủng loại, số lượng thiết bị, các tính năng kỹ thuật,...	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	120	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
2	Trang bị thiết bị định lượng và khử từ tiên tiến	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	30	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
3	Năng suất của hệ thống (đạt độ mịn với cỡ hạt $45\mu\text{m}$ , $D_{90}$ )	$\geq 7$ tấn/ giờ	40	
		$< 7$ tấn/ giờ	0	
4	Điện năng tiêu thụ	Phù hợp theo yêu cầu của	30	

STT	Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu (70%)
		HSMT		
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
5	Vật liệu tấm lót và bi nghiền	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	20	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
6	Lượng tiêu hao bi nghiền	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	30	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
7	Độ mịn cỡ hạt được phân ly	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	30	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
<b>B.3</b>	<b>Các thiết bị lọc bụi</b>		<b>80</b>	<b>56</b>
1	Mức độ hoàn thiện và sự phù hợp của hệ thống về: chủng loại, số lượng thiết bị, các tính năng kỹ thuật,...	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	30	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
2	Nồng độ bụi sau lọc bụi	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT ( $\leq 30 \text{ mg/Nm}^3$ )	20	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
3	Vật liệu và tuổi thọ túi lọc	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	15	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
4	Điện năng tiêu thụ	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	15	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
<b>B.4</b>	<b>Thiết bị chứa, nâng chuyển (Silo, gầu tải, vít tải, băng tải...)</b>		<b>60</b>	<b>42</b>
-	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Phù hợp với dây chuyền sản xuất và yêu cầu của HSMT	60	

STT	Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu (70%)
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
<b>B.5</b>	<b>Thiết bị đóng gói</b>		<b>40</b>	<b>28</b>
-	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Phù hợp với dây chuyền sản xuất và yêu cầu của HSMT, đảm bảo sai số cân $\leq 0,5\%$	40	
		Không phù hợp với dây chuyền sản xuất và yêu cầu của HSMT, không đảm bảo sai số cân $\leq 0,5\%$	0	
<b>B.6</b>	<b>Hệ thống điện động lực, đo lường và điều khiển</b>		<b>100</b>	<b>70</b>
1	Mức độ hoàn thiện và sự phù hợp của hệ thống về: chủng loại, số lượng, các tính năng kỹ thuật,...	Phù hợp theo yêu cầu của HSMT	40	
		Không phù hợp theo yêu cầu của HSMT	0	
2	Mức độ tự động hóa dây chuyền công nghệ và hệ thống giám sát vận hành	Toàn bộ hệ thống	40	
		Một phần hoặc được chia thành nhiều phần	30	
		Không có	0	
3	Thương hiệu của các thiết bị đo lường, điều khiển	Thuộc các nước G7	10	
		Các nước khác	5	
4	Thương hiệu của các thiết bị đóng cắt, khởi động...	Thuộc các nước G7	10	
		Các nước khác	5	
<b>B.7</b>	<b>Sự phù hợp của các hệ thống thiết bị phụ trợ (không phù hợp với HSMT đạt 0 điểm)</b>		<b>20</b>	<b>14</b>
1	Hệ thống cung cấp khí nén		5	
2	Hệ thống cấp và xử lý nước		5	
3	Hệ thống nối đất, chống sét		5	
4	Hệ thống khác		5	
<b>C</b>	<b>Các yêu cầu khác</b>		<b>150</b>	<b>105</b>
<b>1</b>	<b>Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức và kỹ thuật thi công</b>		<b>40</b>	
1.1	Giải pháp kỹ thuật, hồ sơ đảm bảo chất lượng dự án	Trình bày rõ ràng và hợp lý theo yêu cầu HSMT	20	
		Có trình bày nhưng chưa rõ ràng và hợp lý theo yêu cầu của HSMT	15	

STT	Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu (70%)
		Chưa hợp lý theo yêu cầu của HSMT hoặc không trình bày	0	
1.2	Huy động nhân lực, thiết bị thi công, an toàn lao động...và biện pháp thi công	Trình bày rõ ràng và hợp lý theo yêu cầu HSMT	20	
		Có trình bày nhưng chưa rõ ràng và hợp lý theo yêu cầu của HSMT	15	
		Chưa hợp lý theo yêu cầu của HSMT hoặc không trình bày	0	
<b>2</b>	<b>Tiến độ thực hiện</b>		<b>30</b>	
-	Tiến độ thiết kế, cung cấp, lắp đặt và chạy thử thiết bị	Có trình bày hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	30	
		Có trình bày nhưng chưa hoàn toàn hợp lý, khả thi với đề xuất kỹ thuật và yêu cầu của HSMT	15	
		Chưa hợp lý, khả thi với đề xuất kỹ thuật và yêu cầu của HSMT hoặc không trình bày	0	
<b>3</b>	<b>Bảo hành, bảo trì miễn phí</b>		<b>40</b>	
3.1	Thời gian bảo hành, bảo trì thiết bị	Thời gian bảo hành $\geq 24$ tháng, bảo trì $\geq 36$ tháng.	20	
		Thời gian bảo hành $\geq 12$ tháng, bảo trì $\leq 24$ tháng.	15	
		Thời gian bảo hành $\leq 12$ tháng, bảo trì $\leq 24$ tháng.	0	
3.2	Các chỉ tiêu bảo hành	Đảm bảo các thông số bảo hành thiết bị cơ theo yêu cầu HSMT	10	
		Đảm bảo các thông số bảo hành thiết bị điện, đo lường và điều khiển theo yêu cầu HSMT	10	
<b>4</b>	<b>Các dịch vụ kỹ thuật</b>		<b>30</b>	
4.1	Đào tạo, chuyển giao công nghệ	Đáp ứng theo yêu cầu của HSMT	10	

STT	Nội dung đánh giá		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu (70%)
		Chưa đáp ứng theo yêu cầu của HSMT hoặc không có	0	
4.2	Hướng dẫn, giám sát lắp đặt và chạy thử	Đáp ứng theo yêu cầu của HSMT	10	
		Chưa đáp ứng theo yêu cầu của HSMT hoặc không có	0	
4.3	Trợ giúp kỹ thuật sau bán hàng	Đáp ứng theo yêu cầu của HSMT	10	
		Chưa đáp ứng theo yêu cầu của HSMT	0	
<b>5</b>	<b>Phụ tùng thay thế dự phòng</b>		<b>10</b>	
-	Có cam kết mô tả đầy đủ danh mục phụ tùng thay thế: chủng loại, số lượng, xuất xứ, chi phí....	Các thiết bị cơ	5	
		Các thiết bị điện và điều khiển	5	
	<b>Tổng cộng (A+B+C):</b>		<b>1.000</b>	<b>700</b>

Hồ sơ dự thầu được xác định là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật, được chọn để xem xét tiếp ở các bước tiếp theo phải đạt được tổng số điểm  $\geq 700$  điểm của tổng thang điểm 1.000 điểm và tại các tiêu mục từ B.1 đến B.7 phải đáp ứng yêu cầu mức điểm tối thiểu.

Hồ sơ dự thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ không được xem xét bước đánh giá về tài chính.

#### **Mục 4. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC**

##### **4.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDXTC:**

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDXTC;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDXTC, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc HSDXTC; bảng tổng hợp giá dự thầu và các thành phần khác thuộc HSDXTC theo quy định tại Mục 11.2 CDNT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDXTC.

##### **4.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC:**

HSDXTC của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDXTC;
- b) Có đơn dự thầu thuộc HSDXTC được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

d) Thời hạn hiệu lực của HSDXTC đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18.1 CDNT. Nhà thầu có HSDXTC hợp lệ sẽ được tiếp tục đánh giá chi tiết về tài chính.

## **Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về tài chính (kết hợp giữa kỹ thuật và giá)**

### **5.1. Xác định điểm giá**

Điểm giá được xác định trên cơ sở giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có). Cụ thể như sau:

$$\text{Điểm giá đang xét} = [\text{Gthấp nhất} \times (1.000)] / \text{Gđang xét}$$

Trong đó:

- Điểm giá đang xét: Là điểm giá của HSDXTC đang xét;
- Gthấp nhất: giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của HSDXTC thấp nhất;
- Gđang xét: giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của HSDXTC đang xét.

### **5.2 Xác định điểm tổng hợp:**

$$\text{Điểm tổng hợp đang xét} = (\text{K} \times \text{Điểm kỹ thuật đang xét} + \text{G} \times \text{Điểm giá đang xét}) + \Delta\text{ƯĐ}$$

Trong đó:

- Điểm kỹ thuật đang xét: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;
- Điểm giá đang xét: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;
- K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật (15%);
- G: Tỷ trọng điểm về giá (85%);
- $\Delta\text{ƯĐ}$  là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 31 CDNT (nếu có).

$$\Delta\text{ƯĐ} = 0,075 \times (\text{giá hàng hóa ưu đãi}/\text{giá gói thầu}) \times \text{điểm tổng hợp}$$

Trong đó:

- + Giá hàng hóa ưu đãi là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.
- + 0,075: Tỷ lệ để xác định giá trị cộng thêm áp dụng đối với nhà thầu thuộc đối tượng ưu đãi theo quy định tại Mục 31 Chương I của HSMT.

### **5.3. Xếp hạng hồ sơ dự thầu.**

- HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất. Nhà thầu xếp thứ 1 sẽ được thông báo để đàm phán thương thảo Hợp đồng.
- Quy định chi tiết về thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng tuân theo tại **Mục 36 – Chương I** của HSMT.

### **Ghi chú:**

- (1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá dự thầu và thành tiền thì lấy đơn giá dự thầu làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý;

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDXTC của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDXTC của nhà thầu có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDXTC của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc đó trong số các HSDXTC của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDXTC của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDXTC của nhà thầu này; trường hợp HSDXTC của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

**Mục 6. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có): Có áp dụng.**



## **Chương IV**

### **BIỂU MẪU DỰ THẦU**

#### **A. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSDXKT**

Mẫu số 01. Đơn dự thầu

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền

Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 04 (a). Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)

Mẫu số 04 (b). Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)

Mẫu số 05 (a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 05 (b). Bản kê khai thông tin về các thành viên của nhà thầu liên danh

Mẫu số 06. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ

Mẫu số 07. Kiện tụng đang giải quyết

Mẫu số 08. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 09. Tình hình tài chính của nhà thầu

Mẫu số 10. Nguồn lực tài chính

Mẫu số 11. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện

Mẫu số 12. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt

Mẫu số 13. Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt

Mẫu số 14. Bản kinh nghiệm chuyên môn

Mẫu số 15 (a). Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ

Mẫu số 15 (c). Bảng thông tin kỹ thuật của hàng hóa (thiết bị)

#### **B. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSDXTC**

Mẫu số 16 (a). Đơn dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Mẫu số 16 (b). Đơn dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu)

Mẫu số 17. Bảng tổng hợp giá dự thầu

Mẫu số 17 (a). Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng đối với đấu thầu trong nước)

Mẫu số 17 (b). Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan

Mẫu số 18. Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi

## A. BIỂU MẪU DỰ THẦU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT

### Mẫu số 01 ĐƠN DỰ THẦU <sup>(1)</sup> (thuộc HSDXKT)

Ngày: [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Tên dự án: [ghi tên dự án]

Thư mời thầu số: [ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu] <sup>(2)</sup>. Hồ sơ dự thầu của chúng tôi gồm có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này và hồ sơ đề xuất về tài chính được niêm phong riêng biệt.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 43 - Chi dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này cùng với hồ sơ đề xuất về tài chính có hiệu lực trong thời gian \_\_\_ <sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ <sup>(4)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu <sup>(5)</sup>**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu <sup>(6)</sup>]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp hàng hóa, hoàn thành dịch vụ (nếu có) nêu trong HSDT.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 18.1 **BDL**. Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 **BDL**.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn

dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

**Mẫu số 02**  
**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [ghi tên dự án] do \_\_\_\_ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, hồ sơ đề xuất về tài chính;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà  
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

**Mẫu số 03**  
**THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_ tháng \_\_ năm \_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_ [ghi tên dự án]

Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] ngày \_\_ tháng \_\_ năm \_\_ [ngày được ghi trên HSMT],

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_ tháng \_\_ năm \_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng.

Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

[- Ký đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(4)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....	....	....	.....
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

**Mẫu số 04 (a)**  
**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
**(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)**

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]  
**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 41.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 43 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được đến tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**Ghi chú:**

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- (2) Ghi theo quy định tại Mục 19.2 **BDL**.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 **BDL**.

**Mẫu số 04 (b)**  
**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
**(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)**

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]  
**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]  
**Bên bảo lãnh:** \_\_\_[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 41.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 43 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 19.5 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được đến tới văn phòng chúng

tôi trước hoặc trong ngày đó.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng theo mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 19.2 CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu trong trường hợp này được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;
- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”;
- trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;
- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 19.2 **BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 **BDL**.

**Mẫu số 05 (a)**  
**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU**

Ngày: \_\_\_\_\_  
Số hiệu và tên gói thầu: \_\_\_\_\_  
Trang \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ trang

Tên nhà thầu: ___ [ghi tên nhà thầu]
Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: ___ [ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]
Năm thành lập công ty: ___ [ghi năm thành lập công ty]
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu: ___ [tại nơi đăng ký]
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

**Mẫu số 05 (b)**  
**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA**  
**NHÀ THẦU LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_\_  
Số hiệu và tên gói thầu: \_\_\_\_\_  
Trang \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ trang

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh
Tên: _____
Địa chỉ: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ e-mail: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.
2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 06**  
**HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm\_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm\_\_ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 07**  
**KIỆN TỤNG ĐANG GIẢI QUYẾT<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

<b>Các vụ kiện đang giải quyết</b>			
<b>Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây:</b>			
<input type="checkbox"/> Không có vụ kiện nào đang giải quyết.			
<input type="checkbox"/> Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà thầu là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà thầu liên danh).			
Năm	Vấn đề tranh chấp	Giá trị vụ kiện đang giải quyết tính bằng VND	Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các vụ kiện tụng đang giải quyết; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 08**  
**HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Tên nhà thầu: \_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III(2)</b>		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản sao y chứng thực của cơ quan có thẩm quyền các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên, bản chụp hóa đơn tài chính...).

Ghi chú:

- (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.



**Mẫu số 09**  
**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU <sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất <sup>(2)</sup> [VND]		
<b>Năm 1:.....</b>	<b>Năm 2:.....</b>	<b>Năm 3:.....</b>

**Thông tin từ Bảng cân đối kế toán**

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

**Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh**

Tổng doanh thu			
<b>Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh<sup>(3)</sup></b>			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất<sup>(4)</sup>, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định<sup>(5)</sup>
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
  - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế;
  - Tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
  - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
  - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.
  - Báo cáo đã được kiểm toán

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên

thông tin đã được cung cấp.

(5) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đối với nhà thầu là đối tượng phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán. Trường hợp nhà thầu là đối tượng không phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán thì không phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

**Mẫu số 10**  
**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH<sup>(1)</sup>**

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(2)</sup>, các hạn mức tín dụng và các nguồn tài chính khác (không phải là các khoản tạm ứng theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính quy định tại Mẫu số 11.

<b>Nguồn lực tài chính của nhà thầu</b>		
<b>STT</b>	<b>Nguồn tài chính</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
1		
2		
3		
...		
<b>Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)</b>		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$\text{NLTC} = \text{TNL} - \text{ĐTH}$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (tổng nguồn lực tài chính quy định tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (quy định tại Mẫu số 11).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Trường hợp trong HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói thầu đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định Mẫu này và Mẫu số 11.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

**Mẫu số 11**  
**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO**  
**CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) <sup>(2)</sup>	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) <sup>(3)</sup>	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
...						
<b>Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH).</b>						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét theo xác định của Chủ đầu tư. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

**Mẫu số 12**  
**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 13 và Mẫu số 14 Chương này.
- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: [ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
	Tên: [ghi tên nhân sự chủ chốt]
2	Vị trí công việc: [ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
	Tên: [ghi tên nhân sự chủ chốt]
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
....	Vị trí công việc
	Tên

**Mẫu số 13****BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan và bản chụp hợp đồng lao động còn hiệu lực với nhà thầu

Vị trí	
Thông tin nhân sự	Tên   Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động
	Địa chỉ của người sử dụng lao động
	Điện thoại   Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax   E-mail
	Chức danh   Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại

**Mẫu số 14**

**BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

<b>Từ</b>	<b>Đến</b>	<b>Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan</b>

**Mẫu số 15 (a)**  
**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**

<b>STT</b>	<b>Tên nhà thầu phụ<sup>(2)</sup></b>	<b>Phạm vi công việc<sup>(3)</sup></b>	<b>Khối lượng công việc<sup>(4)</sup></b>	<b>Giá trị % ước tính<sup>(5)</sup></b>	<b>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ<sup>(6)</sup></b>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.



**Mẫu số 15 (c)**  
**BẢNG THÔNG TIN KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA (THIẾT BỊ)**

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

STT	Danh mục hàng hóa (thiết bị)	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ (nhập khẩu/ trong nước)	Thông số kỹ thuật	Thời gian bảo hành của Hãng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hoá thứ 1					
2	Hàng hoá thứ 2					
	....					
n	Hàng hoá thứ n					

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2) nhà thầu ghi phù hợp với Phạm vi cung cấp;

Các cột (3), (4), (5) là các thông tin của thiết bị do nhà thầu chào thầu; Nhà thầu nêu đầy đủ các thông tin về ký hiệu, nhãn mác của sản phẩm, thiết bị (3), xuất xứ là hàng nhập khẩu hay hàng trong nước (4); nhà thầu ghi đầy đủ thông số kỹ thuật của thiết bị chào thầu bao gồm cả thông tin về thời gian bảo hành, bảo trì thiết bị.

## B. CÁC BIỂU MẪU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

### Mẫu số 16 (a) ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup> (thuộc HSDXTC)

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Ngày: \_\_ [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: \_\_ [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Tên dự án: \_\_ [ghi tên dự án]

Thư mời thầu số: \_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]

Kính gửi: \_\_ [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Cùng với Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, chúng tôi xin gửi kèm đơn này đề xuất về tài chính với tổng số tiền là \_\_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]<sup>(2)</sup> cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Hồ sơ đề xuất về tài chính này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu** <sup>(5)</sup>

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu <sup>(6)</sup>]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDXTC, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Trường hợp trong HSMT cho phép chào theo một số đồng tiền khác nhau thì nhà thầu cần ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền do nhà thầu chào.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 18.1 **BDL**. Thời gian có hiệu lực của HSDXTC được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 **BDL**.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu

phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

**Mẫu số 16 (b)**  
**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
**(thuộc HSDXTC)**

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu)

Ngày: \_\_ [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu].

Tên gói thầu: \_\_ [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu].

Tên dự án: \_\_ [ghi tên dự án].

Thư mời thầu số: \_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế].

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu].

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Cùng với Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, chúng tôi xin gửi kèm đơn này đề xuất về tài chính với tổng số tiền là \_\_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]<sup>(2)</sup> cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: \_\_\_\_ [ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]<sup>(3)</sup>.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Hồ sơ đề xuất về tài chính này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_<sup>(4)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(5)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(6)</sup>**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu<sup>(7)</sup>]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDXTC, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp trong HSMT cho phép chào theo một số đồng tiền khác nhau thì nhà thầu cần ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền do nhà thầu chào.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 18.1 **BDL**. Thời gian có hiệu lực của HSDXTC được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(5) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 **BDL**.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn

dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

**Mẫu số 17**  
**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
**(áp dụng đối với đấu thầu trong nước)**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá dự thầu</b>
1	Giá chào cho hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	<b>Tổng cộng giá dự thầu</b> (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	<b>(M) + (I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Mẫu số 17 (a)**  
**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA**  
**(áp dụng đối với đấu thầu trong nước)**

1	2	3	4	5	6	7
<b>STT</b>	<b>Danh mục hàng hóa</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng mời thầu</b>	<b>Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm, Hãng sản xuất, Nước sản xuất.</b>	<b>Đơn giá dự thầu</b>	<b>Thành tiền (Cột 4x6)</b>
1	Hàng hóa thứ 1					M1
2	Hàng hóa thứ 2					M2
	....					
n	Hàng hóa thứ n					Mn
<b>Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b> (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)						<b>M=M1+M2+...+Mn</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

**Các cột (1), (2), (3), (4) Nhà thầu đề xuất hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục 1 Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp; các cột (5), (6), (7) nhà thầu chào.**

Đơn giá dự thầu tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 17 (b). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

**Mẫu số 17 (b)**  
**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

1	2	3	4	5	6	7	8
TT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
1	...			Xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa.			(I1)
2	...						(I2)
3	...						(I3)
...	...						
<b>Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b> (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							<b>(I)= (I1) + ...</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) nhà thầu ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Mục 1 Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp gồm Bảo hành, Bảo trì, Hướng dẫn sử dụng (Đào tạo, chuyên gia công nghệ), các dịch vụ khác (nếu có)...

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào.



**Mẫu số 18**  
**BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI**  
**HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI<sup>(1)</sup>**

<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa</b>	<b>Giá trị</b>
<b>1</b>	<b>Tên hàng hóa thứ nhất</b>	
	Giá chào của hàng hóa trong HSĐT	(I)
	Giá trị thuế các loại (trong đó bao gồm thuế nhập khẩu đối với các linh kiện, thiết bị cấu thành hàng hóa nhập khẩu, thuế VAT và các loại thuế khác phải trả cho hàng hóa)	(II)
	Kê khai các chi phí nhập ngoại trong hàng hóa bao gồm các loại phí, lệ phí (nếu có)	(III)
	Chi phí sản xuất trong nước	$G^* = (I) - (II) - (III)$
	<b>Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước</b>	$D (\%) = G^*/G (\%)$ Trong đó $G = (I) - (II)$
<b>2</b>	<b>Tên hàng hóa thứ hai</b>	
	...	
<b>n</b>	<b>Tên hàng hóa thứ n</b>	

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp hàng hóa không thuộc đối tượng ưu đãi thì nhà thầu không phải kê khai theo Mẫu này.

**Phần 2**  
**YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP**  
**Chương V**  
**PHẠM VI CUNG CẤP**

**MỤC 1. PHẠM VI VÀ TIỀN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA**

**1. PHẠM VI CUNG CẤP CỦA NHÀ THẦU:**

1.1. Phạm vi cung cấp của nhà thầu cho gói thầu này bao gồm: Cung cấp thiết kế, máy móc thiết bị, vật tư kỹ thuật, dịch vụ kỹ thuật và lắp đặt toàn bộ dây chuyền sản xuất (thiết bị chính và thiết bị phụ trợ) từ công đoạn tiếp liệu, sấy và vận chuyển nguyên liệu cho đến công đoạn nghiền mịn, phân ly, tồn trữ và đóng bao cho Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy chế biến bột Silica (điều chỉnh), công suất 55.000 tấn/năm. Đồng thời đáp ứng các yêu cầu cụ thể về công suất, chất lượng sản phẩm, tuổi thọ của dây chuyền thiết bị, thời gian bảo hành...được nêu trong HSMT. Nhà thầu có quyền đề xuất các thông số khác mà vẫn đảm bảo đáp ứng theo sơ đồ công nghệ trong thiết kế cơ sở được duyệt (xem bản vẽ đính kèm) và không làm thay đổi bản chất thiết kế cơ sở của dự án như sau:

- Đảm bảo đúng theo sơ đồ công nghệ của thiết kế cơ sở đã được duyệt bao gồm các hệ thống chính như: Cấp liệu - Máy sấy – Máy nghiền – Phân ly – Lọc bụi – Silo – Hệ thống đóng gói.
- Công suất tối thiểu phải đạt theo yêu cầu thiết kế 55.000 tấn/năm.
- Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng toàn khu về chiều cao, ranh đất...phù hợp với Giấy phép xây dựng và các quy định liên quan khác.

1.2. Phạm vi cung cấp của nhà thầu bao gồm nhưng không giới hạn bởi những nội dung sau:

- Thiết kế và tài liệu kỹ thuật.
- Cung cấp thiết bị và vật tư kỹ thuật.
- Công tác lắp đặt thiết bị và các dịch vụ kỹ thuật.
- Bảo hành, bảo trì.

**2. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ VỀ PHẠM VI CUNG CẤP CỦA NHÀ THẦU:**

**2.1. Thiết kế và tài liệu kỹ thuật:**

**2.1.1.Hồ sơ thiết kế dự thầu:** Nhà thầu phải cung cấp các bản vẽ thiết kế khi dự thầu theo yêu cầu tại Khoản 1, Mục 1 Phạm vi cung cấp Chương V (chi tiết tại Mục 3 BẢN VẼ Chương V).

**2.1.2.Hồ sơ thiết kế kỹ thuật:**

- a. Với Hồ sơ thiết kế cơ sở của thiết bị công nghệ do Bên mời thầu cung cấp kèm theo HSMT (Mục 3), nhà thầu thực hiện việc tính toán, thiết kế, bố trí một dây chuyền công nghệ đồng bộ, hoàn chỉnh theo công nghệ, kỹ thuật và kinh nghiệm do nhà thầu đề xuất nhưng phải đảm bảo công suất 55.000 tấn/năm ( $d_{90}<45\mu\text{m}$ ) và tuân thủ thiết kế cơ sở (dây chuyền sản xuất chế biến bột Silica nghiền mịn đến dải cỡ hạt  $<45\mu\text{m}-125\mu\text{m}$ , tỷ lệ lọt sàng  $>90\%$ , trong đó công suất sản phẩm mịn  $<45\mu\text{m}$  ở mức 5.000 tấn/tháng tương đương với 55.000 tấn/năm).

- b. Triển khai công tác thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công thuộc phạm vi công việc của nhà thầu (yêu cầu thiết kế được nêu chi tiết tại Mục 2 Chương V của HSMT).
- c. Nội dung của thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh thiết kế và bản vẽ thiết kế:
  - Thiết kế công nghệ hoàn chỉnh cho toàn bộ 01 (một) dây chuyền sản xuất bao gồm sơ đồ công nghệ, bố trí thiết bị tổng thể, bản vẽ lắp đặt thiết bị...;
  - Thiết kế hệ thống thiết bị điện và cung cấp điện động lực (từ sau trạm biến áp chính của Nhà máy trở đi);
  - Thiết kế hệ thống tự động hoá, đo lường và điều khiển bao gồm cả nhà điều khiển của Nhà máy và hệ thống giám sát;
  - Thiết kế hệ thống nổi đất và chống sét cho thiết bị;
  - Thiết kế hệ thống cấp khí nén, cấp nhiên liệu cho lò sấy;
  - Thiết kế hệ thống cung cấp nước và xử lý nước cho các thiết bị sản xuất;
  - Thiết kế hệ thống điều hoà thông gió thiết bị;
  - Thiết kế thiết bị phi tiêu chuẩn....và các phần công việc liên quan khác do nhà thầu đề xuất.

Chi tiết xem **Mục 2** chương này Yêu cầu về mặt kỹ thuật trong Hồ sơ mời thầu.

### **2.1.3. Tài liệu kỹ thuật:**

- a. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu, hồ sơ kỹ thuật hướng dẫn lắp đặt, hiệu chỉnh, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa toàn bộ các thiết bị của gói thầu.
- b. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu rõ các chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật của các thiết bị do Nhà thầu cung cấp như thuyết minh, bản vẽ, kích thước, trọng lượng, số lượng... của toàn bộ thiết bị do Nhà thầu cung cấp và nêu đầy đủ cơ sở tính toán, căn cứ lựa chọn.

Chi tiết xem **Mục 2** chương này Yêu cầu về kỹ thuật trong Hồ sơ mời thầu.

### **2.1.4. Cung cấp thiết bị và vật tư kỹ thuật:**

Yêu cầu Nhà thầu cung cấp đồng bộ thiết bị, vật tư kỹ thuật cho một dây chuyền sản xuất chế biến bột Silica nghiền mịn đến dải cỡ hạt  $<45\mu\text{m}$ - $125\mu\text{m}$ , tỷ lệ lọt sàng  $>90\%$ , trong đó công suất sản phẩm mịn  $<45\mu\text{m}$  ở mức 5.000 tấn/tháng (tương đương với 55.000 tấn/năm), bao gồm:

- a. Thiết bị công nghệ: Bao gồm toàn bộ máy móc thiết bị của dây chuyền công nghệ từ công đoạn tiếp liệu đến công đoạn đóng gói, nhập kho và các trang thiết bị kèm theo (bulong móng, thiết bị an toàn, đường ống dẫn dầu bôi trơn, đường ống thủy lực, khớp giãn nở nhiệt, giảm chấn...), thiết bị phi tiêu chuẩn đáp ứng toàn bộ phạm vi dây chuyền công nghệ dù có được chỉ ra cụ thể hay không và phải hoàn chỉnh về mọi mặt mà không cần bất kỳ sự cung cấp bổ sung nào từ Chủ đầu tư.
- b. Thiết bị điện động lực, đo lường, điều khiển và tự động hoá: Bao gồm hệ thống cung cấp điện động lực, đo lường, điều khiển và tự động hóa... đáp ứng toàn bộ phạm vi

dây chuyền sản xuất dù có được chỉ ra cụ thể hay không và phải hoàn chỉnh về mọi mặt mà không cần bất kỳ sự cung cấp bổ sung nào từ Chủ đầu tư.

c. Các thiết bị phụ trợ:

- Hệ thống cung cấp nhiệt (cho máy sấy).
- Máy nén khí và hệ thống cung cấp khí nén.
- Hệ thống cung cấp và xử lý nước, hệ thống tuần hoàn nước cho thiết bị sản xuất.

d. Các dụng cụ đặc biệt cho việc lắp ráp, hiệu chỉnh, vận hành và bảo dưỡng thiết bị.

e. Các thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra phục vụ cho công việc hiệu chỉnh, chạy thử, nghiệm thu và sản xuất.

f. Vật tư kỹ thuật bao gồm:

- Tất cả các loại vật tư kỹ thuật phục vụ cho gói thầu đều do nhà thầu cung cấp như:
  - + Sắt thép dùng cho việc tổ hợp, gia công chế tạo thiết bị tại hiện trường, vật tư phục vụ cho việc thi công lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình.
  - + Toàn bộ vật tư kỹ thuật đặc biệt, sắt thép chống mài mòn ở những vị trí xả liệu quan trọng, các loại đường ống công nghệ, hệ thống cung cấp nước, khí nén,...(bao gồm cả phụ kiện, vật tư đầu nối).
  - + Sơn các loại để sơn hoàn thiện các thiết bị do bị chà xát trong quá trình vận chuyển và lắp đặt, các chỗ nối ghép, mối hàn của các thiết bị trong dây chuyền.
  - + Các que hàn đặc biệt sử dụng trong quá trình thi công lắp đặt trong nhà máy.
  - + Các vật tư, phụ tùng dự phòng thay thế (gioăng, phốt dẫn nở...) trong lắp đặt và phục vụ cho quá trình chạy thử và bảo hành cơ điện.
  - + Toàn bộ phần dầu mỡ bôi trơn lần đầu cho các thiết bị công nghệ toàn dây chuyền. Trong đó nêu rõ chủng loại, số lượng mỗi loại, tính năng kỹ thuật, tên hãng sản xuất...
  - + Các vật tư phải thay thế, bổ sung trong quá trình lắp đặt và chạy thử, các dụng cụ phục vụ công tác sửa chữa đã có trong chi phí của thiết bị chính. Vật tư này không nằm trong chi phí của Bên mời thầu.
  - + Các loại bu lông móng của thiết bị, vật liệu chèn móng trong khi lắp đặt, bu lông, đai ốc, các vòng đệm kín của hệ thống ống nối, phôi thao, các vật liệu phi kim loại....
  - + Toàn bộ các loại vật tư có liên quan khác để đảm bảo dây chuyền do nhà thầu cung cấp được lắp đặt hoàn chỉnh, đảm bảo cho việc vận hành và nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Chất lượng và đặc tính kỹ thuật của vật tư được cung cấp phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bên mời thầu cũng như các yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế của nhà thầu. Nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ, chi tiết đặc tính kỹ thuật, tên hãng sản xuất, nước sản xuất, danh mục, khối lượng, chủng loại, phạm vi sử dụng đối với các loại vật tư kỹ thuật chủ yếu mà nhà thầu sẽ cung cấp.

**Chi tiết phạm vi cung cấp thiết bị tham khảo tại Phụ lục “Danh mục thiết bị” trong HSMT.**

## **2.1.5. Công tác lắp đặt thiết bị và Các dịch vụ kỹ thuật**

### **2.1.5.1. Công tác lắp đặt thiết bị**

Công tác thi công lắp đặt thiết bị cho toàn bộ dây chuyền thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu (được nêu chi tiết trong **Mục 2 Chương V** của HSMT).

### **2.1.5.2. Các dịch vụ kỹ thuật**

Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các dịch vụ sau:

- a. Hướng dẫn, giám sát lắp đặt/ hiệu chỉnh toàn bộ các thiết bị do Nhà thầu cung cấp.
- b. Kiểm định hàng hóa do Nhà thầu cung cấp (được nêu chi tiết trong **Mục 2 Chương V của HSMT**).
- c. Vận hành/ chạy thử và kiểm tra năng suất thiết bị, cụm thiết bị của gói thầu.

Quá trình thực hiện công tác lắp đặt thiết bị, nhà thầu phải cử các chuyên gia có đủ năng lực và kinh nghiệm trực tiếp hướng dẫn, giám sát công tác hiệu chỉnh, chạy thử và đánh giá năng suất của các thiết bị do Nhà thầu cung cấp. Đồng thời, hướng dẫn, giám sát các nhân viên Bên mời thầu được chỉ định để vận hành thiết bị phù hợp với qui trình và qui định nêu trong các tài liệu hướng dẫn do Nhà thầu cấp cho đến khi hoàn thành toàn bộ công tác chạy thử, nghiệm thu theo đúng qui định.

- d. Huấn luyện, đào tạo:

Đào tạo tại chỗ: Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo các kỹ sư, công nhân của Bên mời thầu tại mặt bằng nhà máy trong thời gian lắp đặt, hiệu chỉnh, chạy thử, nghiệm thu toàn bộ dây chuyền đưa vào sản xuất để trang bị các kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể vận hành dây chuyền thiết bị và các công việc khác khi nhà máy đi vào hoạt động.

- e. Trợ giúp kỹ thuật trong 6 tháng đầu tiên sản xuất:

Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện trợ giúp kỹ thuật và công nghệ cho Bên mời thầu trong 6 tháng đầu tiên sản xuất sau khi có chứng chỉ nghiệm thu toàn bộ.

## **2.1.7. Bảo hành và bảo trì**

**2.1.6.1.** Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành toàn bộ hệ thống các thiết bị mà mình cung cấp cho bên mời thầu. Với các thiết bị chính Nhà thầu phải đưa ra các chỉ tiêu bảo hành cụ thể (Chi tiết xem **Mục 2 Chương V** - Yêu cầu về mặt kỹ thuật trong Hồ sơ mời thầu):

- Bảo hành lỗi do nhà chế tạo.
- Bảo hành các thông số kỹ thuật và năng suất thiết bị.

Thời hạn bảo hành: tối thiểu **12 tháng** được tính từ ngày chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng.

### **2.1.6.2. Bảo trì:**

- Thời gian bảo trì: trong thời gian bảo hành, nhà thầu bảo trì miễn phí tối thiểu  $\leq 01$  tháng/lần.

- Thời gian bảo trì miễn phí sau bảo hành:  $\geq 12$  tháng theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày hết thời gian bảo hành;

- Cam kết có phụ tùng, linh kiện để cung cấp thay thế trong quá trình sử dụng;

## **3. TIẾN ĐỘ CUNG CẤP**

Nhà thầu phải lập và trình Chủ đầu tư tiến độ thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt và chạy thử thiết bị.

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ các công việc thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư kỹ thuật, lắp đặt, dịch vụ kỹ thuật, chạy thử và hiệu chỉnh theo Hồ sơ mời thầu, trong thời gian không muộn hơn **90 ngày** lịch (không bao gồm ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và phải đảm bảo Tiến độ giao tài liệu thiết kế theo các nội dung sau:

**a. Bản vẽ thiết kế dự thầu:**

Nhà thầu phải nộp cùng HSDT theo quy định tại Mục 3 Chương V.

**b. Thiết kế công nghệ tổng thể:**

Trong vòng 10 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, trên cơ sở đã thống nhất phương án tổng mặt bằng với Chủ đầu tư, Nhà thầu phải giao bản vẽ thiết kế bố trí thiết bị tổng thể dây chuyền công nghệ của nhà máy kèm theo các bản vẽ chi tiết vị trí đặt và thông số (như tải trọng, kích thước...) của các hệ thống liên quan như máy sấy, máy nghiền... để Bên mời thầu phê duyệt.

**c. Thiết kế kỹ thuật:**

Trong vòng 20 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải giao toàn bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật cho Bên mời thầu.

**d. Thiết kế bản vẽ thi công:**

Tài liệu thiết kế giai đoạn “thiết kế bản vẽ thi công” sẽ được giao từng phần kể từ lúc thiết kế kỹ thuật được phê duyệt và kết thúc trong vòng 45 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực (không bao gồm thời gian chủ đầu tư xem xét, phê duyệt hồ sơ thiết kế).

**e. Tiến độ giao thiết bị, vật tư kỹ thuật và tài liệu kỹ thuật.**

Nhà thầu phải giao thiết bị, vật tư kỹ thuật và tài liệu kỹ thuật thuộc gói thầu theo từng đợt, chuyển hàng đầu tiên được chuyển đến sau 60 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Các chuyển sau phải phù hợp với tiến độ thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị thực tế. Phần cung cấp dịch vụ kỹ thuật và các công việc khác thuộc phạm vi gói thầu sẽ được Nhà thầu thực hiện trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.

**Bảng tiến độ cung cấp và lắp đặt thiết bị**

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Tiến độ cung cấp và lắp đặt thiết bị	Địa điểm cung cấp
1	Hệ thống nạp liệu, sấy liệu và cấp liệu đầu vào (gàu tải, thiết bị sấy, băng tải, silo chứa nguyên liệu, quạt, lọc bụi...)	Hệ thống	01	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Xã Cam Hải Đông – huyện Cam Lâm – tỉnh Khánh Hòa
2	Hệ thống thiết bị nghiền bi (kể cả lớp lót, bi nghiền), phân ly siêu mịn, van quay, thiết bị khử từ, định lượng, quạt, lọc bụi, vít tải....	Hệ thống	01		

3	Thiết bị phi tiêu chuẩn (ống nối, giá đỡ, sàn thao tác,...)	Bộ	01		
4	Hệ thống silo chứa thành phẩm, lọc bụi, thiết bị đóng bao và băng tải thành phẩm.	Hệ thống	01		
5	Hệ thống điện động lực, đo lường, điều khiển và giám sát	Hệ thống	01		
6	Hệ thống cung cấp khí nén	Hệ thống	01		
7	Hệ thống cấp, xử lý nước	Hệ thống	01		
8	Vật tư kỹ thuật, phụ tùng thay thế,...và các thiết bị khác	Bộ	01		

**f. Tiến độ lắp đặt thiết bị.**

Nhà thầu kết thúc việc lắp đặt thiết bị sau 90 ngày kể từ khi Hợp đồng có hiệu lực. Thời gian kết thúc chạy thử và hiệu chỉnh là 120 ngày kể từ khi Hợp đồng có hiệu lực. Thời gian thực hiện không bao gồm thời gian chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ thiết kế.

## MỤC 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### 2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

#### 2.1.1. Giới thiệu chung về dự án

- Tên dự án: Nhà máy chế biến bột silica công suất 55.000 tấn/năm (điều chỉnh) tại xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 – Công ty cổ phần (FiCO).
- Địa điểm xây dựng dự án: xã Cam Hải Đông – huyện Cam Lâm – tỉnh Khánh Hòa.
- Diện tích đất dự kiến sử dụng: khoảng 1.000m<sup>2</sup> (trong khuôn viên nhà máy đang khai thác, tuyển rửa cát trắng của Công ty Cát Cam Ranh FiCO).
- Loại, cấp công trình: công trình Cấp III
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện thông qua Ban Quản lý dự án.

#### 2.1.2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ chính và thiết bị phụ trợ
- Nguồn vốn: Vốn huy động, vốn tự có
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày

#### 2.1.3. Cung cấp các yếu tố đầu vào khác

a. Nguyên liệu đầu vào: Cát nguyên liệu cho dây chuyền nghiền silica flour là nguồn cát đã qua tuyển rửa với chất lượng như sau:

- Tính chất lý học: AFS: 25 ÷ 35

MESH	14	20	25	30	40	50	70	AFS
%	0,00	5,00	12,00	22,00	58,00	2,00	1,00	27,30

- Tính chất hóa học:

SiO <sub>2</sub>	TiO <sub>2</sub>	Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	Cr <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	MnO	Na <sub>2</sub> O	K <sub>2</sub> O	CaO
99,85	0,010	0,025	0,016	<0,01	<0,01	~ 0	~ 0	0,001

b. Nhiên liệu cho Lò sấy: sử dụng nhiên liệu đốt tại địa phương có nhiệt trị  $\geq 3000$  Kcal/kg như củi trấu, mặt cưa, dăm gỗ...

#### 2.1.4. Cung cấp điện

Cấp điện: Hiện nay khu vực nhà máy hiện hữu đang sử dụng 2 máy biến áp cấp điện 320KVA-22/04 KV. Trong quá trình xây dựng dựa vào công suất thực tế tiêu thụ sẽ tiếp tục đầu tư thêm trạm biến áp cho Nhà máy.

#### 2.1.5. Cung cấp nước



Cấp nước: Khu vực hồ chứa nước hiện hữu có trữ lượng khoảng 500.000m<sup>3</sup> đây là nguồn nước cung cấp chính lâu dài cho Dự án đầu tư mở rộng nhà máy chế biến bột silica. Dự án không cần phải đầu tư cung cấp nước từ nơi khác đến.

## 2.2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### 2.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung

Dự án mở rộng Nhà máy chế biến bột Silica được trang bị hệ thống thiết bị tiên tiến với việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới và trang bị hệ thống thiết bị tự động hoá cho phép sản xuất bột silica đạt chất lượng tốt và hiệu quả kinh tế.

Nhà máy chế biến bột silica có thể sản xuất các cỡ hạt khác nhau (03 loại sản phẩm chủ yếu  $d_{90} \leq 125\mu\text{m}$ ,  $d_{90} \leq 75\mu\text{m}$  và  $d_{90} \leq 45\mu\text{m}$ ) trong đó với cỡ hạt  $d_{90} \leq 45\mu\text{m}$  đây chuyên đạt công suất tối thiểu 55.000 tấn/năm (tương đương 5.000 tấn thành phẩm/ tháng).

Tất cả các máy móc và trang thiết bị kèm theo bao gồm cả các động cơ, hộp giảm tốc, bu lông móng (theo đúng tiêu chuẩn của hãng sản xuất, nước sản xuất), hệ thống làm mát, hệ thống bôi trơn, bộ nối trục, biến tần khởi động, tủ điện cục bộ, bảng điều khiển, các van, hệ thống điều khiển... đầy đủ, đồng bộ đảm bảo đưa ngay vào vận hành và Bên mời thầu không phải cung cấp thêm chi tiết nào khác (sau đây gọi tắt là thiết bị) do Nhà thầu cung cấp phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- + Các thiết bị cơ - điện & điều khiển thuộc công đoạn nghiền mịn, phân ly có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, đòi hỏi độ chính xác cao nên được lựa chọn xuất xứ từ các nước Châu Á hoặc tương đương nhưng có trình độ kỹ thuật cao, đáp ứng được yêu cầu về chất lượng thiết bị, sản phẩm.
- + Các thiết bị cơ - điện & điều khiển thuộc công đoạn còn lại: công đoạn sấy và vận chuyển nguyên liệu, ít phức tạp, đòi hỏi độ chính xác không cao có thể được mua hoặc gia công chế tạo trong nước nhưng nhà thầu phải giám sát chặt chẽ và đảm bảo các yêu cầu về chất lượng thiết bị.
- + Tất cả các thiết bị cung cấp phải là mới, được sản xuất từ năm 2019 trở đi, chưa qua sử dụng và đều được Nhà thầu sơn lót và sơn phủ hoàn chỉnh. Sau khi lắp đặt, các chỗ bị chà sát, các mối nối, mối hàn của các thiết bị phải được Nhà thầu sơn hoàn thiện.
- + Dây chuyền phải đảm bảo công suất yêu cầu, tiên tiến, phù hợp với các yêu cầu công nghệ và các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường tại Việt Nam.
- + Có độ tin cậy cao, đảm bảo khả năng vận hành liên tục, độ bền cao, tuổi thọ lớn, hoạt động an toàn, hiệu quả tiêu hao năng lượng thấp.
- + Thuận lợi trong quá trình vận hành và bảo dưỡng, thời gian và chi phí bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ.
- + Phải được chế tạo theo các tiêu chuẩn quốc tế đã được thừa nhận và đã được nhiệt đới hoá, phù hợp với điều kiện khí hậu khu vực xây dựng công trình.

Tất cả các thiết bị do Nhà thầu cung cấp đều được sản xuất tại các nhà máy đã chế tạo nhiều các thiết bị cho công nghiệp nghiền mịn và siêu mịn. Nhà thầu phải chỉ rõ xuất xứ của các thiết bị mà mình cung cấp, bao gồm: Hãng sản xuất, năm sản xuất. Người mua sẽ không chấp nhận bất cứ thiết bị nào có nguồn gốc không đúng theo quy định trên.

Với các thiết bị không phải do nhà thầu sản xuất, Nhà thầu phải có giấy phép bán hàng và chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất các thiết bị đó.

Để thực hiện giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp kỹ thuật sau:

- + Sử dụng các loại thiết bị kín và các giải pháp kỹ thuật hợp lý để giảm phát sinh bụi và khí độc trong quá trình sản xuất.
- + Nồng độ bụi của khí thải sau thiết bị lọc bụi phải đảm bảo  $\leq 30 \text{ mg/Nm}^3$ .
- + Có giải pháp giảm thiểu tiếng ồn trong sản xuất. Mức ồn tại các khu vực làm việc là  $\leq 85 \text{ dB}$ , mức cực đại  $\leq 115 \text{ dB}$  (theo TCVN 3985:1999). Độ ồn bên ngoài nhà máy không quá  $40 \text{ dB(A)}$  vào ban đêm và  $55 \text{ dB(A)}$  vào ban ngày.

Tiêu chuẩn hóa thiết bị:

- + Để giảm đến mức tối thiểu danh mục phụ tùng thay thế và đơn giản hoá việc bảo dưỡng, khuyến khích sử dụng tối đa các thiết bị và các bộ phận có thể hoán đổi cho nhau.
- + Tại những vị trí các hạng mục thiết bị có số lượng các bộ phận là 2 hoặc nhiều hơn 2, có đặc tính công suất như nhau và có kiểu chức năng như nhau, các hạng mục đó của thiết bị hoặc các bộ phận phải được đồng nhất về hình dáng, cấu tạo, kiểu và kích cỡ.

Các vật liệu và các tiêu chuẩn áp dụng:

- + Tất cả các vật liệu, hàn và chế tạo, phải theo đúng yêu cầu của các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia nước chế tạo.
- + Hệ đo lường SI sẽ được sử dụng cho thiết kế, đặc tính kỹ thuật thiết bị, các bản vẽ và các tài liệu kỹ thuật.
- + Tất cả các vật liệu phải có chất lượng phù hợp với các ứng dụng của chúng. Nhà thầu phải áp dụng phương pháp gia công, xử lý nhiệt luyện hợp lý và tiên tiến nhất.
- + Thành phần hoá, độ bền kéo, giới hạn đàn hồi và độ giãn dài của các vật liệu khác nhau được sử dụng phải nằm trong giới hạn cho phép phù hợp với yêu cầu của các đặc tính kỹ thuật liên quan.

Kiểm tra vật liệu:

- + Toàn bộ các thiết bị cơ khí và vật tư kỹ thuật phải được kiểm tra phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế được công nhận (JIS, DIN, BS, ASTM, NOF...).
- + Các phương pháp kiểm tra bằng tia X, siêu âm, từ tính ... sẽ được áp dụng để phát hiện khuyết tật của các mối hàn chịu ứng suất cao, các khuyết tật trên bề mặt, vết nứt, hở, các tạp chất trong vật liệu.
- + Các vật tư được cung cấp phải có chứng chỉ của nhà sản xuất và các giá trị đo trong các phép thử khác nhau được tiến hành theo các tiêu chuẩn đã được lựa chọn.
- + Các chứng chỉ cho sản phẩm cũng bao gồm cả kết quả phân tích hoá học, các trị số lý học và đặc tính kỹ thuật đặc thù của vật liệu đã được chế tạo và giao ở một hay nhiều đợt.

Bảo dưỡng và an toàn.

- + Tất cả máy móc và thiết bị đòi hỏi việc kiểm tra, bôi trơn, vệ sinh, điều chỉnh, sửa chữa hoặc thay thế định kỳ hoặc được thao tác bằng tay đều được bố trí các sàn công tác hoặc các cầu thang hoặc các lối đi an toàn đến các thiết bị đó.

- + Các kết cấu đỡ, các sàn công tác, các lối đi an toàn, cầu thang phải có lan can, bậc chống trơn và các móc nếu có yêu cầu.
- + Tất cả các thiết bị chào hàng phải đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn Việt Nam.
- + Các chỉ dẫn an toàn phải được sử dụng tại tất cả các điểm có thể gây nguy hiểm cho người và thiết bị.
- + Bố trí lối thoát hiểm và các chỉ dẫn cần thiết (biển báo, đèn báo ...)

Cầu trục, pa lăng, tời điện (nếu có): Để việc bảo dưỡng và các sửa chữa an toàn, thuận tiện, Nhà thầu có thể đề xuất bổ sung việc cung cấp các cầu trục và tời điện tại các vị trí cần thiết, yêu cầu Nhà thầu nêu rõ số lượng, đặc tính kỹ thuật, vị trí lắp đặt tời điện, pa lăng điện...

Với các thiết bị: Máy nghiền bi, định lượng, thiết bị phân ly, lọc bụi công nghệ, hộp giảm tốc của máy nghiền... Nhà thầu phải chỉ rõ xuất xứ: Nhà thiết kế, hãng sản xuất, năm sản xuất. Nhà thầu phải có chứng chỉ được phép sử dụng thiết kế thiết bị của nhà thiết kế và chứng chỉ của nhà sản xuất các thiết bị đó.

## **2.2.2. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể**

### **2.2.2.1 Yêu cầu về tài liệu thiết kế:**

#### **2.2.2.1.1 Nguyên tắc chung**

- Toàn bộ các thiết bị được thiết kế phải tuân thủ các quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.
- Toàn bộ các thiết bị được thiết kế theo hệ mét (SI), phù hợp với các tiêu chuẩn thiết kế được quốc tế được công nhận.
- Tất cả các thiết bị phải được nhiệt đới hoá và phù hợp với khí hậu khu vực nhà máy. Tiêu chuẩn thiết kế đối với thiết bị thuộc hệ thống là tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị làm việc trong môi trường chịu mài mòn, bụi.
- Việc thiết kế phải đảm bảo sao cho các thiết bị có khả năng vận hành liên tục và ổn định với tải lớn nhất, đảm bảo tuổi thọ của chi tiết / cụm chi tiết / thiết bị mà không gây trở ngại cho việc vận hành, bảo dưỡng thiết bị. Thiết bị phải có kết cấu cứng vững, tiêu thụ năng lượng thấp, có hiệu suất cao, đơn giản trong vận hành, sửa chữa và thay thế. Các chi tiết / cụm chi tiết / thiết bị có tính lặp lại cao phải được tiêu chuẩn hóa để giảm chi phí trong lắp đặt, vận hành, sửa chữa và thay thế.

Các tài liệu kỹ thuật của thiết kế do Nhà thầu cung cấp bao gồm: Thiết kế dự thầu, Thiết kế công nghệ tổng thể, Thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

#### **Thiết kế dự thầu:**

- Nhà thầu phải nộp cùng HSDT theo quy định tại Mục 3 Chương V.

#### **Thiết kế công nghệ tổng thể:**

- Trong vòng 10 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, trên cơ sở đã thống nhất phương án tổng mặt bằng với Chủ đầu tư, Nhà thầu phải giao bản vẽ thiết kế chi tiết bố trí thiết bị tổng thể dây chuyền công nghệ của nhà máy và hệ thống kỹ thuật để Bên mời thầu phê duyệt.

### **Thiết kế kỹ thuật.**

- Thiết kế kỹ thuật phải thể hiện được đầy đủ các giải pháp, thông số kỹ thuật và vật liệu sử dụng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng, là cơ sở để triển khai thiết kế bản vẽ thi công lắp đặt.
- Thiết kế phải nêu rõ chi phí vận hành, chi phí duy tu bảo dưỡng, chi phí sửa chữa lớn và thời gian duy tu bảo dưỡng tính trên một năm hoạt động hoặc trên một đơn vị sản phẩm.
- Nội dung của thiết kế kỹ thuật bao gồm: Thuyết minh, bản vẽ, tài liệu tính toán với việc thể hiện đầy đủ chi tiết các giải pháp kỹ thuật, trang thiết bị, phù hợp với nội dung của hợp đồng đã ký kết giữa Bên mời thầu và Nhà thầu. Nội dung của Thiết kế kỹ thuật đảm bảo đủ điều kiện để xác định tiêu hao vật liệu chủ yếu và xác định được chi phí vận hành của nhà máy.

### **Thiết kế bản vẽ thi công.**

- Thiết kế bản vẽ thi công là tài liệu thể hiện trên bản vẽ, được lập trên cơ sở thiết kế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền của Bên mời thầu phê duyệt và đáp ứng các thoả thuận tại các cuộc họp duyệt thiết kế.
- Thiết kế bản vẽ thi công phải phù hợp với thiết kế kỹ thuật. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công phải thể hiện được các chi tiết bố trí trang thiết bị, chế tạo thiết bị tại chỗ, lắp đặt toàn bộ hệ thống thiết bị kể cả cấp điện, cấp nước, thoát nước, điều hoà thông gió... để đảm bảo cho việc thực hiện thi công lắp đặt dây chuyền sản xuất.

#### **2.2.2.1.2 Tài liệu thiết kế kỹ thuật**

##### **A. Phần thuyết minh và giải thích.**

###### **A.1. Căn cứ để lập Thiết kế kỹ thuật.**

- Quyết định pháp lý phê duyệt đầu tư (do Bên mời thầu cung cấp).
- Thiết kế sơ bộ được duyệt (thiết kế cơ sở do Bên mời thầu cung cấp).
- Tóm tắt nội dung của hợp đồng ký kết giữa Bên mời thầu và Nhà thầu về đầu tư Nhà máy chế biến bột Silica (tên công trình, vị trí xây dựng, công suất, chất lượng sản phẩm, phương pháp sản xuất, công nghệ ...).

###### **A.2. Thuyết minh thiết kế**

###### **A.2.1. Giải pháp công nghệ**

Giải pháp công nghệ, thuyết minh toàn bộ các công đoạn trong gói thầu bao gồm:

- Tính toán cân bằng vật liệu, định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu.
- Tính toán và thuyết minh việc thiết kế các hạng mục từ công đoạn sấy đến công đoạn nghiền mịn, phân ly và đóng gói, cân bằng khí trong hệ thống nghiền.
- Liệt kê đầy đủ thiết bị với các đặc tính kỹ thuật chi tiết của từng thiết bị.
- Giải pháp bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vận hành.
- Quy trình kỹ thuật vận hành.

### **A.2.2. Thuyết minh phần điện và điều khiển:**

#### **Phạm vi thiết kế:**

- Thiết kế hệ thống cung cấp điện động lực cho toàn bộ dây chuyền sản xuất chính và cho các công trình phụ trợ như trạm cấp khí nén, cấp nước, cấp nhiên liệu, nhà điều khiển...
- Thiết kế hệ thống tiếp đất, chống sét cho toàn bộ dây chuyền sản xuất.
- Thiết kế hệ thống tự động hoá cho toàn bộ dây chuyền sản xuất và hệ thống giám sát vận hành.
- Thiết kế hệ thống điều hoà thông gió.
- Lập trình, cài đặt, chạy thử, đào tạo, chuyển giao các chương trình phần mềm vận hành và điều khiển tối ưu dây chuyền sản xuất.
- Thiết kế các công trình điện bao gồm: Nhà điều khiển, các tuyến hành lang cáp, mương cáp...
- Nhà thầu phải giải quyết, xử lý mọi vấn đề liên quan giữa phần thiết kế lắp đặt điện, điều khiển và thiết kế lắp đặt thiết bị cơ để đảm bảo tính đồng bộ của dây chuyền sản xuất.

#### **Tiêu chuẩn thiết kế:**

Việc thiết kế, chế tạo thiết bị điện, điều khiển phải tuân theo các tiêu chuẩn sau:

- Những yêu cầu của tài liệu mời thầu này.
- Những quy định và những bổ sung mới nhất của Hội đồng kỹ thuật điện quốc tế (IEC).
- Những tiêu chuẩn và những bổ sung mới nhất của các tiêu chuẩn: DIN, VDE, UTE, JIS.

### **A.2.3. Thiết kế hệ thống cung cấp khí nén**

- Thuyết minh và tính toán.
- Liệt kê thiết bị kèm theo các đặc tính kỹ thuật chi tiết của từng thiết bị.

### **A.2.4. Thiết kế hệ thống cung cấp nhiên liệu (cho hệ thống sấy)**

- Thuyết minh và tính toán.

- Liệt kê thiết bị kèm theo các đặc tính kỹ thuật chi tiết của từng thiết bị.

### **A.2.5. Thiết kế hệ thống cấp nước và xử lý nước**

- Thuyết minh và tính toán.
- Liệt kê thiết bị kèm theo các đặc tính kỹ thuật chi tiết của từng thiết bị.

### **A.2.6. Bảo vệ môi trường, an toàn**

- Biện pháp an toàn lao động, an toàn sản xuất, phòng nổ chống cháy, chống độc hại, chống bụi.
- Bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí có hại, nước thải, tiếng ồn...

## **B. Bản vẽ thiết kế kỹ thuật**

### **B.1. Bố trí tổng thể thiết bị công nghệ**

Nhà thầu phải căn cứ theo bản vẽ tổng mặt bằng (cung cấp kèm theo HSMT) để thiết kế, bố trí tổng thể toàn bộ dây chuyền sản xuất một cách thống nhất và đồng bộ. Bản vẽ bố trí thiết bị tổng thể phải thể hiện chi tiết việc bố trí công nghệ các công đoạn sản xuất, các băng tải vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm, các hạng mục phụ trợ... của Bên mời thầu đưa ra với yêu cầu thể hiện đầy đủ các hạng mục công trình của dây chuyền sản xuất và phương án bố trí công nghệ hợp lý và tối ưu nhất.

### **B.2. Bản vẽ phần công nghệ.**

Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp thiết kế sơ đồ công nghệ bao gồm:

- Sơ đồ dây chuyền công nghệ với mã số thiết bị.
- Sơ đồ dây chuyền công nghệ với các điểm đo lường.
- Sơ đồ dây chuyền công nghệ với công suất thiết bị, công suất điện và các chỉ tiêu chính khác.
- Bản vẽ bố trí thiết bị công nghệ trong nhà xưởng sản xuất bao gồm: mặt bằng, mặt cắt ngang, mặt cắt dọc, trong đó có bố trí các sàn thao tác, các cầu thang, tọa độ định vị thiết bị, kích thước cơ bản của thiết bị, vị trí các lỗ trên sàn...

### **B.3. Bản vẽ phần điện và điều khiển:**

#### **Phần điện:**

- Sơ đồ một sơ hệ thống cung cấp điện các công đoạn thuộc gói thầu.
- Tổng mặt bằng cung cấp điện chỉ ra vị trí của trạm điện và các tuyến cáp chính.
- Các bản vẽ bố trí của trạm điện.
- Các sơ đồ điện điển hình của các tủ phân phối hạ thế, trung tâm điều khiển động cơ (MCC), và các trung tâm điều khiển phụ (ACC) ...
- Các sơ đồ khởi động động cơ.
- Nguyên lý lắp đặt điển hình cho lắp đặt cáp (máng cáp, ống luồn cáp).
- Tổng mặt bằng mạng nối đất chôn ngầm.

- Bản vẽ bố trí hệ thống phòng sét, liệt kê vật liệu cho hệ thống phòng sét, nguyên lý lắp đặt điển hình cho hệ thống phòng sét.
- Các bản vẽ hệ thống điều hoà và thông gió.
- Các bản vẽ hướng dẫn công việc xây dựng

### **Phần đo lường, điều khiển:**

#### **Phần cứng:**

- Bản vẽ mặt bằng bố trí các thiết bị phòng điều khiển.
- Sơ đồ nối dây.
- Các chỉ dẫn và sổ tay hướng dẫn các công việc lắp ráp/lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng, bao gồm cả các chỉ dẫn cách khắc phục các lỗi vận hành.
- Liệt kê phụ tùng dự phòng thay thế.
- Tài liệu phân cứng và các bản vẽ và tài liệu trọn bộ do nhà chế tạo cung cấp.
- Các đặc tính kỹ thuật của máy.

#### **Phần mềm:**

- Các chỉ dẫn cho việc chuẩn bị các báo cáo.
- Liệt kê và hướng dẫn chi tiết các chương trình phần mềm áp dụng.
- Các chỉ dẫn về chương trình phần mềm cho người sử dụng, bao gồm các thủ tục chạy chương trình.
- Các hướng dẫn chi tiết cho vận hành.
- Lập trình cho việc xử lý, hiệu chỉnh các giá trị đặt để điều chỉnh chất lượng cát nghiền.

Tất cả các chương trình phần mềm được cài đặt, sẵn sàng cho sử dụng, đồng thời cũng sẽ được giao trên đĩa CD cho mục đích dự phòng.

Trên cơ sở phân giao giữa Nhà thầu và Bên mời thầu (nếu có), đối với các thiết bị, vật liệu do Bên mời thầu tự mua sắm và chế tạo tại Việt Nam, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các bản vẽ chế tạo và các tài liệu kỹ thuật hướng dẫn chế tạo để Bên mời thầu tự thực hiện.

Đối với các thiết bị điện, tự động hoá, vật liệu lắp đặt do Bên mời thầu tự mua sắm và chế tạo tại Việt Nam, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ:

- ✓ Các bản vẽ chi tiết (nếu yêu cầu), các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật để Bên mời thầu tự thực hiện.
- ✓ Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu chất lượng và sự phù hợp của các thiết bị, vật liệu do Bên mời thầu mua sắm và chế tạo tại Việt Nam, giám sát lắp đặt thiết bị nói trên.  
Nhà thầu chịu trách nhiệm giám sát quyền tác giả và thực hiện việc điều chỉnh thiết kế, lắp đặt thiết bị điện, điều khiển khi cần thiết, để đảm bảo tính phù hợp giữa phần điện và phần cơ, và đảm bảo việc vận hành trơn tru của dây chuyền sản xuất mà không bị trục trặc bởi lý do về điện, điều khiển.

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu hồ sơ kỹ thuật hướng dẫn lắp đặt, hiệu chỉnh, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị điện, tự động hoá.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thiết kế hệ thống, chỉ ra các đặc tính kỹ thuật và yêu cầu cụ thể cho các loại thiết bị và vật liệu mua, chế tạo tại Việt Nam sao cho các thiết bị nói trên được mua sắm phù hợp với thiết kế của Nhà thầu, đảm bảo tính đồng bộ của dây chuyền sản xuất.

#### **B.4. Bản vẽ phần cung cấp khí nén và nhiên liệu cho hệ thống sấy.**

- Bản vẽ sơ đồ cung cấp từ các trạm đầu nguồn đến các hộ tiêu thụ.
- Bản vẽ tổng mặt bằng chỉ ra vị trí xây dựng chính.
- Bản vẽ bố trí thiết bị chính.

#### **B.5. Bản vẽ phần cung cấp nước và xử lý nước thải.**

- Sơ đồ hệ thống đường ống cấp nước, vị trí các điểm chờ, nhu cầu cung cấp ...
- Bản vẽ bố trí (chỉ ra khu vực đặt thiết bị) của trạm bơm và trạm xử lý nước cho thiết bị.

#### **B.6. An toàn.**

- Bản vẽ, thuyết minh lối thoát hiểm và giải pháp phòng chống cháy, nổ.

### **2.2.2.1.2 Tài liệu thiết kế bản vẽ thi công**

#### **A. Tài liệu kỹ thuật chung**

Tài liệu kỹ thuật của giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công dựa vào cơ sở của thiết kế bố trí thiết bị công nghệ tổng thể của Nhà máy và các hạng mục.

Tài liệu kỹ thuật này có thể được sửa đổi trong suốt giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công nếu cần thiết và phải được Bên mời thầu chấp nhận.

#### **B. Thiết kế thiết bị phi tiêu chuẩn**

Nhà thầu phải thiết kế chi tiết và chế tạo, lắp đặt thiết bị phi tiêu chuẩn tại tất cả các công đoạn.

Bản vẽ thiết kế thiết bị phi tiêu chuẩn bao gồm:

- Số hiệu, vị trí lắp đặt, các chi tiết của thiết bị, kích thước, bề dày...
- Liệt kê khối lượng, loại vật liệu cho từng thiết bị.

#### **C. Bản vẽ công nghệ cuối cùng**

Nhà thầu phải lập bản vẽ công nghệ cuối cùng bao gồm:

Bản vẽ bố trí thiết bị trong nhà xưởng như thiết bị công nghệ, thiết bị điện điều khiển, thiết bị cấp khí nén, cấp thoát nước và các thiết bị khác trong nhà xưởng với các mặt bằng, mặt cắt ngang, mặt cắt dọc, bố trí thiết bị trên sàn nhà.

Trong đó trên các bản vẽ cần chỉ ra kích thước chính xác của thiết bị, vị trí của các thiết bị, khoảng cách giữa các thiết bị, và giữa thiết bị với các kết cấu lân cận khác.



## **D. Bản vẽ thi công phân điện và điều khiển:**

### **Bản vẽ và tài liệu phân điện:**

- Liệt kê các bản vẽ.
- Các bản vẽ hướng dẫn các công việc xây dựng hầm cáp, tuyến cáp luồn ống...
- Sơ đồ một sợi của hệ thống phân phối điện hạ thế.
- Các sơ đồ chi tiết của tất cả các tủ điện, tủ phân phối hạ thế, các trung tâm điều khiển động cơ, trung tâm điều khiển phụ, tủ điều khiển động cơ biến tốc, tủ PLC, hệ thống điều khiển phụ,...
- Các sơ đồ nối chi tiết bên trong của hệ thống điều khiển và các sơ đồ nối dây.
- Sơ đồ logic liên động.
- Các bản vẽ lắp đặt chi tiết của các tuyến cáp trong xưởng sản xuất (bao gồm phòng đặt tủ điện, phòng điều khiển trung tâm, ...)
- Các bản vẽ lắp đặt chi tiết của các tuyến cầu cáp, tuyến cáp luồn ống, mương cáp, và các hộp nối dây bên trong hoặc bên ngoài các công đoạn sản xuất, bản vẽ bố trí cáp, nguyên lý lắp đặt các tuyến máng cáp khác nhau (chiều cao, mặt cắt ngang, kích thước, các điểm đỡ, các yêu cầu về công việc xây dựng) và liệt kê các vật liệu lắp ráp cần thiết.
- Bản vẽ các tuyến ống luồn cáp trong các công đoạn sản xuất, đường kính ống và liệt kê các vật liệu sử dụng.
- Thống kê các loại cáp điện (số lượng, loại, kích thước, tiết diện, chiều dài, điểm đầu điểm cuối, tuyến chính...), bảng phụ lục cáp điện (cáp hạ thế, cáp điều khiển, cáp đo lường)
- Các bản vẽ chi tiết hướng dẫn lắp đặt và liệt kê các thiết bị, vật liệu cần thiết của hệ thống điều hoà thông gió.
- Các bản vẽ chi tiết hướng dẫn lắp đặt và liệt kê các thiết bị, vật liệu cần thiết của hệ thống báo động cháy.
- Tính toán hệ thống nối đất dựa trên kết luận của việc đo điện trở suất do Bên mời thầu cung cấp. Nguyên lý lắp đặt hệ thống nối đất và chống sét. Liệt kê vật liệu sử dụng cho mạng nối đất và chống sét.
- Tính toán phụ tải điện và tính toán công suất tiêu thụ thực tế (cân bằng công suất/nhu cầu sử dụng công suất).
- Nghiên cứu tính lựa chọn của bảo vệ (cho bảo vệ rơ le).
- Tính toán kiểm tra chế độ khởi động động cơ lớn.
- Liệt kê thiết bị sử dụng điện (tên, công suất lắp đặt, công suất tiêu thụ, kiểu, tốc độ, mômen cho các máy yêu cầu đặc biệt).
- Cấu hình PLC và sơ đồ nối với các thiết bị quá trình.

- Tài liệu hướng dẫn vận hành, lập trình PLC và tài liệu phần mềm.
- Các tài liệu hướng dẫn lắp đặt cần thiết cho tất cả các thiết bị điện, đo lường và điều khiển, bao gồm cả liệt kê các dụng cụ đặc biệt phục vụ cho việc lắp đặt.
- Các tài liệu hướng dẫn vận hành, chuyển giao, hướng dẫn bảo dưỡng của các thiết bị điện, điều khiển, đo lường do nhà chế tạo cung cấp.
- Chứng chỉ của nhà chế tạo và các báo cáo thử nghiệm với các loại thử nghiệm không nhắc lại tại hiện trường cho tất cả các thiết bị điện chính.
- Liệt kê các phụ tùng dự phòng thay thế.

#### **Các bản vẽ và tài liệu về đo lường:**

- Liệt kê các bản vẽ.
- Liệt kê các cảm biến (tên, kiểu, chức năng), tài liệu hướng dẫn lắp ráp.
- Liệt kê các khí cụ đo.
- Liệt kê vật liệu lắp đặt của các khí cụ đo.
- Liệt kê phụ tùng dự phòng thay thế.
- Phân tích chức năng điều khiển quá trình.
- Các sơ đồ chi tiết các mạch vòng đo lường.
- Bản vẽ lắp đặt các khí cụ đo, sổ tay hướng dẫn lắp đặt.
- Sổ tay hướng dẫn lắp ráp, chuyển giao, bảo dưỡng và phát hiện hỏng hóc các thiết bị đo.
- Sơ đồ nguyên lý và bản vẽ lắp đặt hệ thống phân tích khí, sổ tay hướng dẫn lắp ráp và giới thiệu của nhà sản xuất.

#### **Bản vẽ và tài liệu của hệ thống điều khiển:**

##### Thiết bị phần cứng:

- Bản vẽ mặt bằng bố trí các thiết bị phòng điều khiển.
- Sơ đồ nối dây.
- Các chỉ dẫn và sổ tay hướng dẫn các công việc lắp ráp/lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng, bao gồm cả các chỉ dẫn cách khắc phục các lỗi vận hành.
- Liệt kê phụ tùng dự phòng thay thế.
- Tài liệu phần cứng và các bản vẽ và tài liệu trọn bộ do nhà chế tạo cung cấp.
- Các đặc tính kỹ thuật của máy.

##### Phần mềm:

- Các chỉ dẫn cho việc chuẩn bị các báo cáo.
- Liệt kê và hướng dẫn chi tiết các chương trình phần mềm áp dụng.

- Các chỉ dẫn về chương trình phần mềm cho người sử dụng, bao gồm các thủ tục chạy chương trình.
- Các hướng dẫn chi tiết cho vận hành.
- Lập trình cho việc xử lý, hiệu chỉnh các giá trị đặt để điều chỉnh chất lượng bột silica.

Tất cả các chương trình phần mềm được cài đặt, sẵn sàng cho sử dụng, đồng thời cũng sẽ được giao trên đĩa CD cho mục đích dự phòng.

Trên cơ sở phân giao giữa Nhà thầu và Bên mời thầu (nếu có), đối với các thiết bị, vật liệu do Bên mời thầu tự mua sắm và chế tạo tại Việt Nam, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các bản vẽ chế tạo và các tài liệu kỹ thuật hướng dẫn chế tạo để Bên mời thầu tự thực hiện.

Đối với các thiết bị điện, tự động hoá, vật liệu lắp đặt do Bên mời thầu tự mua sắm và chế tạo tại Việt Nam, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ:

- ✓ Các bản vẽ chi tiết (nếu yêu cầu), các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật để Bên mời thầu tự thực hiện.
- ✓ Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu chất lượng và sự phù hợp của các thiết bị, vật liệu do Bên mời thầu mua sắm và chế tạo tại Việt Nam, giám sát lắp đặt thiết bị nói trên.  
Nhà thầu chịu trách nhiệm giám sát quyền tác giả và thực hiện việc điều chỉnh thiết kế, lắp đặt thiết bị điện, điều khiển khi cần thiết, để đảm bảo tính phù hợp giữa phần điện và phần cơ, và đảm bảo việc vận hành trơn tru của dây chuyền sản xuất mà không bị trục trặc bởi lý do về điện, điều khiển.  
Sau khi kết thúc giai đoạn lắp đặt thiết bị, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hồ sơ thiết kế hoàn công của tất cả các hạng mục do Nhà thầu chịu trách nhiệm thiết kế.  
Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu hồ sơ kỹ thuật hướng dẫn lắp đặt, hiệu chỉnh, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị điện, tự động hoá.

## **E. Hệ thống cấp và xử lý nước.**

### **E.1. Cấp nước.**

- Sơ đồ và lưu lượng dòng chảy của hệ thống cấp nước.
- Bản vẽ mặt bằng hệ thống cấp nước thể hiện bằng các đường ống nước giữa các nhà xưởng (với các kích thước chính).
- Bản vẽ bố trí trạm bơm nước, trạm xử lý nước sạch.
- Tài liệu kỹ thuật và bản vẽ lắp đặt thiết bị cung cấp nước, lắp đặt đường ống toàn hệ thống.
- Liệt kê thiết bị, vật liệu cấp nước.
- Yêu cầu kỹ thuật của từng điểm tiêu thụ nước bao gồm:
  - ✓ Lượng nước yêu cầu, chất lượng nước.
  - ✓ Áp suất tại điểm tiêu thụ.
  - ✓ Cao độ điểm tiêu thụ nước.

- ✓ Nhiệt độ nước đầu vào và đầu ra ở mỗi một xưởng sản xuất.
- Chi tiết các giá đỡ ống.

### **E.2. Hệ thống thoát nước**

- Sơ đồ kết nối với hệ thống nước thải của dây chuyền sàng rửa cát.
- Bản vẽ vị trí các điểm xả nước của các nhà xưởng với các kích thước chính.

### **F. Hệ thống cấp nhiên liệu, cấp khí nén.**

- Sơ đồ và lưu lượng của hệ thống cung cấp khí nén, từ trạm cấp đến các điểm tiêu thụ trong dây chuyền sản xuất.
- Liệt kê và mô tả các thiết bị của hệ thống cấp nhiên liệu (cho sấy) và khí nén.
- Mặt bằng bố trí đường ống, mặt cắt.
- Tài liệu kỹ thuật và bản vẽ lắp đặt đường ống.
- Tài liệu kỹ thuật và bản vẽ lắp đặt thiết bị của hệ thống cấp nhiên liệu (cho sấy) và khí nén.

### **G. Tài liệu kỹ thuật lắp đặt.**

- Tài liệu bản vẽ:
  - ✓ Các bản vẽ bố trí máy móc và bản vẽ bố trí phụ nếu có.
  - ✓ Các bản vẽ chi tiết lắp ráp.
  - ✓ Sơ đồ các chi tiết thích hợp của thiết bị (liệt kê các chi tiết lắp ráp, kể cả các chi tiết chế tạo tại Việt Nam).
- Sổ tay lắp đặt thiết bị bao gồm:
  - ✓ Kích thước chế tạo tính đến cả việc điều chỉnh tại điểm lắp đặt.
  - ✓ Các hướng dẫn lắp đặt thiết bị hoàn chỉnh.
  - ✓ Liệt kê các lần vận hành kiểm tra nếu có và tiến hành vận hành kiểm tra.
- Liệt kê toàn bộ phụ tùng cũng như các thiết bị cần thiết cho việc lắp ráp.

#### **2.2.2.2 Yêu cầu chung với các thiết bị cơ khí**

##### **2.2.2.2.1 Yêu cầu cơ khí đối với các chi tiết máy chính**

#### **Vòng bi**

Tất cả các vòng bi ở thiết bị trong toàn bộ dây chuyền làm việc 2 hoặc 3 ca một ngày, được định cỡ với tuổi thọ cao.

Các ổ bi theo tiêu chuẩn ISO, DIN, JIS hoặc tương đương.

Các ổ bi phải được bôi trơn. Các vòng bi có kiểu bôi trơn một lần và kín bụi không được dùng trừ ổ bi cho con lăn băng tải.

Các gối đỡ ổ bi phải chắc chắn. Các ổ bi phải có vú mỡ bôi trơn để cho phép việc bôi trơn bằng tay.

### **Bu lông, vít, đai ốc**

Không được dùng khí để cắt, thổi các lỗ bu lông trên các chi tiết máy, khung, giá.

Các lỗ bị lệch phải được điền đầy và khoan lại.

Những bu lông và vít cây có mục đích đặc biệt phải được chế tạo từ thép đặc chủng và có dấu hiệu riêng để nhận dạng.

Các đai ốc hoặc các chi tiết dịch chuyển, rung động phải có kết cấu tự hãm hoặc được bảo vệ bằng thiết bị hãm.

### **Tấm lót**

Tất cả các thiết bị có bộ phận chịu mòn do cơ học như máy phân ly, máy đóng bao, gàu tải, vít tải... phải được làm từ các vật liệu có độ chịu mòn cao và/hoặc được cung cấp đồng bộ với tấm lót chống mài mòn.

### **Các khớp nối**

Độ đồng trục, đồng tâm của những bộ phận quay của các máy phải được kiểm tra tại khớp nối trục. Sai số về độ đồng tâm và sai số lệch góc không được vượt dung sai do nhà chế tạo qui định. Trong trường hợp dẫn động băng tải các khớp nối sẽ được kiểm tra để căn chỉnh lại sau khi căng băng.

### **Các cửa thanh**

Các cửa thanh phải ăn khớp tại mọi điểm của kết cấu, si lô và ở những nơi cần cách ly nguyên liệu trước khi thực hiện công việc bảo dưỡng các thiết bị lắp đặt bên dưới chúng.

Tại những nơi cần thiết, phải có cầu thang, lối vào và sàn thao tác.

### **Then và rãnh then**

Trừ một số điểm khác được ghi vào phần ghi chú kỹ thuật, toàn bộ then và rãnh then phải theo hệ mét, phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia hoặc tương đương.

### **Ghi nhãn**

Mỗi thiết bị phải có nhãn hiệu, bảng chỉ dẫn vận hành hoặc ký hiệu để nhận biết. Yêu cầu về việc gắn nhãn:

- Nhãn chế tạo với các thông số kỹ thuật chung.
- Các biển có kích thước hợp lý khắc số máy theo yêu cầu công nghệ lần cuối.
- Toàn bộ các thiết bị quay phải gắn mũi tên nổi chỉ chiều quay.
- Kích thước và vị trí gắn nhãn phải làm sao cho người vận hành hoặc đội bảo dưỡng có thể đọc dễ dàng trong điều kiện chiếu sáng nhân tạo trung bình.

### **Bôi trơn**

Tất cả các hộp giảm tốc và các thiết bị có chứa dầu bôi trơn, trước khi đổ dầu bôi trơn phải được làm sạch và tẩy rửa bằng dung dịch thích hợp. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các dung môi, chất tẩy rửa và làm sạch đó.

Sau khi đã làm sạch tất cả các hộp, ngăn chứa dầu bôi trơn, Nhà thầu đổ đủ các chất bôi trơn theo chỉ dẫn của nhà chế tạo và gắn thẻ lên thiết bị đánh dấu công việc này đã hoàn thành.

Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ chất bôi trơn yêu cầu cho lần đổ đầu tiên, trong quá trình chạy thử cho tới khi bàn giao.

Các điểm bôi trơn mỡ nếu có thể nên tập trung thành nhóm. Tuy nhiên đối với những điểm bôi trơn không với tới được phải lưu ý bố trí các đường dẫn mỡ từ những nơi dễ dàng bơm mỡ hơn đến các điểm đó.

Nhà thầu phải đệ trình các bản liệt kê chi tiết và đầy đủ các loại dầu mỡ bôi trơn cho thiết bị do Nhà thầu cung cấp, và các chất bôi trơn thông dụng được tiêu chuẩn hoá tối đa để có thể sử dụng loại tương đương hiện có trên thị trường Việt Nam.

Các cửa thăm, kiểm tra mức dầu phải dễ quan sát, có vạch mức chuẩn lượng dầu mà thiết bị yêu cầu. Phải có đủ dụng cụ kiểm tra, đo lường, bổ sung dầu cho các thiết bị.

### **Công việc lắp ráp tại xưởng**

Tất cả các bộ truyền động, bộ phận đầu hay đuôi các thiết bị vận chuyển có gắn với bộ truyền động phải được lắp ráp sẵn trong chùng mực có thể tại nơi chế tạo. Các bộ phận khác lắp ráp tại nơi chế tạo thành từng cụm vững chắc và có kích thước cho phép tối đa đối với vận chuyển và bốc xếp.

Tất cả các cấu kiện phụ tùng lắp ráp phải được nhận biết dễ dàng. Các điểm nối của các phụ kiện khi lắp ráp phải được lắp thử tại nơi chế tạo và được đánh dấu để dễ dàng lắp ráp lại.

Toàn bộ các tổ hợp lắp ráp tại nơi chế tạo phải được đóng gói và bảo quản tốt trong quá trình vận chuyển tới nơi giao nhận, đặc biệt là các bề mặt máy móc dễ bị hư hại. Tất cả các bộ phận lỏng lẻo phải được đóng hòm, thùng hoặc bao gói thích hợp.

Các vòng bi phải vừa khít, bôi mỡ và bao kín lại tại nơi chế tạo trước khi xuất và không được mở nếu không có sự giám sát của Bên mời thầu tại hiện trường.

### **Hàn và cắt.**

Toàn bộ các mối hàn phải được giám sát kiểm tra theo quy trình kiểm tra kỹ thuật hàn của Nhà chế tạo. Trong quá trình chế tạo Nhà thầu hàn chế các mối hàn và cắt.

### **Đảm bảo an toàn.**

- Tất cả các thiết bị phải có đủ rào chắn tại các lối vào các bộ phận chuyển động có thể gây nguy hiểm.
- Các lối vào để kiểm tra hoặc bôi trơn phải được thiết kế đảm bảo an toàn.
- Dùng lưới bảo vệ tại những nơi cần quan sát bằng mắt như: Bộ phận dẫn động, các pully đầu và cuối băng tải.
- Mọi thiết bị an toàn phải được thiết kế với kết cấu vững chắc và dễ dàng tháo lắp cho công tác bảo dưỡng.

- Có thể lại gắn máy móc thiết bị để kiểm tra thường xuyên, làm vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa. Chiều cao và chiều rộng tối thiểu đối với hành lang là 2,0 x 0,8m. Khoảng không gian xung quanh các máy tới vật cản cố định gần nhất không được dưới 1,0m.
- Toàn bộ các thiết bị an toàn cho người và máy móc được quy định ở trong tài liệu này đều phải được tôn trọng.

### **Sơn.**

Các thiết bị trước khi đóng gói phải được sơn phủ tối thiểu hai lớp, gồm:

- Lớp sơn chống rỉ.
- Lớp sơn hoàn thiện.

Tất cả các thiết bị phải được xử lý bề mặt (làm sạch các vết dầu mỡ, tạp chất bằng giấy nhám, bàn chải sắt, thổi cát, rửa dung môi...) trước khi tiến hành sơn.

Màu lớp sơn trang trí do Bên mời thầu quyết định và gửi mẫu màu sơn cho Nhà thầu trúng thầu.

Nhà thầu phải nêu cụ thể loại sơn sử dụng cho từng hạng mục trong HSDT.

### **2.2.2.2.2 Yêu cầu cho thiết kế và chế tạo thiết bị**

#### **Các thiết bị vận chuyển**

##### **Vít tải**

Tất cả các vít tải phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Chế độ làm việc: Các vít tải được thiết kế để vận hành liên tục 3 ca (24 giờ trong ngày).
- Phải có biện pháp tránh gây nhiễm từ, kim loại cho sản phẩm.
- Vít tải được thiết kế theo tiêu chuẩn nhà chế tạo.
- Kết cấu các đoạn vỏ vít và nắp vít khi lắp ghép phải đảm bảo kín. Toàn bộ các đường hàn phải liên tục.
- Các mặt bích đầu cuối được hàn vuông góc với đường tâm trục vít sao cho khi lắp vít tải, đường kính trục chính không bị lệch quá sai số cho phép.
- Thiết bị bao gồm cả chân đỡ, ở bất kỳ nơi nào cần giá đỡ trung gian, các giá đỡ này phải có dạng vòng kẹp, có bề rộng đủ chịu tải và không làm méo vỏ.
- Tại các vị trí nạp liệu và giữa các mặt bích cuối có các cửa kiểm tra. Các cửa này phải lắp ráp bằng bản lề hoặc bu lông và có thể đóng mở nhanh.
- Giữa máng và nắp ở điểm cấp liệu và giữa các đoạn bích nối với nhau có vòng làm kín bụi.
- Tại các vít tải làm việc ngoài trời phải có các đệm chống thấm nước.
- Ổ đỡ mút và ổ đỡ chặn:

- ✓ Các ổ đỡ mút và chặn được lắp ở phía ngoài của tấm vách cuối cùng vỏ hộp vít tải, thông thường các ổ đỡ chặn ở phía dẫn động.
- ✓ Các ổ bi là loại bi cầu hoặc bi đĩa, có gioăng làm kín chắn bụi.
- ✓ Các vòng chắn bụi sẽ được lắp nơi trục vít xuyên qua các tấm vách cuối.
- Các gói đỡ trung gian.
  - ✓ Các gói đỡ trung gian là loại ổ ghép, nửa đáy được bắt bằng bu lông chữ U.
  - ✓ Các gói đỡ và các chi tiết của nó phải được thiết kế phù hợp với sự giãn nở của trục vít.
- Bôi trơn
  - ✓ Phải có các thiết bị bôi trơn tự động.
  - ✓ Kết cấu phải cho phép việc bôi trơn bằng mỡ qua vú mỡ hoặc vòng lông hỏ. Trong những nơi có áp suất cao, dùng các vòng đệm cơ khí bằng gốm.
- Thiết bị an toàn và phụ kiện: Phải có các nắp che an toàn cho các chi tiết chuyển động, cùng hệ thống bôi trơn cho ổ bi và các thiết bị bảo vệ như đã mô tả.
- Các thiết bị kiểm tra: Kiểm tra tốc độ.

### Gầu nâng

Các gầu nâng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các gầu nâng phải được thiết kế để vận hành liên tục 3 ca (24 giờ trong ngày.), cho vật liệu vận chuyển có tính mài mòn và nhiệt độ cao.
- Kết cấu các loại gầu, hình dạng dung tích gầu phù hợp với năng suất và vật liệu cần nâng chuyển như: Cát thô và Cát sau nghiền.
- Phải có biện pháp tránh gây nhiễm từ, kim loại cho nguyên liệu và sản phẩm.
- Kết cấu các bộ phận chi tiết gầu nâng được thiết kế và chế tạo theo các tiêu chuẩn nhà chế tạo. Các thông số kỹ thuật của gầu, tốc độ gầu nâng được lựa chọn theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành và đảm bảo công suất và độ bền vận hành
- Kết cấu vỏ gầu phải vững chắc. Chất lượng thép vỏ gầu phải đồng nhất để tránh sự vênh lúc lắp ghép. Có mặt bích để nối với thiết bị hút bụi ở vị trí hợp lý. Phải có sàn thao tác tại cum truyền động để phục vụ kiểm tra và bảo dưỡng thiết bị. Ở các đoạn vỏ gầu phải có các cửa kiểm tra và sửa chữa.
- Có kết cấu chống quay ngược.
- Các gầu có chiều cao lớn cần phải có động cơ phụ.
- Các thiết bị kiểm tra:
  - ✓ Kiểm tra tốc độ.
  - ✓ Kiểm tra mức liệu đồ.
  - ✓ Kiểm tra độ lệch.



Băng tải và cấp liệu băng: Các băng tải và cấp liệu băng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các băng tải và cấp liệu băng phải được thiết kế để vận hành liên tục 3 ca (24 giờ trong ngày) cho vật liệu vận chuyển có tính mài mòn và nhiệt độ cao.
- Băng tải liệu sau lò sấy phải được che kín và đảm bảo chịu được nhiệt độ để hoạt động lâu dài. Nhiệt độ mặt ngoài của vỏ bao che không được vượt quá 45°C.
- Tại vị trí chuyển tiếp vật liệu (vật liệu từ băng tải trút sang gàu tải hoặc trút vào máy nghiền) phải có thiết bị ngăn vật liệu rơi ra ngoài và sử dụng các vật liệu chống mài mòn phù hợp.
- Các băng tải nghiêng (hoặc các đoạn nghiêng của băng tải) phải đảm bảo bao kiện không bị trượt và không thay đổi vị trí so với bề mặt của bộ phận kéo.
- Các bộ phận chuyển động của băng tải (cơ cấu dẫn động, tang dẫn động và tang chuyển hướng con lăn đỡ đai, đai truyền và các khớp nối...) mà công nhân có thể va chạm phải được che chắn bảo vệ.
- Ở các đoạn băng tải có thiết bị cấp và dỡ vật tải di động phải lắp công tắc cuối và cũ chặn không chế hành trình của thiết bị đó.
- Kết cấu các bộ phận chi tiết băng tải và cấp liệu băng được thiết kế và chế tạo theo các tiêu chuẩn nhà chế tạo. Các thông số kỹ thuật của gàu, tốc độ băng tải và cấp liệu băng được lựa chọn theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành và đảm bảo công suất và độ bền vận hành.
- Trên các đoạn băng tải ở ngoài vùng quan sát của công nhân điều khiển băng tải phải lắp hệ thống tín hiệu âm thanh hoặc ánh sáng hai chiều để báo hiệu trước khi mở máy.
- Phải sơn màu sắc an toàn lên các chi tiết của băng tải và ghi ký hiệu an toàn theo quy định hiện hành.

#### Đường ống vận chuyển

Tất cả các đường ống vận chuyển cát mịn sau nghiền phải được lót các tấm lót chuyên dụng, làm từ các vật liệu có độ chịu mòn cao.

#### **Thiết bị thu bụi**

Nhà thầu cung cấp hệ thống thiết bị lọc, tách bụi đáp ứng công suất tối đa của dây chuyền sản xuất và phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nồng độ bụi trong môi trường: Đảm bảo chất lượng không khí tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT “Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh”.
- Nồng độ bụi trong khí thải không được vượt quá 30mg/Nm<sup>3</sup>.
- Kết cấu: Phải làm kín tất cả các mối ghép để tránh rò bụi và khí ra ngoài, có thể gây ăn mòn bên trong và làm biến dạng các mối nối. Trang bị khung đỡ, sàn thao tác và cầu thang có lan can nếu cần thiết.

- Túi lọc hoặc màng lọc: Phải bảo đảm chất lượng và có tuổi thọ cao trong hoạt động phù hợp với từng vị trí làm việc của lọc bụi. Đảm bảo vận hành tin cậy trong điều kiện độ ẩm cao ở Việt Nam.
- Thu bụi: Các thiết bị xả bụi được lắp với các van kín khí bằng mặt bích. Thao tác thuận lợi.
- Đường ống dẫn: Toàn bộ hệ thống đường ống dẫn thu bụi được thiết kế để giảm trở lực đến tối thiểu và tránh việc đọng bụi làm tắc đường ống.

### **Quạt**

- Hiệu suất của quạt phải bằng hoặc lớn hơn 80%.
- Tất cả các quạt phải có tốc độ nhỏ hơn 1.500 vòng/phút, trừ loại quạt yêu cầu áp lực đặc biệt cao.
- Tất cả các quạt kể trên phải lắp đặt trong nhà và có thiết bị giảm chấn thích hợp để chống rung.
- Các quạt và động cơ dẫn động sẽ được thiết kế sao cho chúng được đỡ trên cùng một đế có kết cấu hàn, đảm bảo lắp đặt chính xác. Các quạt này được dẫn động bằng động cơ qua trục công tác.
- Hộp vỏ quạt có kết cấu hàn và đảm bảo tháo lắp cánh quạt dễ dàng khi bảo dưỡng và sửa chữa.
- Cánh quạt và trục quạt phải được cân bằng tĩnh và động chính xác và được làm bằng thép có độ bền chống mài mòn cao.
- Ô đỡ quạt có tuổi thọ danh nghĩa không dưới 100.000 giờ, trừ khi có các quy định khác.
- Với các quạt có áp lực và lưu lượng lớn phải có thiết bị giảm tiếng ồn tại miệng hút hoặc xả và thiết bị giám sát rung động.

### **Hộp giảm tốc**

- Hộp giảm tốc phải đủ bền và cứng để chịu đựng tải trọng vận hành và va đập cũng như phải đủ bền, đảm bảo 100.000 giờ vận hành không sự cố. Việc tính toán sức bền của bánh răng theo AGMA và có hệ số phục vụ là 2,5 hoặc cao hơn. Phải có hệ thống bôi trơn thích hợp, đặc biệt lưu ý các hộp giảm tốc lớn.
- Vỏ hộp giảm tốc phải được thiết kế đủ bền và cứng vững để chịu đựng tải do các bộ phận làm việc chuyển động gây ra.

### **Máy nghiền bi**

- Vỏ máy nghiền: Vỏ máy nghiền làm bằng thép chất lượng cao, được chế tạo với độ chính xác cao, không bị biến dạng, sai lệch. Đảm bảo tuổi thọ hoạt động lâu dài.

- Dẫn động: Hệ thống dẫn và truyền động động bộ, kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm; đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định, hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu về tuổi thọ, độ ồn, độ rung lắc theo yêu cầu của HSMT.
- Tấm lót: Làm bằng Ceramic (hoặc tương đương). Để tránh sản phẩm nghiền bị nhiễm từ, mỗi tấm lót được gắn vào vỏ máy nghiền bằng phương pháp chuyên dụng (sử dụng keo hoặc gài vào vỏ máy. Các tấm lót và vách ngăn được cung cấp thích hợp với vật liệu nghiền cứng, chịu mài mòn có độ va đập cao.
- Bi nghiền: Toàn bộ bi nghiền được nhà sản xuất cung cấp. Chúng loại, trọng lượng và phân loại đều có ghi rõ. Lượng bi đạn bổ sung khoảng 10% cho mỗi loại cũng được cung cấp cùng. Thành phần vật liệu chế tạo bi đạn do nhà thầu quyết định.
- Phải đưa ra tên vật liệu, độ cứng cho bi nghiền.
- Nghiền bi có hệ thống khe xả trên thân máy nghiền đảm bảo khả năng điều chỉnh thời gian vật liệu lưu lại trong máy nghiền. Hệ thống lỗ xả sản phẩm khỏi nghiền bi có thể điều chỉnh được nhờ thiết bị ngoại vi giúp cho việc điều phối cỡ hạt sản phẩm sẽ tốt hơn và tối thiểu hóa lượng hạt hồi lại máy nghiền giảm tiêu hao năng lượng.
- Hệ thống máy nghiền bi được trang bị các thiết bị kiểm soát, định lượng mức độ nạp liệu nhằm đảm bảo hiệu suất máy nghiền tối ưu.

### **Thiết bị phân ly**

- Đảm bảo năng suất phân ly tối thiểu 7 t/h khi phân ly cỡ hạt 45  $\mu\text{m}$  với tỷ lệ  $\geq 90\%$ .
- Kiểu phân ly là phân ly hiệu suất cao, có thể phân ly được các cỡ hạt khác nhau từ 45  $\mu\text{m}$  đến 125  $\mu\text{m}$ . Chủ đầu tư đánh giá cao nếu thiết bị phân ly có thể phân ly đến cỡ hạt 20  $\mu\text{m}$ , 10  $\mu\text{m}$ .
- Phải có sàn thao tác phục vụ cho công tác kiểm tra, bảo dưỡng.
- Phải có biện pháp thích hợp chống mài mòn cho phần vỏ, roto... và phải đặc biệt quan tâm đến các chi tiết quay.

### **Hệ thống sấy cát**

- Hệ thống sấy kiểu thùng quay (tang trống), đảm bảo sấy cát nguyên liệu xuống độ ẩm thích hợp cấp liệu cho hệ thống nghiền mịn theo yêu cầu công nghệ nhà thầu đề xuất.
- Năng suất tối thiểu 10 tấn/h.
- Vật liệu đốt dự kiến là củi trấu và có thể dễ dàng chuyển sang các loại vật liệu đốt tương tự như củi, than đá,... Đảm bảo định mức tiêu hao thấp.

### **Máy đóng bao**

- Máy đóng bao phải kết hợp với cân điện tử tự động có độ chính xác cao. Chiều cao của các tấm đỡ bao có thể điều chỉnh được dễ dàng để thích ứng với các chiều dài bao khác nhau. Máy có khả năng đóng được các loại bao 25kg, 50kg với tổng năng suất các máy tối thiểu 10 t/h.

- Hệ thống khử bụi trung tâm được thiết kế thích hợp để giữ vệ sinh khu vực máy đóng bao.
- Bộ phận dẫn động (nếu có) có thể thay đổi được tốc độ để có thể đặt các tốc độ khác nhau cho máy đóng bao.

### **Van quay**

Các van quay phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cánh rô to và vỏ
  - ✓ Cánh rô to và vỏ được chế tạo bằng vật liệu chịu mài mòn cao.
  - ✓ Có thể điều chỉnh được đỉnh cánh rô to.
  - ✓ Khoảng cách giữa đỉnh cánh rô to và mặt trong của vỏ phải thiết kế hợp lý, tránh vật liệu văng xa qua.
- Thiết bị an toàn và phụ kiện.

Phải có các nắp che an toàn cho các chi tiết chuyển động, cùng hệ thống bôi trơn cho ổ bi và các thiết bị bảo vệ như đã được mô tả.

### **Các phương tiện nâng (nếu có)**

Các phương tiện nâng như cầu trục, pa lăng điện, tời điện hoặc các móc được nhà thầu đề xuất cung cấp tại những nơi cần thiết cho công tác lắp máy, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị.

#### **2.2.2.2.3 Yêu cầu với bảng danh sách thiết bị.**

- Nhà thầu phải liệt kê thiết bị với đầy đủ các thông số kỹ thuật theo mẫu của HSMT.
- Các thông số kỹ thuật cần thiết cho từng thiết bị chưa có trong bảng danh mục thiết bị (xem Phụ lục 1) yêu cầu nhà thầu bổ sung đầy đủ. Các thông số kỹ thuật nêu trong bảng liệt kê là các thông số cơ sở để nhà thầu tính toán, đề xuất cho phù hợp.

#### **2.2.2.3 Yêu cầu cho thiết bị điện và điều khiển**

##### **2.2.2.3.1 Yêu cầu chung:**

Phần này mô tả các yêu cầu cơ bản về kỹ thuật và các thông tin liên quan tới các công việc của phần điện và điều khiển; Đây là phần bắt buộc nhà thầu phải thực hiện.

Những yêu cầu khác của tài liệu Hồ sơ mời thầu có liên quan cũng sẽ được áp dụng cho phần điện và điều khiển.

##### **1. Các điều kiện cơ sở:**

###### ***a. Nguồn cung cấp điện:***

Cấp điện cho nhà máy là đường dây trên không 22kV từ trạm biến áp trung gian 110/22kV-25 MVA, cách nhà máy 2,2km. Phạm vi cung cấp của Nhà thầu tính từ đầu ra phía hạ thế của máy biến áp chính.

*b. Các thông số về điện:*

<b>Điện áp nguồn cung cấp:</b>	22kV $\pm$ 10%, 3 pha
Tần số:	50Hz $\pm$ 2%
Điện áp phân phối hạ thế:	380/220V, 50Hz
Điện áp tại đầu cực động cơ hạ thế:	380/220V, 50Hz
Điện áp sử dụng cho các ổ lấy điện:	380V 3 pha, 4 dây + PE và 220V, 1 pha, 2 dây+PE.
Điện áp công tắc tơ, rơ le phụ:	380/220V, 50Hz
Điện áp điều khiển PLC:	24V DC
Điện áp cung cấp cho đo lường:	220V AC và 24V DC
Điện áp mạch tín hiệu:	24V DC
Tín hiệu analogue:	4 - 20mA
Điện trở nối đất của hệ thống nối đất:	0.5 $\Omega$

*c. Điều kiện khí hậu:*

Nhiệt độ môi trường bên ngoài:	
Maximum:	+ 45°C
Minimum:	0°C
Độ ẩm tương đối lớn nhất:	100%

2. Tiêu chuẩn áp dụng:

Tất cả các công việc liên quan đến thiết bị điện, điều khiển phải tuân theo các tiêu chuẩn:

- Các Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) và quy định của điện lực Việt Nam;
- Những quy định mới nhất của Hội đồng kỹ thuật điện quốc tế (IEC).

**Những quy định riêng của tài liệu mời thầu này.**

- Các thiết bị điện và điều khiển phải được nhiệt đới hoá phù hợp với những tiêu chuẩn và điều kiện khí hậu của Việt Nam, phù hợp với điều kiện lắp đặt.

Các tiêu chuẩn áp dụng cho thiết bị điện, tự động hoá sẽ được Nhà thầu chỉ ra trong Hồ sơ dự thầu. Nếu Bên mời thầu yêu cầu, Nhà thầu phải đệ trình đầy đủ các tài liệu tiêu chuẩn áp dụng cho việc thiết kế, chế tạo thiết bị điện, tự động hoá.

3. Cấp bảo vệ:

Các thiết bị được cung cấp sẽ tuân theo những quy định về cấp bảo vệ, cụ thể:

Tủ điều khiển động cơ (MCC):	IP41
Động cơ hạ thế:	
sử dụng trong nhà:	IP54
sử dụng ngoài trời:	IP55
Động cơ máy nghiền:	<b>IPW5</b>
	<b>5</b>
Biến trở khởi động:	IP43
Hộp điều khiển tại chỗ:	IP55
Bộ biến đổi tín hiệu lắp tại khu vực sản xuất:	IP55

**4. Yêu cầu về tiêu chuẩn hoá:**

Để giảm thiểu chủng loại phụ tùng thay thế, các thiết bị điện, đo lường, điều khiển phải được tiêu chuẩn hoá hợp lý, như các thiết bị sau:

- Máy cắt hạ thế.
- Động cơ và các bộ khởi động.
- Cáp điện bao gồm mã màu.
- Các thiết bị đo, thiết bị điều khiển, các bộ cảm biến, đèn tín hiệu, hộp nút bấm...

**5. Kiểm định thiết bị:***a. Kiểm định trước khi xuất xưởng:*

Tất cả các thiết bị điện, điều khiển quan trọng như các động cơ điện, tủ phân phối, trung tâm điều khiển động cơ, bảng điều khiển phụ, đo lường... phải được kiểm tra trước khi giao hàng theo quy định IEC.

*b. Kiểm tra tại hiện trường:*

Khi mở kiện hàng tại hiện trường để giao hàng và trước khi lắp đặt thiết bị, Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra đối với từng thiết bị điện, điều khiển. Việc kiểm tra này nhằm mục đích xác định các thiết bị được cung cấp đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, đủ về số lượng.

Nhà thầu sẽ đệ trình lịch kiểm tra thiết bị và các báo cáo kiểm tra cho Bên mời thầu. Bên mời thầu sẽ cử các kỹ sư của mình tham gia quá trình kiểm tra thiết bị.

Bất kỳ một thiết bị nào có sai khác hoặc không phù hợp với các quy định và các đặc tính kỹ thuật trong hợp đồng sẽ được thay thế bằng thiết bị phù hợp với các quy định và chỉ tiêu kỹ thuật, mọi chi phí do Nhà thầu chịu.

*c. Liệt kê thiết bị điện và điều khiển:*

Danh mục thiết bị điện, điều khiển cho toàn nhà máy sẽ được lập thành bảng và phân theo chủng loại, theo mẫu bảng sau:

**Bảng liệt kê thiết bị điện, điều khiển**

TT	Mã hiệu	Tên thiết bị	Đặc tính	Nhà cung cấp	Đ.vị	Số lượng	Tr.lượng tổng	Tr.lượng tinh	Nước sản xuất

**2.2.2.3.2 Phạm vi cung cấp thiết bị điện và điều khiển của Nhà thầu:**

Phạm vi cung cấp thiết bị điện và điều khiển sẽ bao gồm việc chế tạo, cung cấp và vận chuyển thiết bị tới địa điểm giao hàng theo quy định của hợp đồng. Giám sát các công việc lắp đặt, hướng dẫn và thực hiện các công việc như hiệu chỉnh, chạy thử thiết bị, chuyển giao kỹ thuật cho việc vận hành bình thường của nhà máy theo hợp đồng cho đến tận khi các công việc này hoàn chỉnh và được sự chấp thuận của Bên mời thầu.

Phạm vi cung cấp của Nhà thầu được tóm tắt như sau:

1. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm thiết kế, cung cấp đầy đủ thiết bị điện, thiết bị tự động hoá và vật tư, phụ kiện lắp đặt cho dây chuyền sản xuất chính và cho các thiết bị phụ trợ.
  2. Cung cấp các bản vẽ, tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng thiết bị điện, điều khiển.
  3. Giám sát và hướng dẫn lắp đặt, hiệu chỉnh, chạy thử toàn bộ thiết bị điện, tự động hoá.
  4. Đào tạo nhân viên kỹ thuật của Bên mời thầu, chuyển giao và trợ giúp kỹ thuật trong năm đầu tiên khi nhà máy đi vào sản xuất, để đảm bảo rằng nhân viên kỹ thuật của Bên mời thầu có thể vận hành thành thạo hệ thống điện, điều khiển và xử lý được mọi tình huống hỏng hóc trong quá trình vận hành.
- Những yêu cầu khác của tài liệu Hồ sơ mời thầu có liên quan cũng sẽ được áp dụng cho phần điện và điều khiển. Catalog của các thiết bị điện, điều khiển quan trọng sẽ được Nhà thầu đệ trình cùng với tài liệu chào thầu.
5. Trạm điện:

Trạm biến áp không thuộc phạm vi cung cấp của nhà thầu nhưng nhà thầu phải chịu trách nhiệm tính toán dung lượng máy, chọn vị trí đặt trạm.
  6. Các chủng loại động cơ điện cho toàn bộ dây chuyền sản xuất và cho các công trình phụ trợ, bao gồm cả các bộ biến trở khởi động cho các động cơ rôto dây quấn, các bộ biến đổi tần số cho các động cơ có yêu cầu điều chỉnh tốc độ và các phụ kiện đi kèm động cơ.
  7. Tủ phân phối điện hạ thế (MDB) trọn bộ.
  8. Các tủ điều khiển động cơ (MCC) trọn bộ.
  9. Các tủ điều khiển quá trình (PLC), tủ I/O với số lượng Input/Output đủ cho yêu cầu sử dụng và thêm 20% lượng dự phòng.
  10. Tất cả các thiết bị cảm biến, đo lường, chỉ thị, báo động cho việc giám sát và vận hành dây chuyền sản xuất, các phụ kiện cho lắp đặt các thiết bị đo, các thiết bị an toàn cần thiết, các hộp điều khiển tại chỗ cho các thiết bị cơ của Nhà máy,...
  11. Toàn bộ cáp điều khiển, cáp tín hiệu đo lường, cáp đặc biệt, hộp nối cáp và các phụ kiện cần thiết cho việc đấu nối của các loại cáp trên.
  12. Các dụng cụ đặc biệt cần thiết cho lắp ráp, bảo dưỡng và chuyển giao kỹ thuật của thiết bị điện, đo lường, điều khiển.
  13. Điều hòa thông gió; Hệ thống nối đất, phòng sét.

14. Tủ bù hệ số công suất.
  15. Bộ nguồn UPS các loại.
  16. Cáp trung hạ thế và phụ kiện cho đấu nối.
  17. Vật tư lắp đặt cáp, dây dẫn điện (máng, thang, giá đỡ, ống hộp...)
  18. Hệ thống thông tin liên lạc (nếu có).
  19. Các dụng cụ an toàn cho người vận hành.
  20. Phụ tùng dự phòng thay thế của thiết bị điện và điều khiển cho 01 năm đầu vận hành.
  21. Cử các chuyên gia kỹ thuật có đủ năng lực cho việc thực hiện công tác giám sát, hướng dẫn lắp đặt, hiệu chỉnh chạy thử hệ thống điện, điều khiển, đưa dây chuyên vào vận hành tron tru và đạt các thông số kỹ thuật theo quy định của hợp đồng.
  22. Trợ giúp và chuyển giao kỹ thuật cho năm đầu tiên đưa nhà máy vào vận hành theo điều kiện chung của hợp đồng.
  23. Đào tạo nhân viên kỹ thuật của Bên mời thầu tại hiện trường trong thời gian lắp đặt và chạy thử cũng như trong thời gian trợ giúp kỹ thuật để nhân viên kỹ thuật của Bên mời thầu có thể vận hành thành thạo hệ thống điện, điều khiển và có thể khắc phục được các sự cố xảy ra trong quá trình vận hành.
  24. Tất cả các yêu cầu về kiểm tra thiết bị, đóng gói, dán nhãn, vận chuyển thiết bị đến nơi giao hàng theo quy định chung của Hồ sơ mời thầu.
  25. Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo hành toàn bộ thiết bị điện, điều khiển, các chương trình điều khiển vận hành và thiết kế thuộc phạm vi cung cấp của mình theo điều kiện chung của Hồ sơ mời thầu.
  26. Cung cấp toàn bộ các bản vẽ, tài liệu kỹ thuật, sổ tay hướng dẫn lắp đặt, bảo dưỡng của Nhà chế tạo. Cung cấp các bản vẽ hoàn công theo quy định chung của hợp đồng.
- Tất cả các thiết bị được cung cấp phải là thiết bị mới 100%, chưa qua sử dụng, được thiết kế chế tạo dựa trên công nghệ tiên tiến, tuân thủ Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) về kỹ thuật điện, an toàn điện, phù hợp với tiêu chuẩn IEC, và điều kiện khí hậu nhiệt đới của Việt Nam.
- Địa điểm giao hàng và các điều kiện khác theo quy định chung của hợp đồng.

### **2.2.2.3.3 Đặc tính kỹ thuật của thiết bị điện và thiết bị điều khiển:**

#### **A. Phần điện động lực:**

##### **A.1 Tủ phân phối điện hạ thế MDB:**



Tủ phân phối hạ thế là kiểu phân khoang, vỏ bọc kim loại, được thiết kế chỉ mở phía trước, tủ bao gồm:

- Khoang thanh dẫn chính với hệ thống thanh dẫn nằm ngang, 3 cực và hệ thống thanh dẫn thẳng đứng, 3 cực bằng đồng.
- Khoang thiết bị đóng cắt bao gồm các thiết bị đóng cắt kiểu ngăn kéo cho lộ tổng và các lộ phân phối. Các thiết bị điều khiển như dụng cụ đo, đèn chỉ thị, nút bấm điều khiển sẽ được lắp ở phía trước của các ngăn máy cắt.
- Khoang cáp điện chứa các bộ nối cho cáp điện ra và cáp điện vào, các phụ kiện.
- Máy cắt lộ tổng sẽ vận hành bằng động cơ trong trường hợp yêu cầu chuyển mạch tự động cho mục đích cấp dự phòng.
- Khung kim loại sẽ là các tấm thép mạ kẽm dày 2mm, cấp bảo vệ IP41.
- Tủ sẽ được trang bị các tấm chắn để ngăn cản tiếp xúc với phần mang điện của thanh dẫn thẳng đứng khi các ngăn máy cắt kéo ra. Tủ có trang bị công tắc có vị trí thử nghiệm, trang bị khoá cho mỗi ngăn máy cắt khi ở vị trí rút ra.
- Các đặc tính kỹ thuật:

Tiêu chuẩn:	IEC-364, IEC-439
Điện áp cách điện danh định:	1000V, 3 phases
Điện áp vận hành danh định:	500V, 3 phases
Tần số danh định:	50Hz
Điện áp phụ:	
Cho công tắc tơ:	380/220V AC
Cho I/O và các rơ le phụ:	24V DC
Dòng điện chịu đựng thời gian ngắn mạch:	50kA
Cấp bảo vệ:	IP41

#### A.2 Tủ điện điều khiển động cơ MCC:

- Trung tâm điều khiển động cơ có kết cấu kiểu module, cấp bảo vệ IP41, vỏ bằng thép tấm, chống bụi, và bố trí theo kiểu phân khoang, bao gồm khoang thanh dẫn khoang chứa các module điều khiển động cơ, khoang chứa cáp điện.
- Các module điều khiển động cơ được tiêu chuẩn hoá, có kích thước giống nhau và được sắp xếp cạnh nhau, được thiết kế cho phép chỉ mở phía trước.
- Mỗi bộ điều khiển động cơ sẽ là kiểu ngăn kéo cho dễ dàng thay thế hoặc sửa chữa.
- Các bộ điều khiển động cơ sẽ có các kiểu khác nhau, bao gồm:
  - ✓ Loại cho động cơ một chiều quay.
  - ✓ Loại cho động cơ đảo chiều.
- Các đặc tính kỹ thuật liên quan đến các MCC sẽ được chỉ ra trong hồ sơ dự thầu và được chào kèm catalog.

Các đặc tính của công tắc tơ như sau:

Tần số vận hành:	lớn hơn 1.200 lần/giờ
Độ bền điện:	lớn hơn 500.000 lần
Độ bền cơ:	lớn hơn 5.000.000 lần

Mỗi MCC sẽ có 10% các khoang trống dự phòng cho mỗi loại và 10% các bộ điều khiển động cơ dự phòng sẽ được cung cấp xem như phần phụ tùng dự phòng cho mỗi loại, và được giao theo chuyên hàng chính.

#### A.3 Bộ công suất phản kháng và bộ lọc:

- Hệ số công suất đo tại thanh cái 0,4kV của trạm điện sẽ là bằng hoặc lớn hơn 0,95 ( $\geq 0,95$ ).
- Các bộ tụ bù hạ thế sẽ được nối tại thanh cái hạ thế của trạm điện.
- Các bộ tụ bù hạ thế kiểu điều chỉnh tự động.
- Để giảm ảnh hưởng của thành phần sóng hài bậc cao, các bộ tụ bù sẽ được trang bị điện trở, điện kháng cho bộ lọc.
- Nhà thầu sẽ đệ trình tính toán dung lượng bù cần thiết, liệt kê số lượng.

#### A.4 Động cơ điện:

- Động cơ hạ thế rô to lồng sóc:

Tiêu chuẩn:	IEC
Điện áp vận hành:	380V
Tần số:	50Hz
Cấp cách điện:	F sử dụng B
Nhiệt độ môi trường:	max 45°C
Cấp bảo vệ:	IP54 cho sử dụng trong nhà IP55 cho sử dụng ngoài nhà
Phương pháp làm mát:	IC411
Kết cấu:	IM1001 (B3)
Phương pháp khởi động:	
Đối với động cơ công suất < 40kW	: Khởi động trực tiếp
Đối với động cơ công suất $\geq 40$ kW	: Khởi động sao / Tam giác

- Động cơ hạ thế thay đổi tốc độ

#### **Bộ biến đổi tần số (VVVF):**

Kiểu điều khiển:	điều khiển mô men trực tiếp
Điện áp cung cấp cho động cơ:	380V, (P<200kW)
Tiêu chuẩn:	IEC
Cấp bảo vệ:	IP22 (đối với bộ biến đổi làm mát bằng không khí)
Phương pháp làm mát:	Không khí
Chất lượng của khí làm mát:	Sạch, không bụi, nếu lấy từ ngoài vào phải được lọc.

#### A.5 Ổ cắm 3 pha và 1 pha:

- Loại 2 cực + cực tiếp đất, 220V, 16A.
- Loại 3 cực + cực tiếp đất, 380V, 16A.
- Hộp điều khiển tại chỗ và thiết bị báo trước khởi động.
- Các hộp điều khiển tại chỗ dùng để mục đích bảo dưỡng và dừng khẩn cấp các thiết bị.
- Các hộp điều khiển tại chỗ được lắp đặt gần thiết bị, loại ngoài trời, kín nước, cấp bảo vệ: IP55.
- Dụng cụ báo trước khởi động: Tại các công đoạn sản xuất có trang bị còi âm thanh và đèn nhấp nháy màu đỏ cho báo trước khởi động và sẽ được lắp đặt tại các vị trí thích hợp, cấp bảo vệ IP55.

#### A.6 Hệ thống cáp động lực và cáp điều khiển:

Các yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu như sau:

- Các đặc tính kỹ thuật của cáp phải phù hợp với tiêu chuẩn IEC.
- Tất cả các cáp điện sẽ có ruột bằng đồng.
- Tiết diện của cáp lực sẽ được tính toán phù hợp với tiêu chuẩn IEC.

##### **Cáp hạ thế:**

Điện áp danh định:	1kV
Điện áp phục vụ:	400V AC
Điện áp thử nghiệm 3 pha:	4kV
Ruột dẫn điện	Đồng
Vật liệu cách điện:	PVC
Vỏ ngoài	PVC

##### **Cáp điều khiển hạ thế nhiều ruột:**

Điện áp danh định:	600V, 1000V
Điện áp phục vụ:	220V AC, 24V DC hoặc 48V DC
Điện áp thử nghiệm 3 pha:	1kV
Ruột dẫn điện	Đồng
Số ruột:	3-4-5-7-14....
Vật liệu cách điện:	PVC
Vỏ ngoài:	PVC

##### **Cáp điều khiển hạ thế:**

Điện áp danh định:	110V DC
Điện áp phục vụ:	24V DC hoặc 48V DC
Điện áp thử nghiệm 3 pha:	1kV
Ruột dẫn điện	Đồng
Số cặp ruột:	1-2-3-5-7-10....
Vật liệu cách điện:	PVC
Màn chống nhiễu:	Băng nhôm

Vỏ ngoài:	PVC
<b>Cáp điều khiển ruột mềm:</b>	
Điện áp danh định:	750V
Điện áp phục vụ:	400V AC
Điện áp thử nghiệm 3 pha:	1kV
Ruột dẫn điện	Đồng
Vật liệu cách điện:	PVC
Vỏ ngoài:	PVC
<b>Cáp tín hiệu có màn chống nhiễu:</b>	
Ruột:	Đồng bện
Vật liệu cách điện:	PVC
Băng cách điện:	Polyester
Màn chống nhiễu:	Băng nhôm
Vỏ bảo vệ:	PVC
<b>Cáp bù:</b>	
Vật liệu cách điện:	PVC
Băng cách điện:	Polyester
Màn chống nhiễu:	Băng nhôm
Vỏ bảo vệ:	PVC
<b>Các quy định lắp đặt cáp điện:</b>	
- Cáp được lắp đặt trong mương cáp, máng cáp hoặc thang cáp. Cáp được lắp đặt riêng rẽ theo mức điện áp như sau:	
✓ Cáp lực trung thế ở mức thứ nhất.	
✓ Cáp hạ thế ở mức thứ hai.	
✓ Cáp điều khiển ở mức thứ ba.	
✓ Cáp có màn chống nhiễu ở mức bốn.	
✓ Cáp thông tin ở mức thứ năm.	
- Các loại cáp đặc biệt (cáp đo lường, điều khiển quá trình thông tin và cáp tín hiệu) sẽ được lắp đặt trên các máng cáp, thang cáp hoặc luồn ống riêng. Khoảng cách nhỏ nhất tới cáp động lực là 300mm sẽ được duy trì. Trong trường hợp không thể thực hiện được khoảng cách này, cáp sẽ được bảo vệ bằng ống kim loại.	
- Tất cả các tuyến cáp riêng rẽ trong nhà sản xuất, hoặc lắp trên các kết cấu sẽ được bảo vệ bằng ống kim loại, hoặc đặt trên máng cáp cỡ nhỏ. Các đầu ống sẽ được bảo vệ bít đầu.	
- Khi cáp không thể lắp đặt đi nổi, cáp sẽ được lắp đặt như sau:	
✓ Phía ngoài trời, luồn trong khối ống làm bằng ống PVC được đặt trong bê tông kèm các hố cáp, hoặc các mương cáp bằng bê tông.	
✓ Trong các xưởng, luồn ống thép, chôn trực tiếp trong bê tông.	
✓ Trong các khu vực sản xuất, trên máng cáp, trong mương cáp.	

- Máng cáp sẽ có kích thước đảm bảo khoảng dự phòng cho lắp đặt là 20%.

## **B. Phần đo lường và điều khiển:**

### ***Yêu cầu chung:***

- Các thiết bị đo lường, điều khiển xuất xứ từ các nước có công nghệ tiên tiến.
- Hệ thống điều khiển được thiết kế là hệ thống kiểu mở, dễ dàng cho thay thế, hoặc mở rộng khi cần thiết.
- Tủ điều khiển logic lập trình PLC:
  - ✓ Các PLC là loại mới nhất, chưa qua sử dụng.
  - ✓ Các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng cho các máy tính vận hành và các tủ điều khiển PLC được cung cấp đầy đủ đáp ứng yêu cầu vận hành toàn bộ hệ thống. Tủ có kết cấu kiểu kín hoàn toàn, chống bụi và nước, loại lắp trên tường hoặc đứng độc lập.

## **C. Hệ thống phát hiện và báo động cháy:**

Hệ thống phát hiện cháy sẽ bao gồm các bộ phận chính sau:

- ✓ Tủ trung tâm báo cháy kèm bộ cấp nguồn.
- ✓ Các thiết bị phát hiện cháy tự động (đầu báo cháy các loại)
- ✓ Các thiết bị phát hiện cháy kiểu không tự động (nút nhấn báo cháy khẩn)
- ✓ Các thiết bị báo cháy bằng âm thanh và ánh sáng.

Các thiết bị phát hiện cháy tự động và các nút nhấn báo động cháy sẽ được nối với tủ trung tâm báo cháy theo các vùng độc lập.

Bộ điều khiển sẽ được cấp nguồn dự phòng từ bộ nguồn cấp nguồn liên tục (UPS). Bộ nguồn được tích hợp với các bộ điều khiển sẽ được cấp từ hai nguồn riêng rẽ. Một nguồn là từ lưới điện, còn nguồn khác là từ bộ ắc quy có thể nạp lại. Bộ ắc quy sẽ được duy trì nhờ bộ nạp tự động.

Các nút nhấn báo động bằng tay sẽ được lắp đặt tại các lối ra, cửa thoát hiểm và phía ngoài các cửa ra vào ví dụ của phòng điện, vv...

## **D. Hệ thống tiếp đất và phòng sét:**

### **D.1 Hệ thống tiếp đất:**

Mạng tiếp đất sẽ được thực hiện bằng các vật dẫn bằng đồng, hoặc thép mạ đồng.

Tiết diện của các thanh nối đất sẽ được tính toán để tải được dòng ngắn mạch, và phù hợp với tiêu chuẩn IEC.

Tất cả các kết cấu bằng kim loại hoặc thiết bị có thể gây ra tai nạn do điện áp nguy hiểm sẽ được nối với mạng tiếp đất.

Hệ thống tiếp đất điện tử riêng biệt sẽ được cung cấp cho nối đất các thiết bị như PLC, máy tính, vỏ cáp đo lường, vv...

Điện trở nối đất của hệ thống sẽ phù hợp với quy định IEC .

**D.2 Hệ thống phòng sét:**

Hệ thống phòng sét đánh thẳng trực tiếp không thuộc phạm vi cung cấp của nhà thầu

Hệ thống bảo vệ chống sét lan truyền cho các thiết bị điện tử cũng sẽ được trang bị.

**E. Phụ tùng dự phòng thay thế:**

Để đảm bảo quá trình sản xuất liên tục, phụ tùng dự phòng thay thế của thiết bị điện, điện tử cho một (01) năm đầu vận hành sẽ được Nhà thầu cung cấp.

Nhà thầu sẽ chuẩn bị và đệ trình liệt kê chi tiết danh mục phụ tùng dự phòng thay thế cần thiết của thiết bị điện và điện tử.

#### **2.2.2.4 Yêu cầu công tác lắp đặt thiết bị.**

##### **2.2.2.4.1 Yêu cầu chung**

- Trong quá trình thi công lắp đặt, nhà thầu phải chịu sự giám sát của Chủ đầu tư. Mọi vấn đề liên quan đến chất lượng, tiến độ công trình đều phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.
- Lắp đặt thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo đúng thiết kế, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu đề ra.
- Quá trình lắp đặt phải tuyệt đối an toàn về người và thiết bị.
- Nhà thầu phải lập qui trình và biện pháp thi công cho từng máy móc, thiết bị, cụm thiết bị và công đoạn. Qui trình phải thể hiện được đầy đủ phương pháp lắp, phương pháp kiểm tra và hiệu chỉnh.
- Máy móc, thiết bị sau khi lắp đặt phải đảm bảo các thông số theo đúng yêu cầu trong hồ sơ kỹ thuật và các quy định của Nhà chế tạo.

##### **2.2.2.4.2 Yêu cầu đối với công tác quản lý chất lượng thi công lắp đặt**

###### **A. Yêu cầu đối với Nhà thầu chính:**

- Nhà thầu chính phải thực hiện việc giám sát chất lượng thi công lắp đặt đối với nhà thầu phụ.
- Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận và do các nhà thầu phụ thực hiện; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không bảo đảm chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi vi phạm khác gây ra thiệt hại.
- Kiểm tra các điều kiện thi công theo quy định.

- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu phụ, bao gồm:
  - ✓ Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu phụ đưa vào công trường;
  - ✓ Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu phụ;
  - ✓ Kiểm tra giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu an toàn phục vụ thi công lắp đặt;
  - ✓ Kiểm tra phòng thí nghiệm và các cơ sở sản xuất vật liệu, cấu kiện, sản phẩm chế tạo phục vụ thi công của nhà thầu phụ thi công lắp đặt thiết bị.
- Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công lắp đặt cung cấp theo yêu cầu của thiết kế, bao gồm:
  - ✓ Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm hợp chuẩn và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận đối với vật liệu, cấu kiện, thiết bị trước khi đưa vào lắp đặt;
  - ✓ Khi nghi ngờ các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu lắp đặt cung cấp thì Nhà thầu chính thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình.
- Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công lắp đặt, bao gồm:
  - ✓ Kiểm tra biện pháp thi công của nhà thầu phụ;
  - ✓ Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình nhà thầu thi công lắp đặt triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải ghi nhật ký giám sát của chủ đầu tư hoặc biên bản kiểm tra theo quy định;
  - ✓ Xác nhận bản vẽ hoàn công;
  - ✓ Tổ chức nghiệm thu công tác lắp đặt theo quy định của pháp luật;
  - ✓ Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu lắp đặt;
  - ✓ Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế để điều chỉnh hoặc yêu cầu nhà thầu phụ thiết kế điều chỉnh;
  - ✓ Tổ chức kiểm định lại chất lượng thiết bị, hạng mục thiết bị và toàn bộ hệ thống thiết bị công nghệ khi có nghi ngờ về chất lượng;
  - ✓ Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công lắp đặt.

## **B. Yêu cầu đối với Nhà thầu phụ:**

### **B.1 Nhà thầu thi công lắp đặt thiết bị**

Nhà thầu thi công phải có hệ thống quản lý chất lượng để thực hiện nội dung quản lý chất lượng thi công:

- Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô công trình xây dựng, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công lắp đặt trong việc quản lý chất lượng thi công lắp đặt;

- Thực hiện các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu thiết kế;
- Lập và kiểm tra thực hiện biện pháp thi công, tiến độ thi công;
- Lập và ghi nhật ký thi công lắp đặt theo quy định;
- Kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh môi trường bên trong và bên ngoài công trường;
- Nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công cho lắp đặt thiết bị/cụm thiết bị, hạng mục thiết bị và toàn bộ hệ thống thiết bị công nghệ;
- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công theo yêu cầu của chủ đầu tư;
- Chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng.

## **B.2 Nhà thầu thiết kế chế tạo, lắp đặt thiết bị công nghệ**

Nhà thầu thiết kế chế tạo thiết bị công nghệ cử người đủ năng lực để thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công lắp đặt. Nội dung Giám sát tác giả phải bao gồm:

- Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thi công lắp đặt, nhà thầu giám sát thi công lắp đặt;
- Phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công, điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công lắp đặt thiết bị và với yêu cầu của chủ đầu tư khi cần thiết;
- Phát hiện, thông báo kịp thời cho chủ đầu tư về việc thi công sai với thiết kế được duyệt và kiến nghị biện pháp xử lý.
- Tham gia nghiệm thu thi công lắp đặt thiết bị khi chủ đầu tư yêu cầu. Qua giám sát, nếu phát hiện quá trình thi công không đủ điều kiện nghiệm thu thì nhà thầu thiết kế phải có văn bản gửi chủ đầu tư nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.
- Ghi vào sổ nhật ký thi công lắp đặt thiết bị hoặc sổ nhật ký giám sát của chủ đầu tư hoặc thể hiện bằng văn bản các ý kiến của mình trong quá trình thực hiện giám sát tác giả thiết kế.

## **C. Yêu cầu đối với công tác tổ chức thi công lắp đặt**

- Chuẩn bị mặt bằng, không gian, xác lập hệ thống mốc định vị (cao toạ độ móng thiết bị) cơ bản phục vụ thi công lắp đặt;
- Nhà thầu cần tính toán nhu cầu và chuẩn hạ tầng phục vụ lắp đặt như: Đường vận chuyển thiết bị; kho bãi phục vụ cho lắp đặt thiết bị; Bãi tổ hợp chế tạo, kho bãi để vật tư thiết bị; điện thi công cho các vị trí lắp đặt; điện, nước, khí nén...
- Nhà thầu phải có phương án chống sét cho các công trình và thiết bị trong giai đoạn thi công lắp đặt.



- Nhà thầu cần chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp phục vụ cho công tác lắp đặt, kiểm tra và hiệu chỉnh thiết bị. Những máy được đưa vào hoạt động phải bảo đảm độ tin cậy về kỹ thuật và về an toàn lao động. Đối với những trang bị được quy định phải đăng kiểm, trước khi đưa vào sử dụng, phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng kiểm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Các tổ chức thi công lắp đặt phải đáp ứng yêu cầu về năng lực hoạt động xây dựng theo Luật xây dựng. Cán bộ công nhân kỹ thuật phải có chứng chỉ chuyên môn, trình độ tay nghề phù hợp với công việc và quy định của pháp luật Việt Nam.
- Các chuyên gia nước ngoài của nhà thầu tham gia lắp đặt tại công trình Nhà máy chế biến bột Silica (điều chỉnh) tại Cam Ranh, Khánh Hòa cần tuân thủ các quy định của Pháp luật về Lao động, luật Cư trú, luật xây dựng và Quy chế Quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

#### **D. Yêu cầu biện pháp thi công lắp đặt thiết bị**

Nhà thầu phải lập biện pháp lắp đặt cho tất cả các hạng mục công trình, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ. Biện pháp thi công của nhà thầu phải đệ trình Chủ đầu tư phê duyệt trước khi đưa vào thi công. Nội dung của biện pháp thi công phải bao gồm nhưng không hạn chế nội dung sau:

- Tài liệu, hồ sơ kỹ thuật thiết bị: Các tài liệu thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công phải được Chủ đầu tư phê duyệt trước khi đưa vào thi công;
- Sơ đồ vận chuyển, nâng, hạ thiết bị: Tuyến vận chuyển đảm bảo đáp ứng được tải trọng yêu cầu; vị trí cầu trục, tời nâng hạ điều chỉnh thiết bị;
- Trang thiết bị; dụng cụ có độ chính xác phù hợp với yêu cầu để phục vụ cho nâng hạ tổ hợp thiết bị/cụm thiết bị lắp đặt kiểm tra và hiệu chỉnh.
- Quy trình lắp đặt: Trình tự các bước, tiêu chuẩn áp dụng, phương pháp gá lắp, gia cố; phương pháp đạt độ chính xác lắp đặt...
- Biện pháp an toàn trong quá trình lắp đặt: trang bị an toàn; quy tắc an toàn; biển báo; tín hiệu cảnh báo và các biện pháp khác...
- Tổ chức thực hiện tiến độ thực hiện và yêu cầu kiểm tra.

Trước khi tiến hành lắp đặt, Nhà thầu cần tiến hành kiểm tra vị trí, độ chính xác của các phần đấu nối giữa các hạng mục thiết bị.

Việc lắp đặt cụm chi tiết/ thiết bị phải được thực hiện theo thiết kế và các bản vẽ chế tạo (nếu có), tuân theo các quy định đã ghi trong tài liệu hướng dẫn lắp đặt và vận hành, Hồ sơ kỹ thuật thiết bị. Nếu yêu cầu kỹ thuật nào trong thiết kế và hướng dẫn lắp đặt vận hành không có thì theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

#### **E. Yêu cầu đối với công tác tổ chức nghiệm thu lắp đặt thiết bị**

Trình tự và nội dung tiến hành công tác nghiệm thu chất lượng thi công lắp đặt tuân thủ theo quy định hiện hành.

Nhà thầu thi công lắp đặt phải tự tổ chức nghiệm thu lắp đặt thiết bị theo các giai đoạn bộ phận cấu kiện, thiết bị chế tạo, lắp đặt tĩnh, chạy thử không tải, chạy thử liên động và chạy thử có tải. Đối với những công việc thi công lắp đặt sau khi nghiệm thu được chuyển nhà thầu khác thực hiện tiếp thì phải được nhà thầu đó xác nhận, nghiệm thu.

Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu kịp thời sau khi có phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công. Các hạng mục công trình hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được chủ đầu tư nghiệm thu.

## **F. Yêu cầu về tài liệu và báo cáo trong quá trình lắp đặt:**

### ***F.1 Sổ tay lắp đặt***

Nhà thầu cần cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu và sổ tay lắp đặt cũng như quy trình khởi động và chạy thử với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng, các sổ tay và tài liệu này 1 bản được số hoá để nhân bản. Các tài liệu này bao gồm tất cả các bản vẽ, hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cần cho Chủ đầu tư nắm được công tác lắp đặt, khởi động và chạy thử thiết bị.

### ***F.2 Báo cáo***

Cuối mỗi tháng trong giai đoạn hợp đồng, nhà thầu phải chuẩn bị và nộp cho Chủ đầu tư 03 bản sao Báo cáo tiến độ hàng tháng. Báo cáo đầu tiên bao gồm giai đoạn đến hết tháng lịch đầu tiên sau khi hợp đồng có hiệu lực. Báo cáo cần được nộp hàng tháng sau đó, không muộn hơn ngày 15 của tháng sau.

Công tác báo cáo phải tiếp tục đến khi nhà thầu hoàn thành tất cả các công việc được coi là những tồn tại chính vào ngày quy định trong chứng chỉ chấp nhận tạm thời.

Các báo cáo hàng tháng phải bao gồm, không chỉ hạn chế ở sơ đồ, các mô tả chi tiết tiến độ bao gồm mỗi giai đoạn thiết kế, các tài liệu của nhà thầu, công tác sản xuất, giao hàng đến hiện trường, lắp đặt, chạy thử, và chạy thử bảo hành:

## **2.3. CÁC YÊU CẦU KHÁC**

### **2.4.1. Yêu cầu cung cấp**

#### **2.3.1.1. Yêu cầu cung cấp thiết bị**

Nhà thầu căn cứ vào quy mô công suất, chất lượng và cơ cấu sản phẩm, đề xuất thiết kế công nghệ, danh mục thiết bị (theo biểu mẫu tại Phụ lục I - Danh mục thiết bị công nghệ) đảm bảo đồng bộ và hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu của HSMT.

Nhà thầu phải nộp Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương và phải được nộp cùng Hồ sơ dự thầu.

Nhà thầu phải cam kết có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác.

#### **2.3.1.2. Yêu cầu cung cấp phụ tùng thay thế.**

Nhà thầu phải đề xuất danh mục phụ tùng thay thế dự phòng cho các thiết bị cơ khí, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - tự động hóa cho 1 năm sản xuất của nhà máy, trong đó Nhà thầu phải liệt kê đầy đủ các yêu cầu sau:

- Tên gọi, quy cách, đặc tính kỹ thuật của phụ tùng thay thế.
- Số lượng, khối lượng của mỗi loại phụ tùng thay thế.
- Giá của từng loại phụ tùng thay thế.
- Xuất xứ của phụ tùng thay thế.

#### **2.3.1.3. Yêu cầu cung cấp vật tư kỹ thuật**

- Dầu mỡ bôi trơn cho lần đổ đầu tiên của tất cả các thiết bị.
- Vật tư dùng cho việc thay thế, bổ sung trong quá trình lắp đặt và chạy thử.
- Sơn các loại để sơn hoàn thiện các chỗ bị chà sát, mối nối, mối hàn của các thiết bị do Nhà thầu cấp sau khi lắp đặt xong.

#### **2.3.1.4. Yêu cầu giám sát của Nhà thầu**

Để đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình với hệ thống thiết bị do Nhà thầu cung cấp, Nhà thầu cử chuyên gia của mình đến hiện trường Nhà máy chế biến bột silica để thực hiện giám sát, hướng dẫn lắp đặt, hiệu chỉnh, chạy thử, nghiệm thu và vận hành hệ thống thiết bị.

Bao gồm:

- Giám sát, hướng dẫn lắp đặt tất cả các thiết bị cho toàn bộ hệ thống do Nhà thầu cung cấp kể cả các thiết bị mua sắm và chế tạo tại Việt Nam.
- Hiệu chỉnh thiết bị, chạy thử không tải, chạy thử hệ thống thiết bị do Nhà thầu cung cấp cho đến khi có chứng chỉ nghiệm thu toàn bộ.

Cùng với việc giám sát nhà thầu sẽ thực hiện điều hành các công việc cần thiết cho việc cung cấp thiết bị và giám sát lắp đặt, hiệu chỉnh, chạy thử phù hợp kế hoạch điều hành công việc do nhà thầu ấn định và được Bên mời thầu chấp nhận. Nhà thầu sẽ bổ nhiệm một người đứng đầu gọi là Giám đốc dự án để phối hợp với Bên mời thầu điều hành các công việc tại hiện trường từ lúc bắt đầu đến khi có chứng chỉ nghiệm thu toàn bộ.

Nhà thầu sẽ tham dự các cuộc họp tại hiện trường trong thời gian thi công xây lắp và chạy thử thiết bị, khuyến nghị Bên mời thầu các biện pháp hữu hiệu để điều hành kế hoạch và tiến độ công trình.

Nhà thầu sẽ đệ trình cho Bên mời thầu các báo cáo kế hoạch định kỳ một tháng một lần dưới dạng mẫu biểu để Bên mời thầu nắm được thông tin nhằm vạch ra kế hoạch điều hành tổng thể trên công trường.

Số lượng và loại hình giám sát viên Nhà thầu dự kiến và điền vào theo bảng sau:

**Dự kiến số lượng và loại giám sát viên của Nhà thầu**

<b>TT</b>	<b>Công việc</b>	<b>Loại giám sát viên</b>	<b>Tháng/Người</b>
<b>1</b>	Lắp đặt và chạy thử không tải		
1.1			
1.2			
<b>2</b>	Hiệu chỉnh, chạy thử, chạy thử chức năng		
2.1			
2.2			
2.3			
2.4			
	Tổng (1+2)		

**2.3.1.5. Yêu cầu đào tạo**

Trên cơ sở yêu cầu của Nhà thầu, Bên mời thầu có trách nhiệm tập hợp đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân kỹ thuật đã có kiến thức cơ bản về sản xuất bột silica để Nhà thầu tiến hành công tác đào tạo, cụ thể:

- Đảm bảo đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật chuyên ngành có hiểu biết về kỹ thuật sản xuất bột silica hiện đại và hiểu sâu việc vận hành, sửa chữa thiết bị, máy móc do nhà thầu cung cấp.
- Lực lượng công nhân kỹ thuật có hiểu biết về kỹ thuật sản xuất, nắm vững cơ sở lý thuyết và các thao tác sẽ đảm nhận công tác vận hành nhà máy. Hiểu biết và nắm vững các quy định trong sản xuất, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ.

Nhà thầu sẽ đưa ra chương trình đào tạo cần thiết cho đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân kỹ thuật của Bên mời thầu và số lượng giảng viên, kỹ thuật viên của Nhà thầu cần thiết cho việc đào tạo đó.

**2.3.1.6. Trợ giúp kỹ thuật trong 6 tháng sản xuất đầu tiên**

Nhà thầu có trách nhiệm trợ giúp kỹ thuật và tiếp tục chuyển giao kỹ thuật sản xuất cho Bên mời thầu ngay sau khi có chứng chỉ nghiệm thu toàn bộ. Thời gian trợ giúp kỹ thuật của Nhà thầu cho bên mời thầu là 6 tháng kể từ ngày ký chứng chỉ nghiệm thu toàn bộ. Nhà thầu cử số chuyên gia cần thiết đủ năng lực, có kinh nghiệm, tay nghề cao trợ giúp kỹ thuật Bên mời thầu vận hành sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, xử lý sự cố trong sản xuất để đảm bảo Nhà máy sản xuất ổn định, đạt công suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu.

Để thực hiện toàn bộ các dịch vụ của Nhà thầu tại nhà máy như đã nêu trên. Nhà thầu phải chịu các chi phí về văn phòng làm việc, các thiết bị thông tin liên lạc như điện

thoại, fax, telex cho văn phòng, nơi ở, ăn uống, các phương tiện đi lại. Bên mời thầu trong khả năng của mình sẽ tạo điều kiện giúp đỡ Nhà thầu các nội dung trên.

### **2.3.1.7. Chạy thử**

Sau khi hoàn thành lắp đặt thiết bị thuộc gói thầu Nhà thầu cùng với bên mời thầu tiến hành chạy thử. Trước khi tiến hành chạy thử Nhà thầu có trách nhiệm nêu rõ quy trình chạy thử, phương pháp kiểm tra đo lường, sai số phép đo, dụng cụ đo lường và vị trí đo lường và phải được sự thống nhất của bên mời thầu.

Quy trình chạy thử bao gồm:

#### **1. Chạy thử không tải:**

- Chạy thử không tải từng thiết bị độc lập.
- Chạy thử không tải liên động từng cụm thiết bị (từng công đoạn sản xuất).

Thực hiện theo yêu cầu kỹ thuật và tiến hành các bước chạy thử không tải, hướng dẫn vận hành và quy trình kỹ thuật của Nhà thầu. Kết quả chạy thử phải được ghi vào văn bản do hai bên ký kết.

#### **2. Chạy thử có tải:**

Sau khi hoàn thành chạy thử không tải sẽ thực hiện ngay chạy thử có tải cho từng thiết bị độc lập và cụm thiết bị và toàn bộ thiết bị theo 3 bước:

- Bước 1: 1 ÷ 3 ca - 8 giờ liên tục/ca.
- Bước 2: 1 ÷ 3 ngày - 24 giờ liên tục/ngày.
- Bước 3: 3 ngày liên tục để đạt công suất bảo hành.

#### **3. Chạy thử bảo hành:**

Sau khi chạy thử có tải, nếu thiết bị hoạt động ổn định sẽ thực hiện chạy thử bảo hành như sau:

### Chạy thử bảo hành

Công đoạn	Số lần thử	Thời gian chạy thử 1 lần (giờ)	Dừng máy	
			Số lần cho phép dừng	Tổng thời gian dừng cho phép (phút)
Nạp liệu, sấy và vận chuyển nguyên liệu	2	8	1	15 phút
Nghiền, phân ly và đóng gói	2	12	1	15 phút

- Nếu số lần ngừng máy vượt quá những quy định nêu trên thì Nhà thầu và Bên mời thầu phải tiến hành lại cuộc thử.
- Nếu trong vòng hai tháng tiến hành chạy thử mà thiết bị của Nhà thầu vẫn không đạt được những thông số bảo hành thì Nhà thầu phải chịu phạt theo các điều khoản cam kết trong hợp đồng hoặc Bên mời thầu có quyền không chấp nhận thiết bị đó và yêu cầu thay thế thiết bị khác. Mọi chi phí cho việc thay thế thiết bị mới này do Nhà thầu chịu.

#### 2.3.2. Yêu cầu về các chỉ tiêu bảo hành

##### 2.3.2.1. Yêu cầu về các chỉ tiêu bảo hành thiết bị cơ

Nhà thầu phải đảm bảo những thông số bảo hành tương ứng của toàn bộ các thiết bị do Nhà thầu cung cấp.

Để đảm bảo các chỉ tiêu bảo hành, nhà thầu phải mô tả và nêu cụ thể:

- Các điều kiện để thực hiện bảo hành.
- Thiết bị để kiểm tra, xác định các chỉ tiêu bảo hành, độ chính xác và dung sai đo lường yêu cầu.
- Phương pháp xác định các chỉ tiêu bảo hành, các công thức tính toán, kiểm tra được áp dụng.

Nhà thầu phải đảm bảo những thông số bảo hành sau đây:

#### NHỮNG THÔNG SỐ BẢO HÀNH

Tên thiết bị	Chỉ tiêu bảo hành	Đơn vị	Trị số bảo hành
Hệ thống sấy	- Năng suất	T/h	$\geq 10$
	- Độ ẩm sản phẩm sau khi sấy	%	$\leq 1$
	- Tiêu thụ điện năng	kWh/T	(*)
Máy nghiền cát	- Năng suất (cỡ hạt 45 $\mu$ m)	T/h	$\geq 7$
	- Độ mịn sản phẩm: 45 $\mu$ m, 75 $\mu$ m, 125 $\mu$ m.	% còn lại trên sàng	$\leq 10$
	- Độ ẩm sản phẩm sau khi nghiền	%	$\leq 1$

Tên thiết bị	Chỉ tiêu bảo hành	Đơn vị	Trị số bảo hành
	- Tiêu thụ điện năng - Tuổi thọ bi nghiền	kWh/T h	(* *)
Lọc bụi	- Nồng độ bụi trong khí đầu ra của lọc bụi túi - Tuổi thọ của túi lọc	mg/Nm <sup>3</sup> h	≤ 30 (* )
Phân ly hiệu suất cao	- Năng suất - Độ mịn sản phẩm  - Độ ẩm sản phẩm - Tiêu thụ điện năng	T/h % trên sàng 45µm % kWh/T	(* *)  ≤ 1 (* )
Gầu nâng	- Tuổi thọ của xích - Tuổi thọ của gầu - Năng suất	h h T/h	(* *) (* )
Băng tải các loại	- Tuổi thọ của băng cao su - Năng suất	h T/h	(* *)
Thiết bị đóng gói	- Năng suất - Tiêu thụ điện năng	T/h kWh/T	≥ 10 (* )
Các ổ đỡ	- Tuổi thọ	h	(* )

(\* ) Giá trị cụ thể do Nhà thầu chào. Các thông số bảo hành sẽ là căn cứ để đánh giá HSDT.

### 2.3.2.2. Yêu cầu về các thông số bảo hành thiết bị điện.

#### Yêu cầu chung về bảo hành:

Việc thiết kế, chế tạo và cung cấp thiết bị của Nhà thầu phải đảm bảo đáp ứng tất cả các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng, phù hợp với tiêu chuẩn IEC và những yêu cầu riêng của nêu trong HSMT, sao cho dây chuyền vận hành trơn tru, đạt các chỉ tiêu bảo hành mà không gặp bất kỳ một trở ngại nào với lý do về điện, điều khiển.

#### NHỮNG THÔNG SỐ BẢO HÀNH

Tên thiết bị	Chỉ tiêu bảo hành	Đơn vị	Trị số bảo hành
- Động cơ điện	Công suất động cơ Tốc độ động cơ Tăng nhiệt độ cho phép	kW vg/ph °K	Đáp ứng yêu cầu thiết bị cơ  80

Tên thiết bị	Chỉ tiêu bảo hành	Đơn vị	Trị số bảo hành
- Bộ biến đổi	Sai số điều chỉnh	%	1
- Công tắc tơ, máy cắt	- Công suất - Tần suất vận hành - Độ bền điện - Độ bền cơ		Đáp ứng yêu cầu tải ≥ 1200 lần/giờ ≥ 500.000 lần ≥ 5000.000 lần
- Hệ thống điều khiển (bao gồm thiết bị phần cứng, chương trình phần mềm điều khiển)	Đặc tính hệ thống điều khiển		- Thế hệ mới, hệ thống mở. Đáp ứng yêu cầu công nghệ, đảm bảo vận hành an toàn, trơn tru dây chuyền sản xuất.
	Sai số điều chỉnh	%	0,5

### 2.3.3. Yêu cầu về nội dung giám định chất lượng thiết bị

#### 2.3.3.1. Yêu cầu về nội dung giám định chất lượng thiết bị.

Tất cả các thiết bị chính do nhà thầu nhập khẩu phải được kiểm định bởi một Tổ chức giám định uy tín hiện đang hoạt động tại nước sản xuất.

Các thiết bị nói trên phải được Bên mời thầu kiểm tra trước khi đóng gói để chuyển tới Việt nam. Nhà thầu phải tổ chức một đoàn cán bộ của Bên mời thầu kiểm tra thiết bị tại chỗ trước khi đóng gói.

Đối với các thiết bị gia công, chế tạo trong nước phải được kiểm định bởi một Tổ chức giám định uy tín trong nước tại nơi sản xuất trước khi đóng gói

Các thiết bị chính cần được kiểm tra như sau:

- Các thiết bị và bộ phận máy cần được kiểm tra chất lượng.

STT	Tên thiết bị	Phần kiểm tra
1	Hệ thống sấy	Lò đốt, phần cơ và động cơ
2	Gầu tải	Phần cơ và động cơ
3	Máy nghiền bi	- Thân máy nghiền - Vành răng - Bánh răng truyền động - Hộp giảm tốc - Động cơ truyền động chính - Các cụm gối đỡ - Các tấm lót và vách ngăn



STT	Tên thiết bị	Phần kiểm tra
		- Hệ thống bôi trơn
4	Máy phân ly (hiệu suất cao)	Toàn bộ cụm roto bao gồm cả bộ truyền động và động cơ
5	Quạt công nghệ	- Cánh quạt ( roto) - Động cơ và bộ truyền động
6	Lọc bụi	Túi lọc, phần cơ và động cơ
7	Vít tải, băng tải,...	Phần cơ và động cơ

### - Các thiết bị điện và điều khiển

Tất cả các thiết bị điện, điều khiển quan trọng phải được kiểm tra trong quá trình chế tạo và trước khi giao hàng theo quy định IEC (Routine tests)

#### 2.3.3.2. Các bước kiểm tra và kiểm định

- Kiểm định chất lượng và vật liệu chế tạo chi tiết máy.
- Kiểm định chất lượng lắp ráp tại nhà máy chế tạo.
- Kiểm định chất lượng các mối hàn.
- Kiểm định lần cuối trước khi đóng gói.
- Kiểm định tại nơi giao hàng:
- Kiểm định tại nơi giao hàng được thực hiện bởi tổ chức kiểm định của Việt Nam thực hiện. Việc này nhằm mục đích xác định các thiết bị được cung cấp đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, đủ về số lượng.
- Nhà thầu sẽ đệ trình lịch kiểm tra thiết bị, và chứng chỉ kiểm tra xuất xưởng cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ cử các kỹ sư của mình tham gia quá trình kiểm định thiết bị cùng tổ chức kiểm định tại hiện trường.
- Bất kỳ một thiết bị nào có sai khác hoặc không phù hợp với các quy định và các đặc tính kỹ thuật trong hợp đồng sẽ được thay thế bằng thiết bị khác phù hợp.
- Mọi chi phí liên quan đến việc bổ sung và/hoặc thay thế thiết bị do thiếu, không đủ số lượng, không đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà thầu chịu.

**PHỤ LỤC SỐ 1**  
**DANH MỤC THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ**

## A. HỆ THỐNG CẤP LIỆU VÀ SẤY:

Mã hiệu	Tên thiết bị và đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Trị số	Ghi chú
<b>01HP1</b>	<b>Phễu tiếp nhận</b>			
	Số lượng	bộ	1	
	Kết cấu		Thép	
	Dung tích	m <sup>3</sup>	25	
<b>01BC1</b>	<b>Cấp liệu băng</b>			
	Số lượng	Bộ	1	
	Kiểu		Cấp liệu băng	
	Công suất	t/h	10	
	Chiều dài	m	6	
	Công suất motor cấp liệu	kW	4,5	
<b>01BE1</b>	<b>Gầu nâng</b>			
	Số lượng		1	
	Năng suất	Tấn/h	20	
	Rộng gầu	mm	160	
	Chiều cao hai tâm tang	m	10,7	
	Kiểu		xích	
	Động cơ điện	kW	7,5	
<b>01DR1</b>	<b>Máy sấy</b>			
	Số lượng	Bộ	<b>01</b>	
	Kiểu		Thùng quay	
	Độ ẩm nguyên liệu	%	10-15	
	Độ ẩm sản phẩm sau sấy	%	≤ 1	
	Kết cấu		Thép	
	Năng suất	t/h	10	
	Kích thước (D x L)			
	Độ nghiêng			
	Động cơ	kW		
<b>01HG1</b>	<b>Buồng đốt cho máy sấy</b>			
	Số lượng	Bộ	01	
	<i>Phụ kiện đi kèm:</i>			
	Van, quạt, cyclone lắng...		Trọn bộ	
<b>01BF1</b>	<b>Lọc bụi túi (kèm quạt)</b>			
	Số lượng	bộ	1	
	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	30000	
	Nồng độ bụi tại đầu vào	g/Nm <sup>3</sup>	100	

<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên thiết bị và đặc tính kỹ thuật</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Trị số</b>	<b>Ghi chú</b>
	Nồng độ bụi tại đầu ra	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 30	
	Tổn thất áp suất	Pa		
	Tiêu thụ khí nén	m <sup>3</sup> /h		
	Áp suất khí nén	bar		
	<b><i>Động cơ</i></b>			
	- Cấp liệu tang	kW	1,1	
	- Quạt gió	kW	55	
	Khối lượng	kg		
<b>01BC2</b>	<b>Băng tải cao su</b>			
	Số lượng	bộ	1	
	<b>Vật liệu vận chuyển</b>			
	Loại vật liệu		Cát sau sấy	
	Cỡ hạt	mm	≤ 1,5mm (100%)	
	Độ ẩm	%	≤ 1	
	<b>Đặc tính kỹ thuật</b>			
	Chiều rộng băng	mm	400	
	Chiều dài băng (L)	m	15,6	
	Góc nghiêng	độ		
	Tốc độ	m/s	1,25	
	Năng suất	T/h	25	
	<b><i>Động cơ</i></b>			
	- Công suất	kW	4,5	
	- Điện áp	V	380	
<b>01BE2</b>	<b>Gầu nâng</b>			
	Số lượng		1	
	Năng suất	Tấn/h	20	
	Rộng gầu	mm	250	
	Chiều cao hai tâm tang	m	8,5	
	Kiểu		xích	
	Động cơ điện	kW	7,5	
	<b><i>Các thiết bị còn lại Và phụ kiện đi kèm...</i></b>		<b><i>Trọn bộ</i></b>	

## B. HỆ THỐNG MÁY NGHIÊN – PHÂN LY – LỌC BỤI – SILO – ĐÓNG BAO.

Mã hiệu	Tên thiết bị và đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Trị số	Ghi chú
<b>02HP1</b>	<b>Silo chứa nguyên liệu</b>			
	Số lượng	bộ	1	
	Kết cấu		Thép	
	Dung tích	m <sup>3</sup>	22	
	Kích thước	mm	3500 x 3500	
<b>02BC1</b>	<b>Cấp liệu băng</b>			
	Số lượng	Bộ	1	
	Kiểu		Cấp liệu băng	
	Công suất	t/h	10	
	Kích thước	mm	B650x6000	
	Công suất motor cấp liệu	kW	2,8	
<b>02MS1</b>	<b>Thiết bị tách từ</b>			
	Số lượng	cái	1	
	Chiều rộng băng	m	650	
	Chiều dày lớp liệu	mm	200	
	Động cơ yêu cầu	kW	6	
<b>02BM1</b>	<b>Máy nghiền bi</b>			
	Số lượng	bộ	1	
	<b>Vật liệu</b>			
	Loại vật liệu		Cát sau sấy + cát sau nghiền hồi lưu	
	Kích thước	mm	≤ 1,5mm (100%)	
	Độ ẩm	%	≤ 1	
	<b>Sản phẩm nghiền</b>			
	Độ mịn sản phẩm sau nghiền	µm	d90 ≤ 45µm	
	Độ ẩm sản phẩm sau nghiền	%		
	<b>Đặc tính kỹ thuật</b>			
	Năng suất	T/h	7	
	Tốc độ quay	v/phút		
	Kích thước	m	Φ 2,6 x 8,0	
	Trọng lượng bi đạn	T		
	<b>Động cơ chính</b>			
	- Công suất	kW	500	
	- Tốc độ	v/phút	1500	
<b>02FV1</b>	<b>Van tấm lật</b>			
	Số lượng		1	

	Năng suất	T/h	10	
<b>02EH1</b>	<b>Tời điện</b>			
	Số lượng		1	
	Sức nâng	T	3	
	Chiều cao nâng	m	8	
	Động cơ điện	kW	4	
<b>02BE1</b>	<b>Gầu nâng</b>			
	Số lượng		1	
	Năng suất	Tấn/h	60	
	Rộng gầu	mm	500	
	Chiều cao hai tâm tang	m	16	
	Kiểu		băng	
	Động cơ điện	kW	22	
<b>02SP1</b>	<b>Phân ly</b>			
	Số lượng	bộ	1	
	<b>Vật liệu phân ly</b>			
	Loại vật liệu		Cát sau nghiền	
	Độ ẩm	%	≤ 1	
	<b>Sản phẩm phân ly</b>			
	Độ mịn sản phẩm sau phân ly	μm	d90 ≤ 45μm	
	Độ ẩm sản phẩm sau phân ly	%		
	<b>Đặc tính kỹ thuật</b>			
	Lưu lượng	Nm <sup>3</sup> /h		
	Tốc độ quay	v/phút		
	Năng suất sản phẩm ra (mịn)	T/h	7	
	<b>Động cơ</b>			
	- Số lượng	bộ	1	
	- Công suất	kW	15+30	
	- Tốc độ	v/phút		
<b>02AS1</b>	<b>Máng khí động (kèm quạt)</b>			
	Số lượng		01	
	Kích thước	mm	300x18000	
	Công suất	T/h	25	
	Động cơ	kW	4,5	
<b>02BF1</b>	<b>Lọc bụi túi (kèm quạt)</b>			
	Số lượng	bộ	1	
	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	26700	
	Nồng độ bụi tại đầu vào	g/Nm <sup>3</sup>	100	
	Nồng độ bụi tại đầu ra	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 30	

	Tổn thất áp suất	Pa		
	Tiêu thụ khí nén	m <sup>3</sup> /h		
	Áp suất khí nén	bar		
	<b>Động cơ</b>			
	- Cấp liệu tang	kW	1,1	
	- Quạt gió	kW	50	
	Khối lượng	kg		
<b>02SC1</b>	<b>Vít tải</b>			
	Số lượng		01	
	Kích thước	mm	250x12500	
	Công suất	T/h	10	
	Động cơ	kW	4,5	
<b>02BE2</b>	<b>Gầu nâng</b>			
	Số lượng		1	
	Năng suất	Tấn/h	20	
	Rộng gầu	mm	140	
	Chiều cao hai tâm tang	m	14	
	Kiểu		xích	
	Động cơ điện	kW	4,5	
<b>02SC2</b>	<b>Vít tải</b>			
	Số lượng		01	
	Kích thước	mm	300x6600	
	Công suất	T/h	10	
	Động cơ	kW	4,5	
<b>02BF2</b>	<b>Lọc bụi túi (kèm quạt)</b>			
	Số lượng	bộ	1	
	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	8030	
	Nồng độ bụi tại đầu vào	g/Nm <sup>3</sup>	100	
	Nồng độ bụi tại đầu ra	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 30	
	Tổn thất áp suất	Pa		
	Tiêu thụ khí nén	m <sup>3</sup> /h		
	Áp suất khí nén	bar		
	<b>Động cơ</b>			
	- Cấp liệu tang	kW	1,1	
	- Quạt gió	kW	18	
	Khối lượng	kg		
<b>02SI1&amp;2</b>	<b>Si lô sản phẩm</b>			

	Số lượng	bộ	2	
	Kiểu		Si lô tròn	
	<b>Vật liệu chứa</b>			
	Loại vật liệu		Cát thành phẩm	
	Kích thước	µm	d90 ≤ 45µm	
	Độ ẩm	%		
	<b>Đặc tính kỹ thuật</b>			
	Đường kính (Ø)	mm	4000	
	Chiều cao (H)	mm	6000	
	Góc côn (phần đáy)	độ		
	Kết cấu		Thép	
	Thể tích	m <sup>3</sup>		
	<b>Thiết bị kèm theo</b>			
	<b>Thiết bị đo mức dây</b>	<b>bộ</b>	<b>1</b>	
	- Điện áp	V	230	
	<b>Thiết bị đo mức rộng</b>	<b>bộ</b>	<b>1</b>	
	- Công suất	kW		
	- Điện áp	V	230	
	<b>Thiết bị rung đáy si lô</b>	<b>bộ</b>	<b>1</b>	
	- Công suất	kW	2 x 1.1	
	Khối lượng (01 si lô)	kg	7730	
<b>02PA1&amp;2</b>	<b>Máy đóng bao</b>			
	Số lượng	bộ	2	
	Kiểu		Máy đóng bao 2 vôi	
	<b>Vật liệu vận chuyển</b>			
	Loại vật liệu		Cát thành phẩm	
	Kích thước	mm	d90 ≤ 45µm	
	Độ ẩm	%	≤ 1	
	<b>Đặc tính kỹ thuật</b>			
	Năng suất	T/h	5	
	Loại bao đóng	kg	25 - 50	
	<b>Động cơ</b>			
	- Công suất	kW	5	
	Khối lượng (01 máy)	kg		
<b>02BR1</b>	<b>Băng tải con lăn</b>			
	Số lượng	Bộ	1	
	Kiểu		Con lăn	
	Công suất	t/h	15	



	Kích thước	mm	B800x6000	
	Công suất motor cấp liệu	kW	2,8	
<b>02BC2</b>	<b>Băng tải cao su</b>			
	Số lượng	Bộ	1	
	Kiểu		Phẳng	
	Công suất	t/h	15	
	Kích thước	mm	B650x8000	
	Công suất motor cấp liệu	kW	3	
<b>02BC3</b>	<b>Băng tải cao su</b>			
	Số lượng	Bộ	1	
	Kiểu		Phẳng	
	Công suất	t/h	15	
	Kích thước	mm	B650x21500	
	Công suất motor cấp liệu	kW	7	
	<i>Các thiết bị còn lại Và phụ kiện đi kèm...</i>		<i>Trọn bộ</i>	

### C. HỆ THỐNG ĐIỆN VÀ CÁC HỆ THỐNG KỸ THUẬT:

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống điện động lực	1	Được thiết kế theo hệ thống máy chính tại mục A và B và theo Yêu cầu kỹ thuật của HSMT
2	Hệ thống đo lường điều khiển	1	
3	Hệ thống cung cấp khí nén	1	
4	Hệ thống Cấp và xử lý nước	1	
5	Các thiết bị phi tiêu chuẩn (sàn thao tác, giá đỡ, ống nối,...)	1	
6	Hệ thống phụ trợ khác	1	

### MỤC 3. BẢN VẼ

1. Nhà thầu phải tính toán và đưa ra trong HSDT phần Đề xuất kỹ thuật các bản vẽ thiết kế sơ bộ bao gồm tối thiểu các bản vẽ sau:

- Mặt bằng sơ đồ, bố trí công nghệ tổng thể, mặt cắt cao độ nhà xưởng và các vị trí đặt máy.
- Mặt bằng bố trí các móng máy, vị trí bố trí các hệ thống chủ yếu và các yêu cầu về xây dựng...

2. Các bản vẽ đưa ra trong HSMT nhằm mục đích để nhà thầu tham khảo, bao gồm các bản vẽ sau:

<b>Danh mục bản vẽ trong HSMT</b>		
<b>Bản vẽ số</b>	<b>Tên bản vẽ</b>	<b>Mục đích sử dụng</b>
01-20-TMB-01	Tổng mặt bằng toàn khu	
01-20-CN-01	Sơ đồ công nghệ sấy và vận chuyển cát nguyên liệu	
01-20-CN-02	Sơ đồ công nghệ nghiền cát và xuất sản phẩm	
01-20-CN-03	Mặt bằng bố trí thiết bị	
01-20-CN-04	Chi tiết mặt cắt	
01-20-CN-05	Chi tiết mặt cắt	

**Phần 3**  
**ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**  
**Chương VI**  
**ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

<b>1. Định nghĩa</b>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>ĐKCT</b>;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDT; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. "Hàng hóa" bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư dùng cho các cơ sở ;</p> <p>1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<b>2. Thứ tự ưu tiên</b>	<p>Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.4. <b>ĐKCT</b>;</p> <p>2.5. <b>ĐKC</b>;</p> <p>2.6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu;</p> <p>2.7. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);</p> <p>2.8. Các tài liệu khác quy định tại <b>ĐKCT</b>.</p>
<b>3. Luật và ngôn ngữ</b>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>

<b>4. Ủy quyền</b>	Trừ khi có quy định khác trong <b>ĐKCT</b> , Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
<b>5. Thông báo</b>	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại <b>ĐKCT</b> . 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
<b>6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại <b>ĐKCT</b> . 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>ĐKCT</b> .
<b>7. Nhà thầu phụ</b>	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại <b>ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT. 7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại <b>ĐKCT</b> .
<b>8. Giải quyết tranh chấp</b>	8.1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại <b>ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại <b>ĐKCT</b> .
<b>9. Phạm vi cung cấp</b>	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại hàng hóa, dịch vụ đó.
<b>10. Tiến độ cung cấp hàng hóa, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và</b>	Tiến độ cung cấp hàng hóa và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại <b>ĐKCT</b> .

<b>tài liệu chứng từ</b>	
<b>11. Trách nhiệm của Nhà thầu</b>	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ Hàng hóa và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hóa, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
<b>12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng</b>	<p>12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>12.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
<b>13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng</b>	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
<b>14. Điều chỉnh thuế</b>	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
<b>15. Tạm ứng</b>	<p>15.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.</p>
<b>16. Thanh toán</b>	<p>16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>

<b>17. Bản quyền</b>	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
<b>18. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</b>	<p>18.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>18.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 18.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.</p> <p>18.3. Các tài liệu quy định tại Mục 18.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
<b>19. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</b>	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương VI - Phạm vi cung cấp; nếu tại Mục 2 Chương VI không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
<b>20. Đóng gói hàng hóa</b>	Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
<b>21. Bảo hiểm</b>	Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.
<b>22. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh</b>	Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác được quy định tại ĐKCT.
<b>23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</b>	23.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT.

	<p>23.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.</p> <p>23.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.2 ĐKC, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
<b>24. Bồi thường thiệt hại</b>	<p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC.</p>
<b>25. Bảo hành</b>	<p>25.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.</p> <p>25.2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại ĐKCT.</p>
<b>26. Bất khả kháng</b>	<p>26.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>26.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>26.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị</p>

	<p>chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
<b>27. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng</b>	<p>27.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;</p> <p>b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;</p> <p>c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;</p> <p>d) Thay đổi địa điểm giao hàng;</p> <p>đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>e) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>27.2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
<b>28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</b>	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>28.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>28.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>28.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>28.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
<b>29. Chấm dứt hợp đồng</b>	<p>29.1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <p>a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;</p> <p>b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>29.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 29.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên,</p>



<p>nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>29.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 29.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>
--

**Chương VII**  
**ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

<b>ĐKC 1.1</b>	Chủ đầu tư là: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP.
<b>ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu: ____ [ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
<b>ĐKC 1.11</b>	Địa điểm Dự án là: Xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa .
<b>ĐKC 2.8</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác); 2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 5. Điều kiện chung của hợp đồng; 6. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có); 7. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
<b>ĐKC 4</b>	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
<b>ĐKC 5.1</b>	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: ____ [ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có]. Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam Điện thoại: 0839235020 Fax: 0838382182
<b>ĐKC 6.1</b>	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng Séc bảo chi. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 21 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng)]. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành theo qui định.
<b>ĐKC 6.2</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
<b>ĐKC 7.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: __ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDT].
<b>ĐKC 7.3</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: ____ [ghi yêu cầu khác về

	nhà thầu phụ (nếu có)].
<b>ĐKC 8.2</b>	Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa là 30 ngày Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra Tòa Kinh tế - Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết.
<b>ĐKC 10</b>	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa: + Chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin – CO) + Chứng nhận chất lượng (Certificate of Quality – CQ) + Tờ khai hải quan đối với hàng nhập khẩu. Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi hàng hóa đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.
<b>ĐKC 12.1</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói.
<b>ĐKC 12.2</b>	Giá hợp đồng: ___[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng].
<b>ĐKC 13</b>	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: Không áp dụng.
<b>ĐKC 14</b>	Điều chỉnh thuế: Không được phép
<b>ĐKC 15.1</b>	Tạm ứng: Theo quy định hiện hành, phù hợp với kế hoạch vốn và sẽ được xác định cụ thể khi thương thảo hợp đồng hoặc khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có).
<b>ĐKC 16.1</b>	Phương thức thanh toán: - Hình thức thanh toán chuyển khoản 100% - Theo quy định hiện hành, phù hợp với kế hoạch vốn và sẽ được xác định cụ thể khi thương thảo hợp đồng hoặc khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có). - Đồng tiền thanh toán: VND.
<b>ĐKC 20</b>	Đóng gói hàng hóa: Nhà thầu phải đảm bảo việc đóng gói tốt hàng hóa, khi giao, đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, không bị tác động về bất cứ yếu tố nào ảnh hưởng đến chất lượng và sự hoạt động ổn định của thiết bị.
<b>ĐKC 21</b>	Nội dung bảo hiểm: Các trang thiết bị được bảo hiểm đầy đủ theo qui định cho đến khi được bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Ngoài ra Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ bảo hiểm theo Luật hiện hành. Tất cả các chi phí bảo hiểm cần thiết sẽ do Bên trúng thầu chịu và được cấu thành trong đơn giá bỏ thầu mà Nhà thầu đã bỏ lúc dự thầu.
<b>ĐKC 22</b>	- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: + Toàn bộ các chi phí cần thiết để vận chuyển hàng hóa tới công trình: Chi phí vận tải, thuế nhập khẩu, bảo hiểm ... sẽ do Bên trúng thầu chịu và được cấu thành trong đơn giá bỏ thầu mà Nhà thầu đã bỏ lúc dự thầu. + Đảm bảo cung cấp đủ số lượng, chất lượng hàng hóa phù hợp với yêu cầu quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thầu phải tổ chức lắp đặt thiết bị và vận hành chạy thử, đào tạo chuyển giao công nghệ...</li> <li>+ Cung cấp các tài liệu chỉ dẫn chi tiết về vận hành và bảo dưỡng cho mỗi loại thiết bị được cung cấp;</li> <li>+ Thực hiện hoặc giám sát việc bảo dưỡng, sửa chữa các vật tư thay thế thiết bị, đã cung cấp;</li> <li>+ Đào tạo nhân sự cho chủ đầu tư về việc lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các vật tư thiết bị được cung cấp.</li> </ul>
<b>ĐKC 23.1</b>	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>Chủ đầu tư (bên mời thầu) hoặc đại diện của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Địa điểm: Xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa</li> <li>+ Thời gian: do các bên thỏa thuận;</li> <li>+ Nội dung kiểm tra: kiểm tra toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng;</li> <li>+ Chi phí tổ chức thực hiện: do nhà thầu chịu.</li> </ul> <p>- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên mời thầu không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.</p>
<b>ĐKC 24</b>	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: sẽ được quy định cụ thể khi thương thảo, ký kết hợp đồng.
<b>ĐKC 25.1</b>	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác, đối với hàng hóa: Hàng hóa cung cấp phải đúng yêu cầu trong HSMT, phải là hàng mới 100% và không hư hỏng trong quá trình vận chuyển.
<b>ĐKC 25.2</b>	<p>Yêu cầu về bảo hành, bảo trì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn bảo hành: Thời hạn bảo hành được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao và nghiệm thu.</li> <li>- Bảo hành: Tiền đảm bảo cho quá trình bảo hành vật tư thay thế thiết bị: Toàn bộ số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng, được giữ lại trong suốt quá trình bảo hành hàng hóa. Số tiền này sẽ hoàn trả Nhà thầu ngay sau khi hết thời hạn bảo hành hàng hóa.</li> <li>- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khi hàng hóa hư hỏng, khuyết tật phát sinh Chủ đầu tư sẽ báo ngay cho Nhà thầu biết bằng điện thoại; hoặc văn bản;</li> </ul> </li> </ul>

	<p>+ Ngay sau khi Chủ đầu tư báo, Nhà thầu có hướng xử lý thích hợp trong vòng 24 giờ và lập biên bản sự cố xảy ra, hướng xử lý với nguyên tắc: Các hư hỏng, khuyết tật ...do yếu tố kỹ thuật của Nhà sản xuất, Nhà thầu phải khắc phục, mọi chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật Nhà thầu phải chịu (thời gian khắc phục đến khi hàng hóa hoạt động ổn định, được cộng thêm vào thời gian bảo hành).</p> <p>Nội dung chi tiết sẽ được quy định cụ thể khi thương thảo, ký kết hợp đồng.</p>
<b>ĐKC 27.1 (e)</b>	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: sẽ được xác định cụ thể khi thương thảo hợp đồng hoặc khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có).
<b>ĐKC 28.4</b>	Các trường hợp khác: sẽ được xác định cụ thể khi thương thảo hợp đồng hoặc khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có).
<b>ĐKC 29.1 (d)</b>	Các hành vi khác: sẽ được xác định cụ thể khi thương thảo hợp đồng hoặc khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có).

## **Chương VIII**

### **BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 19. Thư chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng

Mẫu số 20. Hợp đồng

Mẫu số 21. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 22. Bảo lãnh tiền tạm ứng

**THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư [ghi tên chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”] về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu [ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”] xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là ..... [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];

Thời gian ký kết hợp đồng: \_\_\_\_ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 21 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(1)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

**HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);
- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);
- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);
- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư [ghi tên chủ đầu tư]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [ghi tên nhà thầu trúng thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

\_\_\_\_\_

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.



Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

## **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

## **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

## **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

## **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 16.1 ĐKCT.

**Điều 6. Loại hợp đồng:** \_\_\_\_ [ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12.1 ĐKCT].

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.3 BDL, HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

## **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].
  2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập thành \_\_ bộ, Chủ đầu tư giữ \_\_ bộ, nhà thầu giữ \_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA NHÀ THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSMT, HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

### BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung giá hợp đồng	Thành tiền
1	Giá hàng hóa	(M)
2	Giá dịch vụ liên quan	(I)
<b>Tổng cộng giá hợp đồng</b> (Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)		<b>(M) + (I)</b>

### BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hóa thứ 1					M1
2	Hàng hóa thứ 2					M2
	....					
n	Hàng hóa thứ n					Mn
<b>Tổng cộng giá hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b> (Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)						<b>M=M1+M2+... +Mn</b>

### BẢNG GIÁ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6
Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 2x5)
<b>Tổng giá các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b> (Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)					<b>(I)</b>

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA NHÀ THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); <sup>(2)</sup>

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] ở \_\_\_\_ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(4)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_[ghi tên Chủ đầu tư ]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_[ghi tên của ngân hàng] ở \_\_[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại \_\_[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 15.1 ĐKCT của HSMT].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 15.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

(3) Ngày quy định tại Điều 31 ĐKCT.